

Số: /BC-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

**BÁO CÁO**  
**Công tác bảo vệ môi trường năm 2025**

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Hội đồng nhân dân thành phố.

**I. HIỆN TRẠNG, DIỄN BIẾN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

**1. Môi trường không khí**

*1.1. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường không khí khu vực phía Tây*

a) Chất lượng không khí tại các điểm quan trắc khu dân cư

- Kết quả quan trắc chất lượng không khí năm 2025 tại 41 điểm quan trắc khu dân cư trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng nhìn chung ở mức tốt; nồng độ các thông số CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT. Tại các khu dân cư gần cơ sở sản xuất cám, sản xuất gạch, nhà máy xử lý rác và khu vực lò hỏa táng, các thông số CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, HF và bụi tổng (TSP) đều nằm trong giới hạn cho phép; mức tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT. Đối với bụi TSP, trong đợt quan trắc 2/2025, toàn bộ 41/41 điểm đều đạt quy chuẩn; tuy nhiên, tại đợt 3/2025, điểm khu dân cư Cổ Phục (xã Phú Thái) ghi nhận nồng độ bụi vượt 1,23 lần và tại đợt 4/2025, điểm khu dân cư Tú Y (xã Hà Đông) vượt 1,08 lần so với quy chuẩn. Nguyên nhân chủ yếu là do tại thời điểm quan trắc có lưu lượng lớn xe tải chở vật liệu qua lại, mặt đường bám nhiều bụi đất; khi phương tiện di chuyển liên tục và với tốc độ cao đã cuốn bụi từ mặt đường phát tán vào không khí, gây ô nhiễm bụi cục bộ. Tiếng ồn tại các điểm quan trắc dao động trong khoảng 50,9 - 67dBA và đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT.

- Diễn biến chất lượng không khí khu dân cư trong các đợt quan trắc từ năm 2021 đến đợt 4/2025 cho thấy, tại 41 điểm quan trắc khu dân cư trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng, chất lượng không khí nhìn chung duy trì ở ngưỡng tốt; nồng độ các thông số CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> thường xuyên đạt quy chuẩn cho phép. Nồng độ các thông số NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, HF quan trắc tại 07 điểm khu dân cư nằm gần các cơ sở sản xuất gạch, thức ăn chăn nuôi, nhà máy xử lý rác thải và khu vực đài hỏa táng trong các đợt quan trắc đều đạt quy chuẩn cho phép. Nồng độ bụi tổng (TSP) dao động trong khoảng 10–370 µg/Nm<sup>3</sup>; trong đó, tại một số thời điểm đã ghi

nhận hiện tượng vượt quy chuẩn, cụ thể: đợt 4 năm 2022 tại khu dân cư Việt Hòa và thôn My Cầu; đợt 4 năm 2024 tại khu dân cư Lỗ Sơn; đợt 3 năm 2025 tại khu dân cư Cổ Phục; và đợt 4 năm 2025 tại khu dân cư Tú Y, với mức vượt từ 1,08–1,23 lần. Các thời điểm quan trắc còn lại tại 41 điểm khu dân cư, nồng độ bụi TSP đều đạt quy chuẩn cho phép. Đối với tiếng ồn, giá trị đo được dao động từ 42,6–67,4 dBA và đều đạt QCVN 26:2010/BTNMT.

b) Chất lượng không khí tại các điểm quan trắc dân cư khu vực làng nghề

- Kết quả quan trắc môi trường không khí tại 9/9 làng nghề nhìn chung duy trì ở mức tốt; nồng độ các thông số CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> tại các đợt quan trắc đều đạt quy chuẩn cho phép (QCCP) theo QCVN 05:2023/BTNMT. Đối với bụi tổng (TSP), tại thời điểm quan trắc đợt 4/2025, làng nghề gỗ Đông Giao ghi nhận nồng độ bụi vượt 1,14 lần QCCP; trong khi 8/9 điểm quan trắc làng nghề còn lại đều đạt giá trị cho phép trong các đợt quan trắc năm 2025. Riêng làng nghề Văn Lâm (sản xuất giày da) được quan trắc bổ sung các thông số Benzen, Ethylbenzen, Toluen và Xylen, kết quả đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT.

- Tiếng ồn tại các làng nghề dao động trong khoảng 53–71,2 dBA; trong đó, tại làng nghề gỗ Đông Giao, trong các đợt quan trắc 2, 3 và 4/2025 đều ghi nhận mức tiếng ồn vượt QCCP 1,01 lần. Tại 8/9 làng nghề còn lại, tiếng ồn đều đạt QCVN 26:2010/BTNMT.

- Diễn biến chất lượng không khí khu vực làng nghề trong các đợt quan trắc từ năm 2021 đến đợt 4/2025 cho thấy, có 8/9 làng nghề (Mạn Đê, An Thủy, Lộ Cương, rượu Phú Lộc, bún Đông Cạn, Văn Lâm, Cúc Bồ và Hội Yên) duy trì chất lượng không khí ở mức tốt, với các thông số NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, bụi TSP và tiếng ồn thường xuyên đạt QCCP trong các đợt quan trắc. Riêng làng nghề Đông Giao vẫn ghi nhận tại một số đợt hiện tượng thông số bụi và tiếng ồn vượt QCCP, phản ánh nguy cơ ô nhiễm cục bộ gắn với đặc thù hoạt động sản xuất của làng nghề.

c) Chất lượng không khí tại các điểm quan trắc giao thông

- Kết quả quan trắc các đợt năm 2025 cho thấy, tại 20/20 vị trí quan trắc trên các tuyến giao thông, nồng độ các khí NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO và CnHm (Hydrocacbon) đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT, chưa ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm do khí thải giao thông. Nồng độ bụi tổng (TSP) tại các điểm quan trắc dao động trong khoảng 67–1.882 µg/Nm<sup>3</sup>, trong đó có 9 điểm ghi nhận nồng độ bụi vượt quy chuẩn với mức vượt từ 1,13–6,27 lần. Đợt quan trắc 4/2025 có số điểm vượt QCCP nhiều hơn so với các đợt 2 và 3/2025. Đáng chú ý, điểm Quốc lộ 17B (ngã tư Góc Đa), phường Nhị Chiều là vị trí có tần suất vượt nhiều nhất (3/3 đợt) và ghi nhận giá trị vượt cao nhất, đạt 6,27 lần QCCP tại đợt 2/2025. Các vị trí như Quốc lộ 5 tại điểm giao với Quốc lộ 17B (xã Phú Thái) và Đường tỉnh 391 tại ngã tư Mắc cũng là những điểm thường xuyên có bụi TSP vượt QCCP.

- Đối với tiếng ồn, có 18/20 vị trí trong các đợt quan trắc ghi nhận giá trị vượt QCCP với mức vượt từ 1,01–1,15 lần; các vị trí có tần suất vượt nhiều tập trung trên các tuyến Quốc lộ 5, Quốc lộ 17, Quốc lộ 18 và các tuyến đường tỉnh 390, 392.

- Diễn biến chất lượng không khí khu vực giao thông trong các đợt quan trắc từ năm 2021 đến đợt 4/2025 cho thấy, các thông số khí NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO và CnHm tại 20 điểm quan trắc đều duy trì đạt QCCP, phản ánh chưa xuất hiện xu hướng ô nhiễm khí thải giao thông. Tuy nhiên, tiếng ồn tại hầu hết các vị trí có xu hướng vượt QCCP, với mức vượt phổ biến từ 1,01–1,16 lần. Nồng độ bụi tại các điểm quan trắc dao động trong khoảng 10–1.892 µg/Nm<sup>3</sup>; một số vị trí thường xuyên ghi nhận vượt QCCP qua nhiều năm và nhiều đợt, tập trung tại Quốc lộ 17B (ngã tư Góc Đa, phường Nhị Chiêu), Quốc lộ 5 giao Quốc lộ 17B (xã Phú Thái), Đường tỉnh 391 (ngã tư Mắc), các tuyến Đường tỉnh 390 và 392. Số lượng điểm có nồng độ bụi TSP vượt QCCP trong năm 2025 chưa có xu hướng giảm so với các năm trước (năm 2021: 5 điểm; năm 2022: 11 điểm; năm 2023: 5 điểm; năm 2024: 13 điểm). Nhìn chung, khu vực giao thông là nguồn phát thải bụi lớn, có tính biến động mạnh theo lưu lượng phương tiện, đặc biệt tại các nút giao chính và khu vực có mật độ phương tiện nặng, hoạt động vận tải hàng hóa cao.

### *1.2. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường không khí khu vực phía Đông*

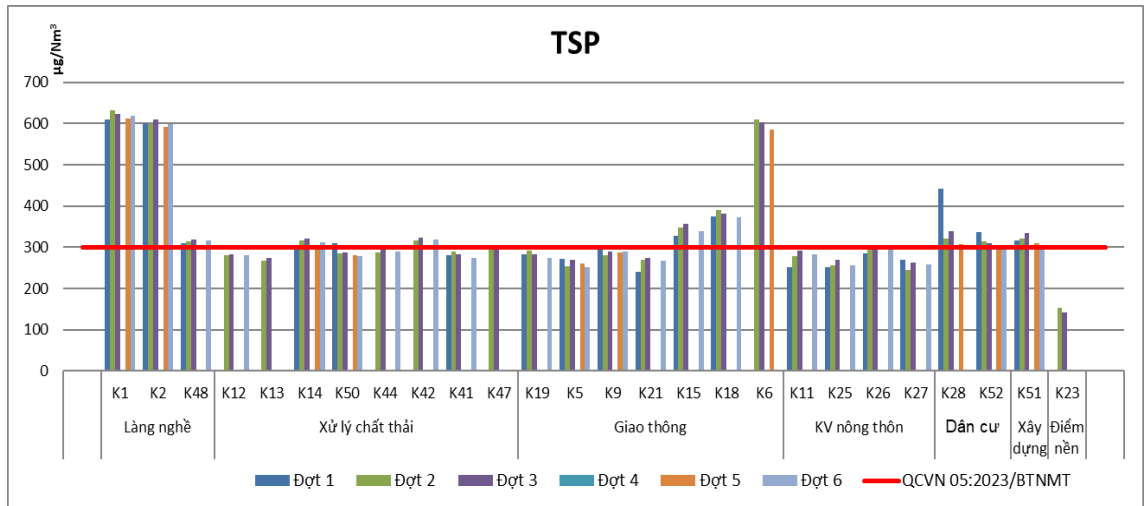
Chất lượng môi trường không khí năm 2025 đã và đang có dấu hiệu ô nhiễm bụi lơ lửng và tiếng ồn bởi ảnh hưởng của các hoạt động tại các làng nghề, hoạt động xử lý chất thải, hoạt động giao thông, hoạt động công nghiệp, hoạt động dân sinh, hoạt động xây dựng, khu vực nông thôn. Tại điểm nền chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

Trong những năm gần đây (2023, 2024, 2025), tỷ lệ vượt quy chuẩn tại các điểm quan trắc ảnh hưởng bởi hoạt động làng nghề có xu hướng tăng nhẹ vào năm 2024 và giảm trở lại vào năm 2025 (từ 18,8% vào năm 2023 lên 20,28% vào năm 2024 và giảm còn 19,35% vào năm 2025); tại các điểm quan trắc ảnh hưởng bởi hoạt động xử lý chất thải tỉ lệ vượt quy chuẩn tăng mạnh vào năm 2024 và giảm trở lại vào năm 2025 (từ 1,7% vào năm 2023 lên 10,15% vào năm 2024 và giảm còn 5,43% vào năm 2025); tại các điểm quan trắc ảnh hưởng bởi hoạt động giao thông tỉ lệ vượt quy chuẩn có xu hướng giảm dần (từ 16,3% vào năm 2023 xuống 14,63% vào năm 2024 và 9,91% vào năm 2025); tại các điểm quan trắc ảnh hưởng bởi hoạt động dân cư tỉ lệ vượt quy chuẩn có xu hướng tăng mạnh (từ 1,9% vào năm 2023 lên 15,38% vào năm 2024 và 20% vào năm 2025); tại các điểm quan trắc ảnh hưởng bởi hoạt động xây dựng cũng có xu hướng tăng (từ 18,42% vào năm 2024 lên 20% vào năm 2025); tại các điểm quan trắc ảnh hưởng bởi hoạt

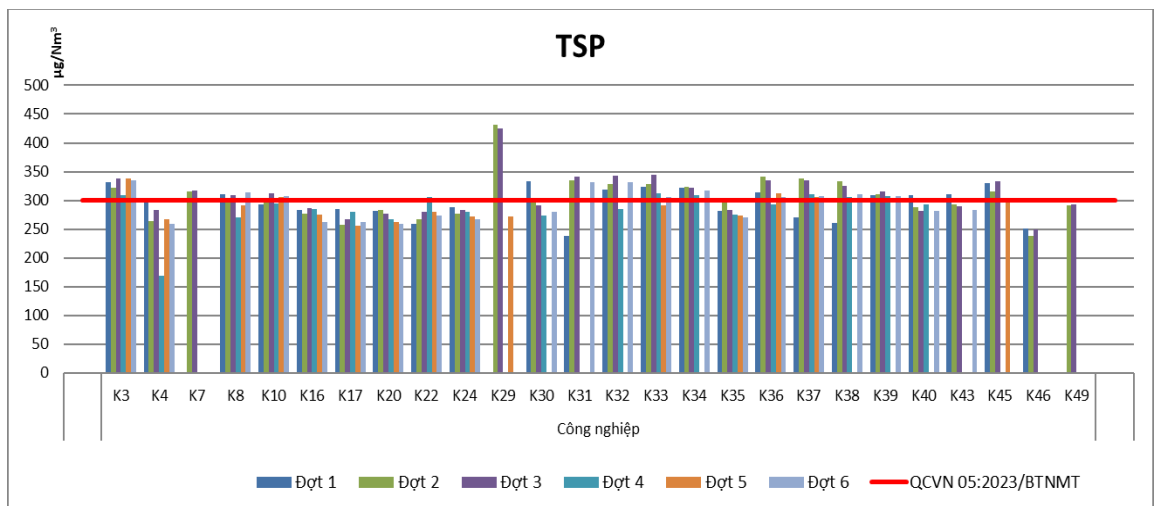
động giao thông tỉ lệ vượt quy chuẩn tăng mạnh vào năm 2024 và giảm trở lại vào năm 2025 (từ 6,1% vào năm 2023 lên 10,53% vào năm 2024 và giảm còn 9,22% vào năm 2025); tại các điểm nông thôn lần đầu xuất hiện ô nhiễm (tỉ lệ vượt từ 0% vào năm 2023, 2024 lên 3,56% vào năm 2025). Tại điểm nền chưa có dấu hiệu ô nhiễm, tỉ lệ vượt quy chuẩn là 0% và không có sự biến động giữa các năm.

a) Đánh giá chất lượng môi trường không khí thông qua kết quả quan trắc các thông số

\* Đối với bụi lơ lửng (TSP)



Biểu đồ 1.1. Biểu đồ kết quả đo Bụi lơ lửng (TSP)



Biểu đồ 1.2. Biểu đồ kết quả đo Bụi lơ lửng (TSP)

- Tại các điểm quan trắc chịu ảnh hưởng bởi hoạt động làng nghề hàm lượng bụi lơ lửng 100% kết quả quan trắc vượt GHCP. Cụ thể: Hàm lượng bụi lơ lửng vượt 2,03 – 2,11 lần GHCP (Làng nghề Lại Xuân (K1)); vượt 1,97 – 2,03 lần GHCP (Làng nghề Mỹ Đồng (K2)); vượt 1,03 – 1,06 lần GHCP (Làng nghề Bảo Hà (K48)).

- Tại các điểm quan trắc chịu ảnh hưởng bởi hoạt động xử lý chất thải hàm lượng bụi lơ lửng 69,7% kết quả quan trắc vượt GHCP. Cụ thể: Hàm lượng bụi lơ lửng vượt 1,01 – 1,07 lần GHCP (Bãi rác Gia Minh (K14)); vượt 1,04 – 1,06 lần GHCP vào thời điểm đợt 1/2025 (Bãi rác Đồ Sơn (K50)); vượt 1,06 – 1,08 lần GHCP (Lò đốt rác Vĩnh Bảo (K42)) .

- Tại điểm quan trắc chịu ảnh hưởng bởi hoạt động xây dựng hàm lượng bụi lơ lửng 100% kết quả quan trắc vượt GHCP. Cụ thể: Hàm lượng bụi lơ lửng vượt 1,01 – 1,11 lần GHCP (Khu đô thị Bắc sông Cấm (K51)).

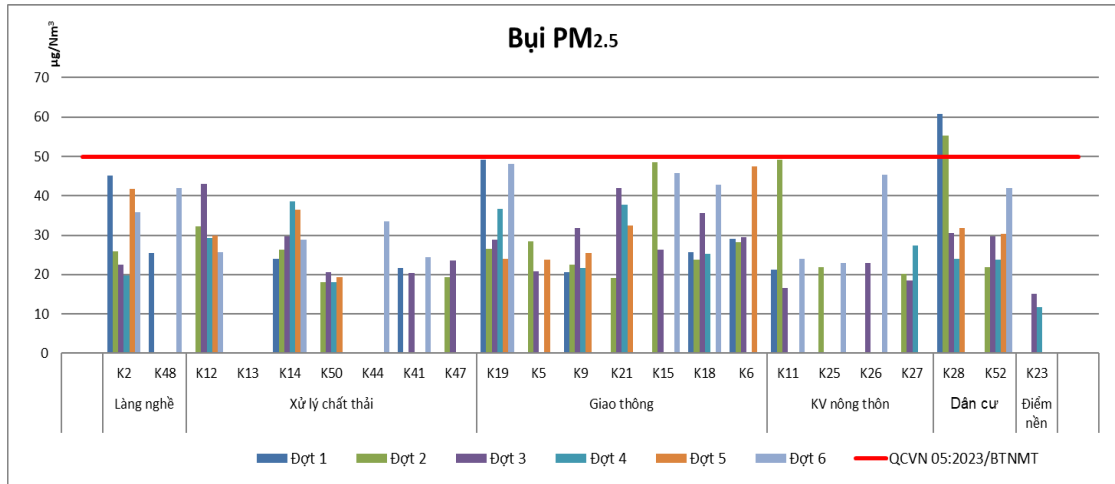
- Tại các điểm quan trắc chịu ảnh hưởng bởi hoạt động công nghiệp hàm lượng bụi lơ lửng 46,77% kết quả quan trắc vượt GHCP. Cụ thể: Hàm lượng bụi lơ lửng vượt 1,03 – 1,13 lần GHCP (Thị trấn Minh Đức (K3)); vượt 1,05 – 1,06 lần GHCP (Cổng nhà máy DAP (K7)); vượt 1,01 – 1,05 lần GHCP (KCN Đình Vũ (K8); KCN Đồ Sơn (K10); vượt 1,02 lần thời điểm đợt 4/2025 (Viện nghiên cứu Hải sản (K22); vượt 1,11 lần GHCP thời điểm đợt 1/2025 (Điểm CN Hưng Đạo (K30)); vượt 1,03 – 1,15 lần GHCP (Cụm CN Tân Liên (K31); điểm CN Quốc Tuấn (K32); KCN An Dương (K33); Cụm CN Vĩnh Niệm (K34); điểm CN Tam Hưng (K36)); vượt 1,02 – 1,03 lần GHCP thời điểm đợt 1/2025 (Cụm CN Quán Trữ (K40); Cụm CN Tiên Lãng (K43)); vượt 1,01 – 1,1 lần GHCP (Nam Đình Vũ 1 và Nam Đình Vũ 2 (K45)).

- Tại các điểm quan trắc chịu ảnh hưởng bởi hoạt động giao thông hàm lượng bụi lơ lửng 39,05% kết quả quan trắc vượt GHCP. Cụ thể: Hàm lượng bụi lơ lửng vượt 1,01 lần GHCP thời điểm đợt 1/2025 (Đại học Hàng Hải (K9)); vượt 1,07 – 1,19 lần GHCP (Ngã tư Tôn Đức Thắng – Nguyễn Văn Linh (K15)); vượt 1,17 – 1,3 lần GHCP (Ngã tư Lê Duẩn – Trần Nhân Tông (K15)); vượt 1,95 – 2,04 lần GHCP (Ngã 3 Đình Vũ (K6)).

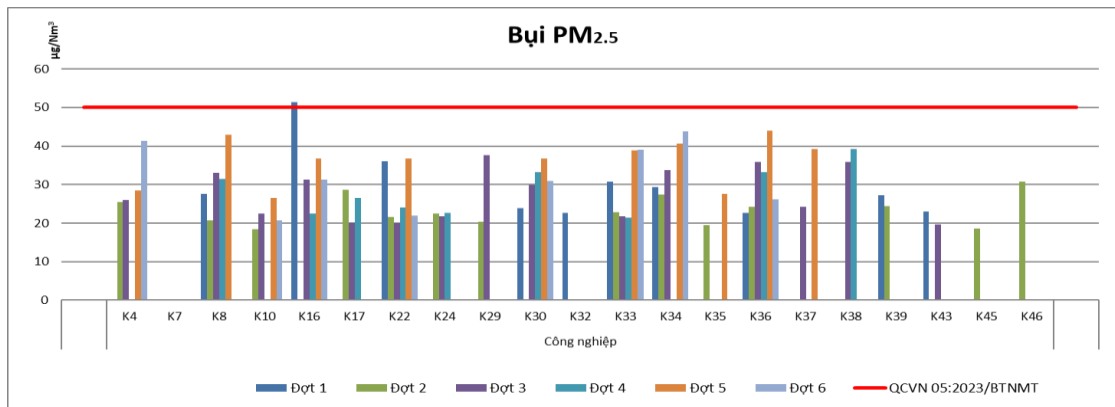
- Tại các điểm quan trắc chịu ảnh hưởng bởi hoạt động dân sinh hàm lượng bụi lơ lửng 93,99% kết quả quan trắc vượt GHCP. Cụ thể: Hàm lượng bụi lơ lửng vượt 1,03 – 1,47 lần GHCP (Thị trấn An Dương (K28)); vượt 1,02 – 1,12 lần GHCP (Khu đô thị Cầu Rào 2 (K52)).

- Tại các điểm quan trắc tại khu vực nông thôn hàm lượng bụi lơ lửng 11,11% kết quả quan trắc vượt GHCP. Cụ thể: Hàm lượng bụi lơ lửng vượt 1,01 – 1,05 lần GHCP (Xã An Lão (K26)). Tại điểm nền hàm lượng bụi lơ lửng thấp hơn nhiều so với GHCP.

\* Đối với bụi PM2.5



*Biểu đồ 2.1. Biểu đồ kết quả đo bụi PM<sub>2.5</sub>*



*Biểu đồ 2.2. Biểu đồ kết quả đo bụi PM<sub>2.5</sub>*

Tại các điểm ảnh hưởng bởi hoạt động công nghiệp kết quả quan trắc bụi PM<sub>2.5</sub> vượt 1,11 lần GHCP thời điểm đợt 1/2025 (Khu công nghiệp VSIP (K16)). Tại các điểm ảnh hưởng bởi hoạt động dân sinh kết quả quan trắc bụi PM<sub>2.5</sub> vượt 1,21 lần GHCP thời điểm đợt 1/2025 (Khu vực phường An Dương (K28)).

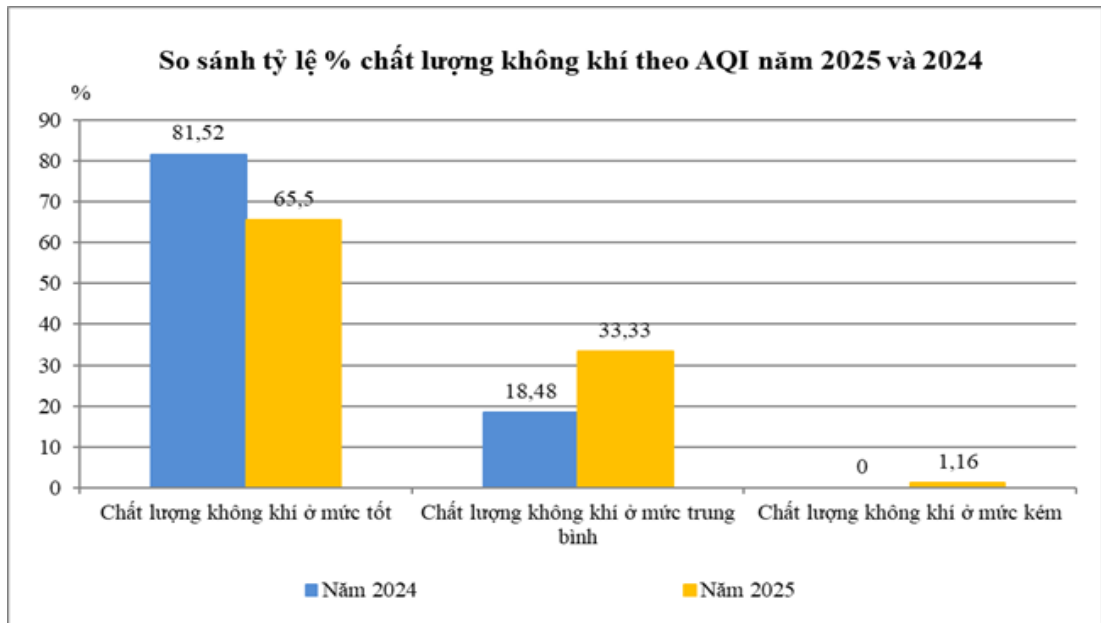
\* Đối với các thông số CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>

Kết quả quan trắc thông số CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> tại các điểm quan trắc đều thấp hơn nhiều so với GHCP theo QCVN 05:2023/BTNMT.

b) Đánh giá chất lượng môi trường không khí thông qua chỉ số AQI



Đánh giá chất lượng môi trường không khí thành phố Hải Phòng năm 2025 dựa trên tính toán chỉ số chất lượng không khí AQI: 65,50 % ở mức tốt, không ảnh hưởng tới sức khỏe; 33,33% ở mức trung bình, đối với những người nhạy cảm (người già, trẻ em, người mắc các bệnh hô hấp, tim mạch...) có thể chịu những tác động nhất định tới sức khỏe, nên hạn chế thời gian bên ngoài; 1,16% ở mức kém, những người nhạy cảm gặp phải các vấn đề về sức khỏe, những người bình thường ít ảnh hưởng.



*Biểu đồ 3. So sánh tỷ lệ % chất lượng không khí theo AQI năm 2025, 2024*

Chất lượng không khí năm 2025 có xu hướng xấu đi so với năm 2024. Cụ thể, tỷ lệ chất lượng không khí đạt mức tốt (AQI 0 - 50) giảm từ 81,52% (năm 2024) xuống còn 65,50% (năm 2025), trong khi tỷ lệ chất lượng không khí ở mức

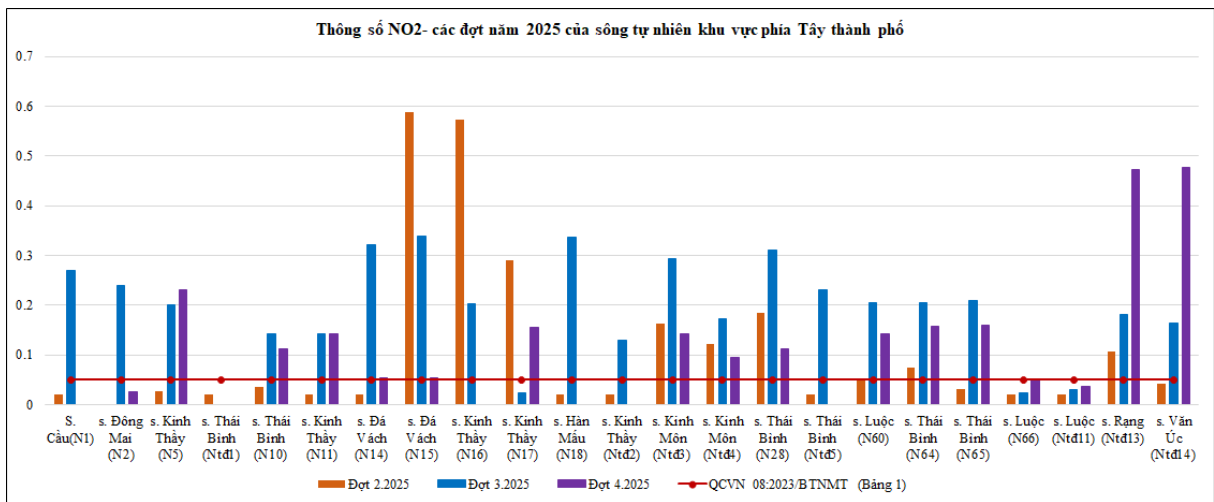
trung bình (AQI 51 - 100) tăng từ 18,48% lên 33,33% và đặc biệt lần đầu xuất hiện mức kém (AQI 101 - 150) với tỷ lệ 1,16%.

## 2. Môi trường nước

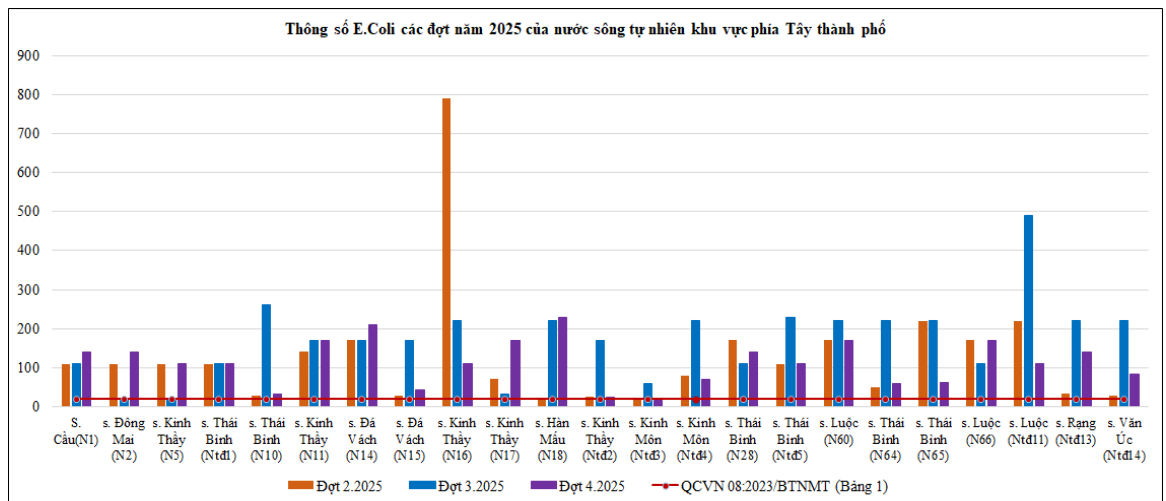
### 2.1. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường nước khu vực phía Tây

#### a) Đối với hệ thống sông tự nhiên

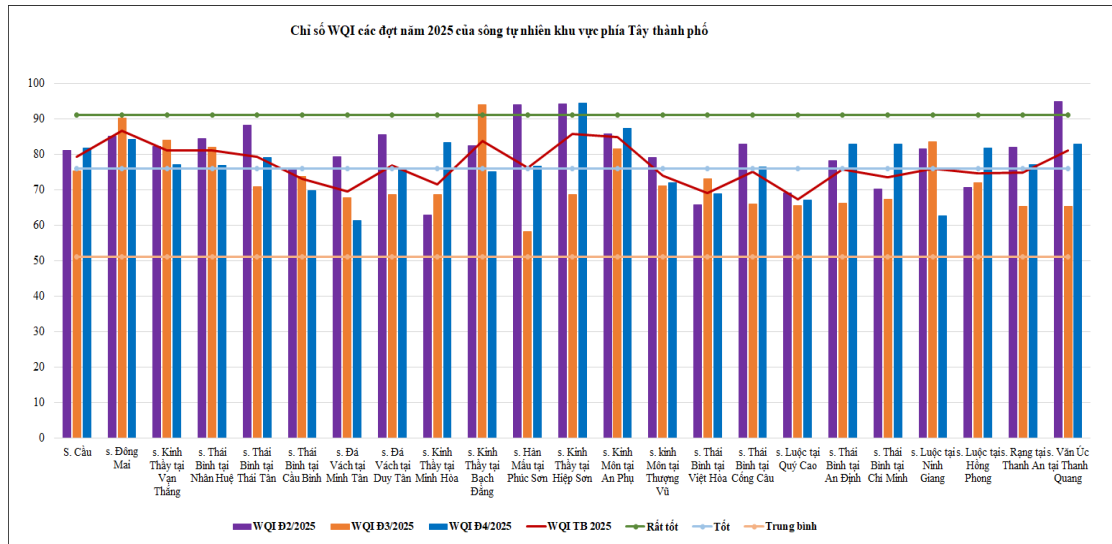
Kết quả quan trắc sông tự nhiên các đợt năm 2025 cho thấy hầu hết các điểm quan trắc nước sông tự nhiên thường xuyên có thông số E.Coli vượt QCCP từ 1,1 – 29,5 lần, thông số  $\text{NO}_2^-$ -N vượt QCCP từ 1,04 – 11,76 lần, thông số TN vượt QCCP từ 1,05 – 1,92 lần. Ngoài ra tại một số điểm quan trắc ở một số đợt quan trắc trong năm 2025 còn có thông số DO không đạt QCCP, COD, BOD, Coliform chịu nhiệt và  $\text{NH}_4^+$ -N vượt QCCP. Một số điểm có chỉ số chất lượng nước trung bình năm chỉ phù hợp cho cấp nước tưới tiêu thủy lợi như sông Kinh Thầy, sông Đá Vách, sông Kinh Môn, sông Thái Bình, sông Luộc, sông Rạng tại một số thời điểm quan trắc.



Biểu đồ 4.1. Biểu đồ kết quả đo nồng độ  $\text{NO}_2^-$ -N trong nước sông tự nhiên



Biểu đồ 4.2. Biểu đồ kết quả đo hàm lượng E.Coli trong nước sông tự nhiên



*Biểu đồ 4.3. Chỉ số WQI của nước sông tự nhiên*

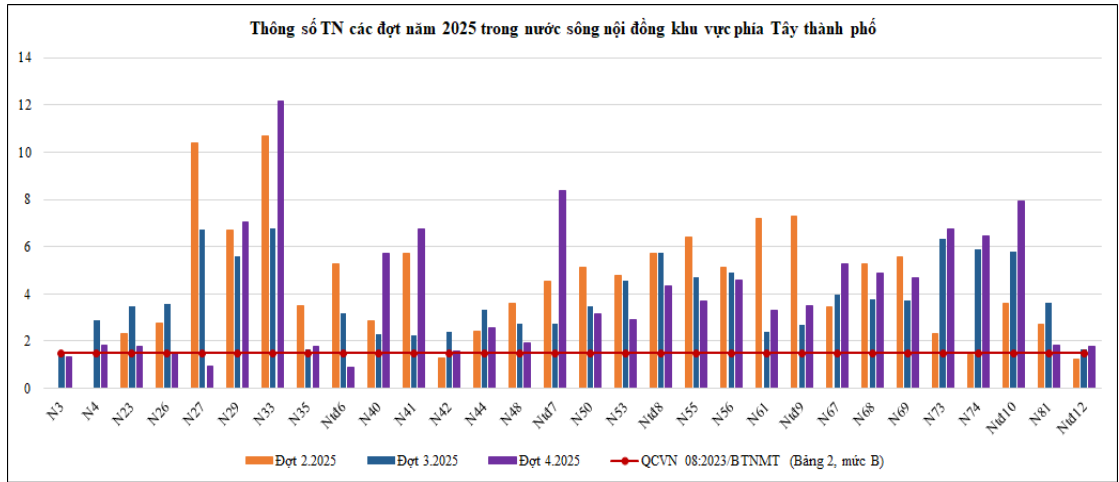
Kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước WQI trong các đợt quan trắc năm 2025 cho thấy các điểm quan trắc có chỉ số chất lượng nước trung bình chiếm tỷ lệ chủ yếu, dao động từ 26,09 – 77,9% tổng số điểm quan trắc; các điểm có chất lượng nước tốt dao động từ 21,74 – 65,22% tổng số điểm quan trắc. Nhìn chung chất lượng nước sông tự nhiên trong năm tương đối ổn định, chưa có dấu hiệu suy giảm rõ rệt.

#### *b) Đối với hệ thống sông nội đồng*

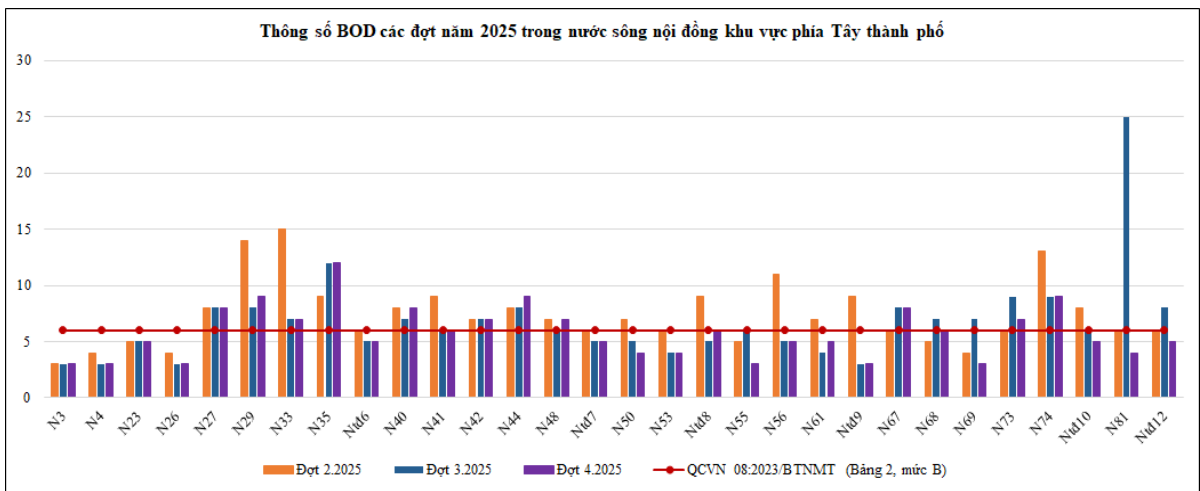
Hệ thống sông nội đồng quan trắc các đợt năm 2025 trên địa bàn phía Tây thành phố có thông số DO không đạt QCCP có từ (27-28)/30 điểm quan trắc, TP có từ (6-7)/30 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,03 - 11,03 lần; TN có từ (26-29)/30 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,06 – 8,11 lần; COD có từ (22-27)/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 – 5,33 lần; BOD<sub>5</sub> có từ (11-16)/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,13 – 4,17 lần; Coliform có từ (14-20)/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,08 – 32 lần, Coliform chịu nhiệt có từ (13 – 24)/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 22 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT.

Các sông nội đồng ô nhiễm điển hình là sông Bạch Đằng (N33), sông Sắt (N48, N29, Ntd8), sông Cửu An, sông Đình Đào, sông Cầu Cốc, sông cầu Bình.

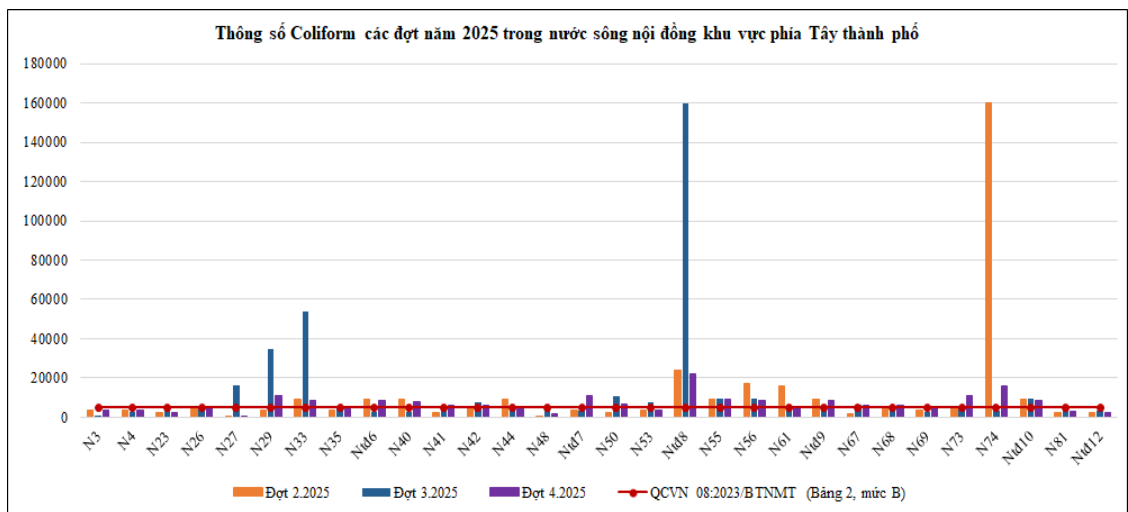
Kết quả quan trắc nước sông nội đồng vẫn duy trì ô nhiễm ở mức cao tại nhiều tuyến sông và kéo dài qua các đợt quan trắc. Mức độ ô nhiễm khi quan trắc năm 2025 tiếp diễn từ các năm trước đó.



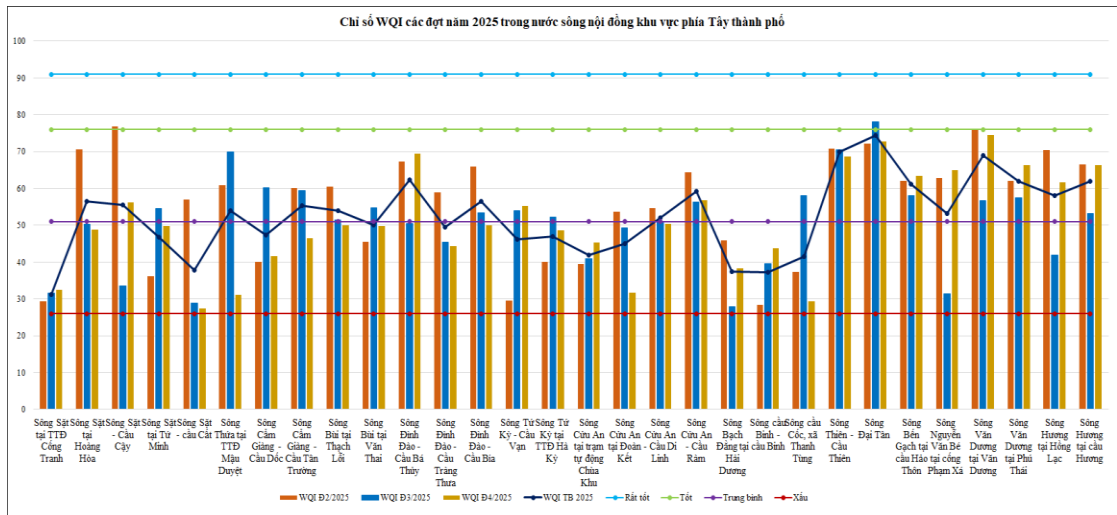
Biểu đồ 5.1. Biểu đồ kết quả đo nồng độ Tổng Nito trong nước sông nội đồng



Biểu đồ 5.2. Biểu đồ kết quả đo nồng độ BOD trong nước sông nội đồng



Biểu đồ 5.3. Biểu đồ kết quả đo nồng độ Tổng Coliform trong nước sông nội đồng



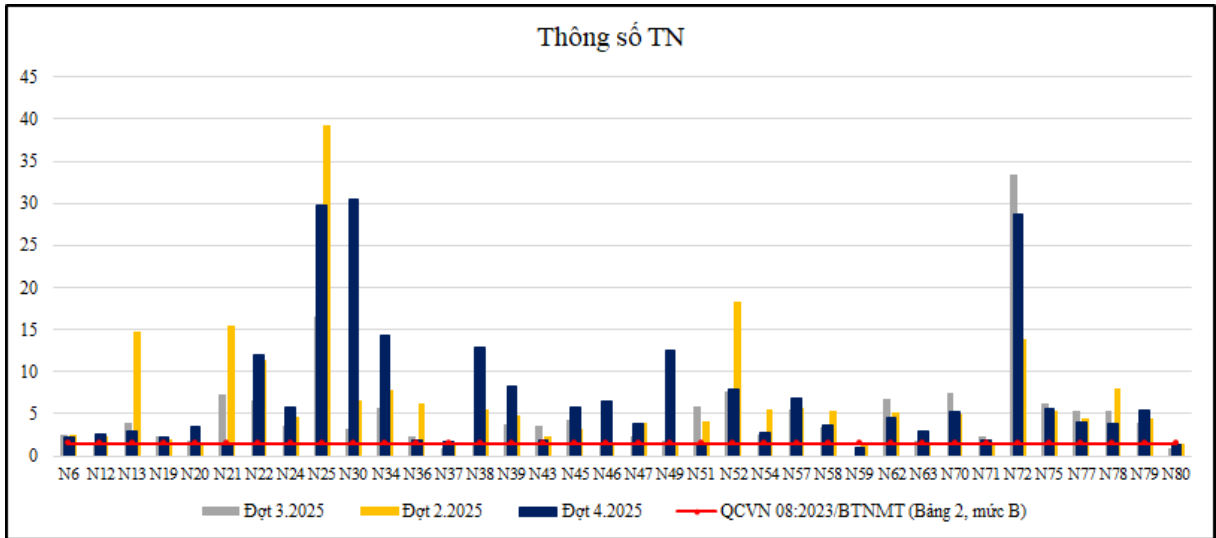
Biểu đồ 5.4. Chỉ số WQI của nước sông nội đồng quan trắc các đợt năm 2025

Nguyên nhân gây ô nhiễm đối với hệ thống sông nội đồng chủ yếu do nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư, làng nghề chưa được kiểm soát thải vào nguồn tiếp nhận, điển hình như nước thải đô thị (thành phố Hải Dương cũ) từ kênh T2 ra sông Sắt, sông Bạch Đằng ra sông Thái Bình, kênh Tứ Thông – Đại An, mương làng nghề Lộ Cương ra sông Sắt... Mặt khác hệ thống sông Bắc Hưng Hải còn tiếp nhận các nguồn ô nhiễm từ đầu nguồn, chủ yếu từ tỉnh Hưng Yên chảy vào sông Sắt và sông Cừ An, nhiều đợt ghi nhận ô nhiễm nặng, nước màu đen xuất hiện nhiều đợt trong năm, ngoài ra nước thải từ hoạt động chăn nuôi, trồng trọt chưa được xử lý triệt kê góp phần đáng kể gây ô nhiễm hệ thống sông, kênh mương nội đồng trên địa bàn.

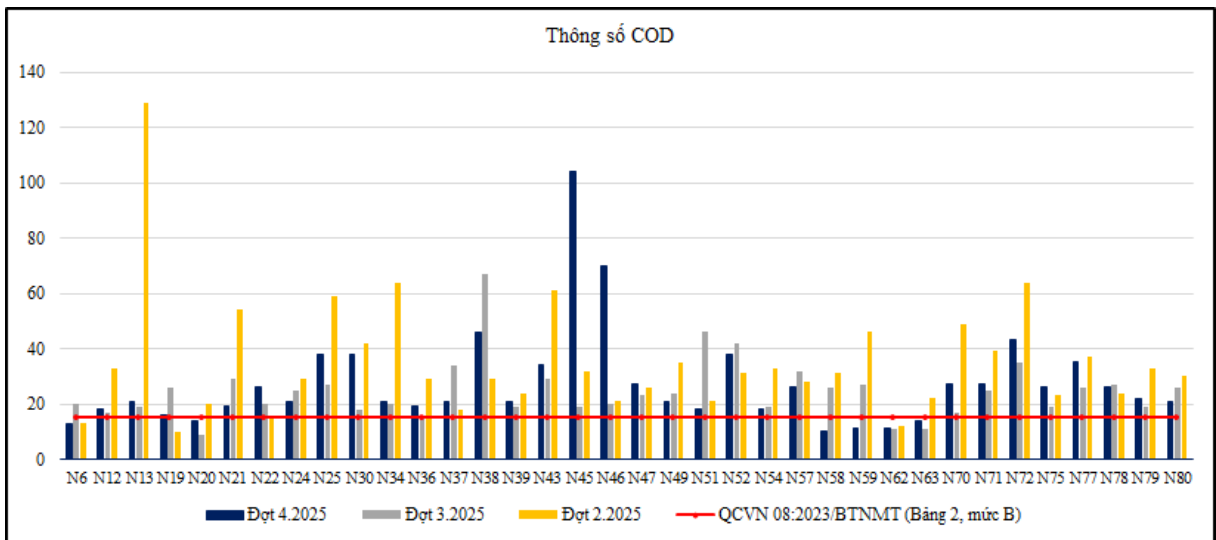
#### c) Đối với hệ thống kênh mương

Hệ thống kênh mương nội đồng quan trắc các đợt năm 2025 trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng có thông số DO không đạt QCCP từ (32-33)/36 điểm quan trắc, thông số TP có từ (11-16)/36 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,13 - 22,13 lần; TN có từ (30-34)/36 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,04 - 26,2 lần; COD có từ (30-34)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 - 8,6 lần; BOD<sub>5</sub> có từ (16-28)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,17 - 6,5 lần; Coliform có từ (25-30)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,08 - 158 lần, Coliform chịu nhiệt có từ (28 - 34)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 - 540 lần.

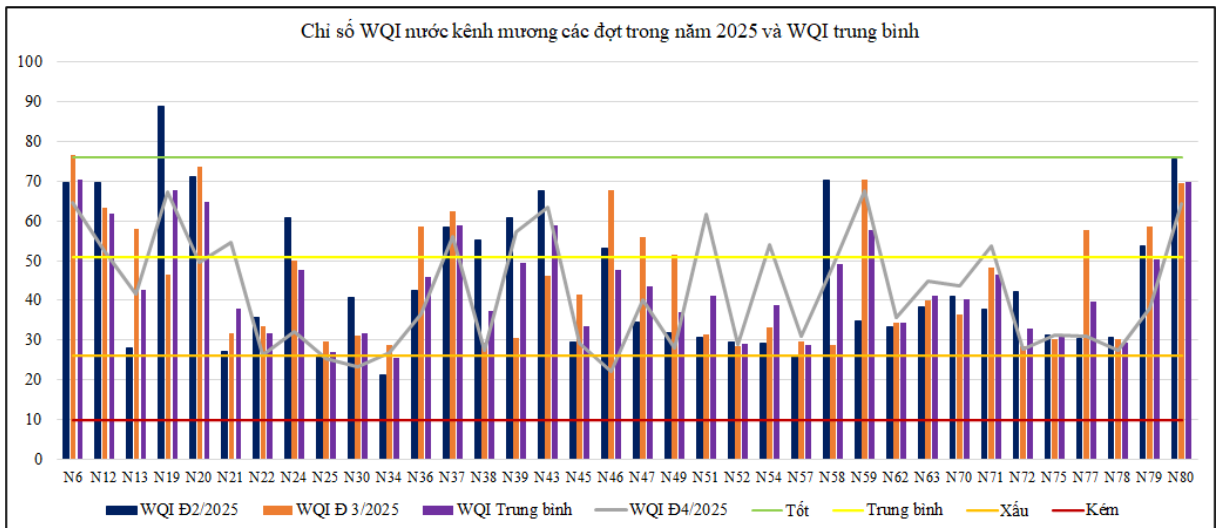
Các kênh, mương ô nhiễm điển hình là: Các mương thoát nước làng nghề: Lộ Cương (N34), Cúc Bồ (N72), An Thủy (N21), Hội Yên (N78). Các mương thoát nước tại Lai Vu (N25) và các điểm tiếp nhận nước thải cụm công nghiệp: CCN Tráng Liệt (N52), CCN Nhân Quyền (N54), CCN Lương Điền (N46), KCN Hoàng Diệu (N59). Các tuyến kênh chính: Tứ Thông (N30), Đò Cậy - Tiên Kiều (N49), Thạch Khôi - Đoàn Thượng (N58).



Biểu đồ 6.1. Biểu đồ kết quả đo nồng độ Tổng Nito trong hệ thống kênh mương



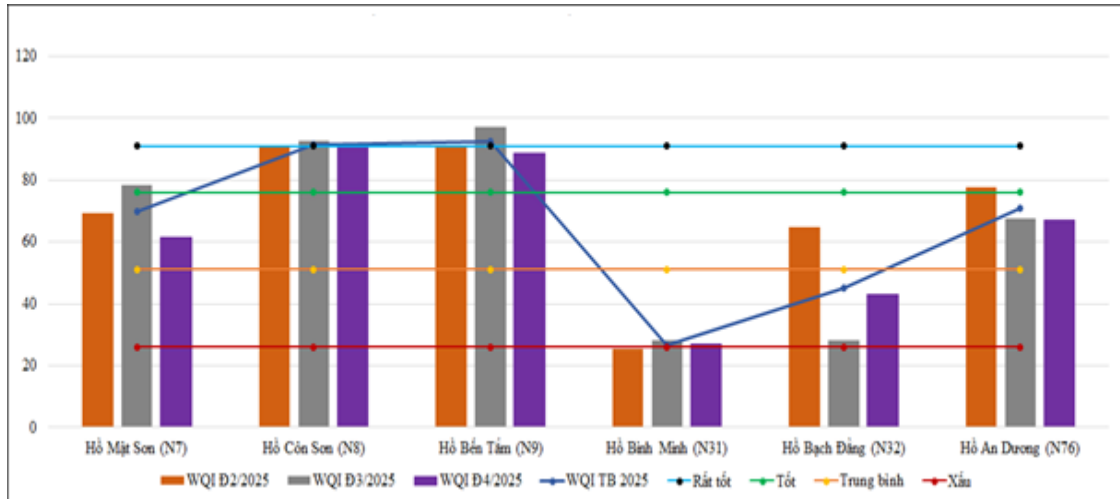
Biểu đồ 6.2. Biểu đồ kết quả đo nồng độ COD trong hệ thống kênh mương



Biểu đồ 6.3. Biểu đồ Chỉ số WQI của nước kênh mương



Biểu đồ 7.2. Biểu đồ kết quả đo nồng độ BOD<sub>5</sub> trong nước hồ

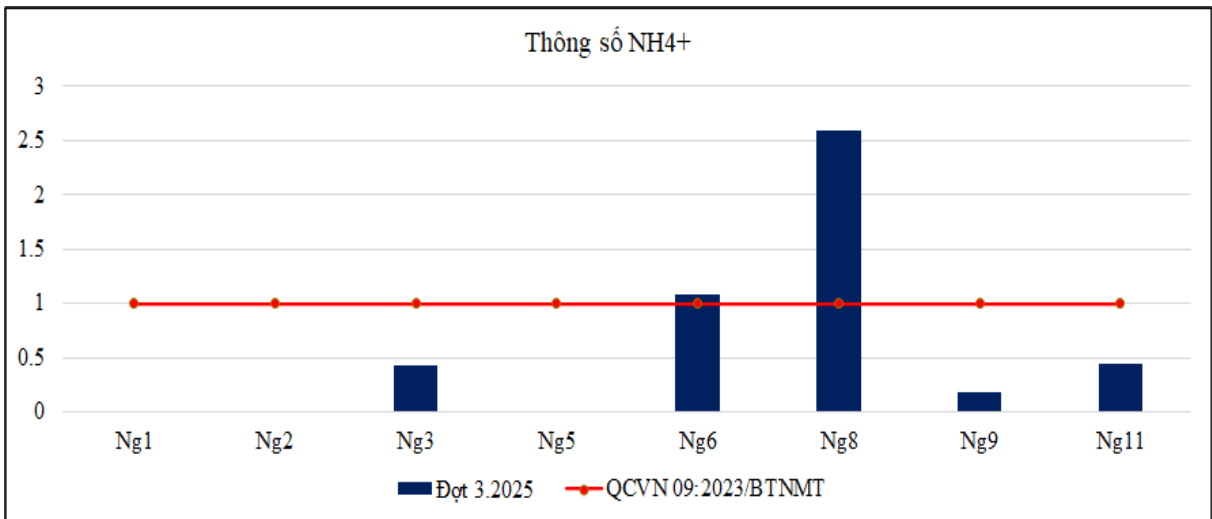


Biểu 7.3. Biểu đồ Chỉ số WQI của nước hồ

Chất lượng nước các hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng (Hồ Bình Minh và hồ Bạch Đằng) trong các đợt quan trắc vẫn có các thông số thường xuyên vượt QCCP gồm TP, TN, COD, BOD, TSS, Coliform chịu nhiệt; hàm lượng DO thấp và không đạt QCCP. Chất lượng nước các hồ tại hồ Mật Sơn và hồ An Dương có mức độ ô nhiễm nhẹ và diễn ra không thường xuyên. Hồ Côn Sơn và hồ Bến Tắm có chất lượng nước tốt, ổn định qua các đợt quan trắc.

e) Môi trường nước dưới đất

Năm 2025 thực hiện quan trắc 1 đợt nước dưới đất (đợt 3/2025). Kết quả quan trắc cho thấy: Trong 8 điểm quan trắc chỉ có 4 điểm là Ng1, Ng2, Ng5 và Ng11 có các chỉ tiêu quan trắc đều đạt QCCP, còn lại 4 điểm quan trắc đều có từ 1 đến 4 thông số, là một trong các thông số sau: NH<sub>4</sub><sup>+</sup>-N (có 2/8 điểm vượt từ 1,09 – 2,59 lần), Mn (2/8 điểm vượt từ 1,2 – 2,4 lần), Cl<sup>-</sup> (có 2/8 điểm vượt từ 1,63 – 3,19 lần), Permanganat (2/8 điểm vượt QCCP từ 1,06 – 1,8 lần) so với QCVN 09:2023/BTNMT. Điểm quan trắc có nhiều thông số vượt QCCP nhất là Ng8 - Công ty TNHH SEES VINA - xã Tứ Kỳ; các điểm Ng3 có ba thông số vượt QCCP, Ng6 có hai thông số vượt QCCP và điểm Ng9 có 1 thông số vượt QCCP.



Biểu đồ 8.1. Biểu đồ diễn biến nồng độ NH<sub>4</sub><sup>+</sup> trong nước dưới đất

## 2.2. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường nước khu vực phía Đông

### a) Sông nước ngọt cấp nước sinh hoạt

- Sông Giá: các thông số amoni, kim loại (As, Cd, Pb, Cr<sup>6+</sup>, Cu, Zn, Hg) đều thấp hơn giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người quy định tại bảng 1 QCVN 08:2023/BTNMT; Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với Sông Giá cho thấy 63,3% chất lượng nước sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt, 36,7% chất lượng nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp.

- Sông Ré: các thông số kim loại (As, Cd, Pb, Cr<sup>6+</sup>, Cu, Zn, Hg) đều thấp hơn giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người quy định tại bảng 1 QCVN 08:2023/BTNMT, thông số amoni vượt giới hạn tối đa theo bảng 1 từ 1,03 đến 1,30 lần. Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với sông Ré cho thấy 38,3% chất lượng nước sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt, 50,0% chất lượng nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, 11,7% sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác.

- Sông Đa Độ: Các thông số amoni và kim loại (As, Cd, Pb, Cr<sup>6+</sup>, Cu, Zn, Hg) đều thấp hơn giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người quy định tại bảng 1 QCVN 08:2023/BTNMT. Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với sông Đa Độ cho thấy 52,0% chất lượng nước sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt, 48,0% chất lượng nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp.

- Kênh Cẩm Văn: Các thông số kim loại (As, Cd, Pb, Cr<sup>6+</sup>, Cu, Zn, Hg) đều thấp hơn giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người quy định

tại bảng 1 QCVN 08:2023/BTNMT, thông số amoni vượt giới hạn tối đa theo bảng 1 3,80 lần. Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với kênh Cẩm Văn cho thấy 50,0% chất lượng nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, 40,0% sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác và 10,0% sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.

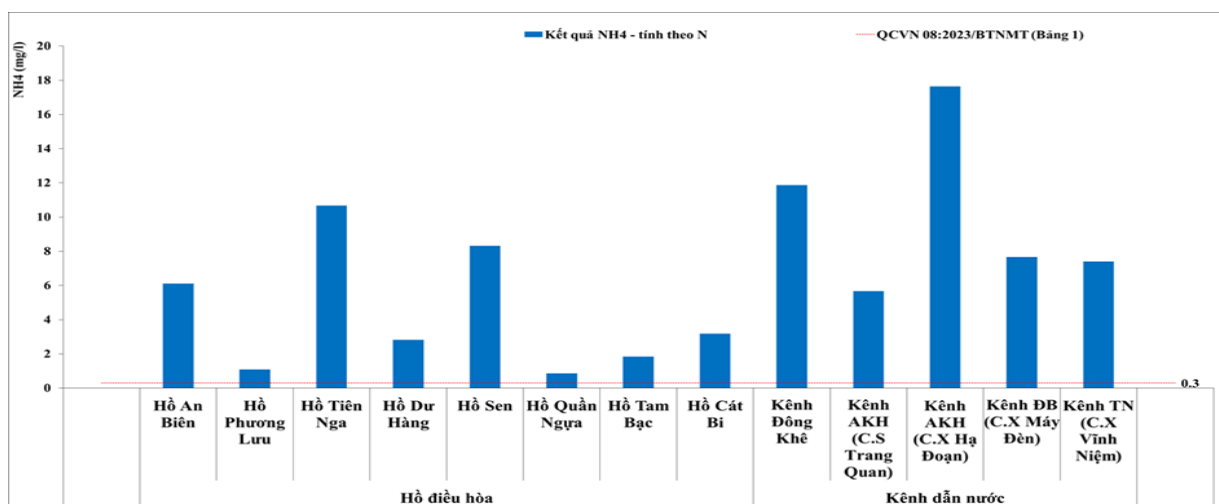
- Hệ thống trung thủy nông Tiên Lãng: Các thông số kim loại (As, Cd, Pb, Cr<sup>6+</sup>, Cu, Zn, Hg) đều thấp hơn giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người quy định tại bảng 1 QCVN 08:2023/BTNMT, thông số amoni vượt giới hạn tối đa theo bảng 1 từ 1,94 đến 2,30 lần. Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với hệ thống trung thủy nông Tiên Lãng cho thấy 13,3% chất lượng nước sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt, 40,0% chất lượng nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, 40,0% sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác và 6,7% sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.

- Sông Chanh Dương: Các thông số kim loại (As, Cd, Pb, Cr<sup>6+</sup>, Cu, Zn, Hg) đều thấp hơn giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người quy định tại bảng 1 QCVN 08:2023/BTNMT, thông số amoni vượt giới hạn tối đa theo bảng 1 từ 1,63 đến 2,21 lần. Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với sông Chanh Dương cho thấy 20,0% chất lượng nước sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt, 35,0% chất lượng nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, 45,0% sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác.

- Kênh Hòn Ngọc: Các thông số kim loại (As, Cd, Pb, Cr<sup>6+</sup>, Cu, Zn, Hg) đều thấp hơn giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người quy định tại bảng 1 QCVN 08:2023/BTNMT, thông số amoni vượt giới hạn tối đa theo bảng 1 từ 1,02 đến 1,56 lần. Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với kênh Hòn Ngọc cho thấy 32,5% chất lượng nước sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt, 42,5% chất lượng nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp, 10,0% sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác và 15,0% sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.

#### *b) Kênh hồ và cửa xả khu vực nội thành*

Dựa trên kết quả quan trắc và phân tích các hồ điều hòa và kênh dẫn nước năm 2025 cho thấy:



Biểu đồ 9.1. Biểu đồ kết quả đo nồng độ Amoni ( $NH_4^+$ ) (tính theo N)

Các thông số kim loại (As, Cd, Pb,  $Cr^{6+}$ , Cu, Zn, Hg) đều thấp hơn giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người quy định tại bảng 1 QCVN 08:2023/BTNMT, thông số amoni vượt 100% tại các hồ điều hoà và kênh dẫn nước theo bảng 1 và dao động trong khoảng từ 2,84 đến 58,79 lần.

Dựa trên kết quả tính chỉ số WQI cho thấy chất lượng nước tại hồ điều Hoà: 12,5% sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp ; 32,5% sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác; 12,5% sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác 42,5% nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai.

Dựa trên kết quả tính chỉ số WQI cho thấy chất lượng nước tại kênh dẫn nước: 4% sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp; 38% sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác; 16% sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác; 40% nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai; 2% nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý.

### c) Sông giao thông thủy

Kết quả quan trắc các sông giao thông thủy năm 2025 cho thấy các sông đều có thông số Amoni tại một số thời điểm lớn hơn giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người quy định tại bảng 1 QCVN 08:2023/BTNMT. Thông số kim loại (As, Cd, Pb,  $Cr^{6+}$ , Cu, Zn, Hg) hầu hết nằm trong giới hạn cho phép.

- Sông Bạch Đằng: Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với Sông Bạch Đằng cho thấy tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức "Rất tốt" (WQI từ 91–100), tương ứng với khả năng sử dụng trực tiếp cho mục đích cấp nước sinh hoạt, chiếm 25%; nhóm điểm có chất lượng "Tốt" sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

nhưng cần có các biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng (WQI từ 76–90) chiếm 50%; tỷ lệ điểm quan trắc chỉ đạt mức "Trung bình" (WQI từ 51–75), tương ứng với khả năng sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương chiếm 10%; tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức “kém” (WQI từ 26-50), sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác chiếm 15%.

- Sông Hóa: Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với Sông Hoá cho thấy tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức "tốt" (WQI từ 76–90), tương ứng với sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có các biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng, chiếm 50%; tỷ lệ điểm quan trắc chỉ đạt mức "Trung bình" (WQI từ 51–75), tương ứng với khả năng sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương chiếm 40%; tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức “kém” (WQI từ 26-50), sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác chiếm 10%.

- Sông Họng: Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với Sông Họng cho thấy tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức "Rất tốt" (WQI từ 91–100), tương ứng với khả năng sử dụng trực tiếp cho mục đích cấp nước sinh hoạt, chiếm 10%; nhóm điểm có chất lượng "Tốt" sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có các biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng (WQI từ 76–90) chiếm 10%; tỷ lệ điểm quan trắc chỉ đạt mức "Trung bình" (WQI từ 51–75), tương ứng với khả năng sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương chiếm 80%.

- Sông Lạch Tray: Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với Sông Lạch Tray cho thấy tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức "Rất tốt" (WQI từ 91–100), tương ứng với khả năng sử dụng trực tiếp cho mục đích cấp nước sinh hoạt, chiếm 6,67%; nhóm điểm có chất lượng "Tốt" sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có các biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng (WQI từ 76–90) chiếm 63,33%; tỷ lệ điểm quan trắc chỉ đạt mức "Trung bình" (WQI từ 51–75), tương ứng với khả năng sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương chiếm 26,67%; tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức “kém” (WQI từ 26-50), sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác chiếm 3,33%.

- Sông Thái Bình: Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với Sông Thái Bình cho thấy tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức "Rất tốt" (WQI từ 91–100), tương ứng với khả năng sử dụng trực tiếp cho mục đích cấp nước sinh hoạt, chiếm 5%; nhóm điểm có chất lượng "Tốt" sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có các biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng (WQI từ 76–90) chiếm 50%; tỷ lệ điểm quan trắc chỉ đạt mức "Trung bình" (WQI từ 51–75), tương ứng với khả năng sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương chiếm 40%; tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức “kém” (WQI từ 26-50), sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác chiếm 5%

- Sông Văn Úc: Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với Sông Văn Úc cho thấy tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức "tốt" (WQI từ 76–90), tương ứng với sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có các biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng, chiếm 30%; tỷ lệ điểm quan trắc chỉ đạt mức "Trung bình" (WQI từ 51–75), tương ứng với khả năng sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương chiếm 50%; tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức "kém" (WQI từ 26-50), sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác chiếm 20%.

- Sông Cẩm: Chỉ số chất lượng nước (WQI) năm 2025 đối với Sông Cẩm cho thấy tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức "Rất tốt" (WQI từ 91–100), tương ứng với khả năng sử dụng trực tiếp cho mục đích cấp nước sinh hoạt, chiếm 3,33%; nhóm điểm có chất lượng "Tốt" sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có các biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng (WQI từ 76–90) chiếm 80%; tỷ lệ điểm quan trắc chỉ đạt mức "Trung bình" (WQI từ 51–75), tương ứng với khả năng sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương chiếm 10%; tỷ lệ điểm quan trắc đạt mức "kém" (WQI từ 26-50), sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác chiếm 6,67%.

#### d) Môi trường nước biển

- Nước biển ven bờ thành phố Hải Phòng năm 2025 có dấu hiệu ô nhiễm thông số dinh dưỡng Amoni, Phosphat và thông số vi sinh Coliform. Khu vực cảng, bến phà, cửa sông có tỉ lệ không đạt quy chuẩn cao nhất là 18,3%, tiếp theo là khu vực Đồ Sơn là 11,3%, khu vực Cát Bà là 3,1%. Hiện tại khu vực Bạch Long Vĩ chất lượng nước biển ven bờ có các thông số phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép, cụ thể:

+ Khu vực Cát Bà: Chất lượng nước biển ven bờ khu vực Cát Bà có dấu hiệu ô nhiễm thông số dinh dưỡng Amoni và Tổng Coliform; số mẫu không đạt lần lượt là 10,7% và 17,3%. Tỷ lệ không đạt quy chuẩn cho phép toàn vùng là 3,1%.

+ Khu vực Đồ Sơn: Chất lượng nước biển ven bờ khu vực Đồ Sơn có dấu hiệu ô nhiễm thông số dinh dưỡng Amoni và tổng Coliform; số mẫu không đạt lần lượt là 65,0% và 36,7%. Tỷ lệ không đạt quy chuẩn cho phép toàn vùng là 11,3%.

+ Khu vực cảng, bến phà, cửa sông: Chất lượng nước biển ven bờ khu vực cảng, bến phà, cửa sông có dấu hiệu ô nhiễm thông số dinh dưỡng Amoni, Phosphat và tổng Coliform; số mẫu không đạt lần lượt là 62,5%; 2,1% và 100,0%. Tỷ lệ không đạt quy chuẩn cho phép toàn vùng là 18,3%.

+ Khu vực Bạch Long Vĩ: Chất lượng nước biển ven bờ khu vực Bạch Long Vĩ có các thông số phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép.

- Đánh giá chỉ số rủi ro môi trường biển RQ:

Chỉ số rủi ro tổng cho thấy môi trường nước biển ven bờ Hải Phòng đợt quan trắc năm 2025 nhìn chung có chất lượng tốt, cụ thể: hệ số rủi ro của các điểm quan trắc tại khu vực Cát Bà và khu vực Bạch Long Vĩ RQ đều nhỏ hơn 1; hệ số rủi ro của các điểm quan trắc tại khu vực Đồ Sơn RQ hầu hết đều nhỏ hơn 1, riêng có điểm NB9-giữa bãi tắm khu 1 và khu 2 – chân triều (RQ=1,02) đợt 1, NB18-cảng cá Ngọc Hải (RQ=1,1-2,97) đợt 2, 4, 5, 6; hệ số rủi ro của các điểm quan trắc tại khu vực cảng, bến phà, cửa sông RQ hầu hết các điểm đều có RQ lớn hơn 1 là NB7- giữa bến phà Đình Vũ và bến phà Ninh Tiếp (RQ=1,07-1,23) đợt 2, NB11-cửa Thái Bình (RQ=1,14-1,25) đợt 5 và 6, NB12-cửa sông Văn Úc (RQ=1,01-1,25) đợt 4, 5 và 6, NB13-cửa Lạch Tray (RQ=1,08-1,38) đợt 4, NB14-cửa Nam Triệu (RQ=1,02-1,46) đợt 5 và 6, NB23-cảng Đình Vũ (RQ=1,09-1,14) đợt 6, NB29-khu vực cửa Cấm (RQ=1,03-1,57) đợt 2 và 5. Tuy nhiên, hệ số rủi ro RQj của một số thông số như Amoni, Phosphat, tổng Coliform lớn hơn 1, cho thấy có nguy cơ ô nhiễm từ trung bình đến cao và rất cao đối với các chỉ tiêu này ở một số điểm quan trắc.

### **3. Môi trường đất**

Theo kết quả quan trắc, phân tích chất lượng môi trường đất trong 3 năm gần đây (từ năm 2022 đến năm 2025), chất lượng môi trường đất trên địa bàn thành phố chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm và các thông số được quan trắc phân tích đều đạt ngưỡng cho phép.

Năm 2025, thành phố Hải Phòng đã tiến hành lấy mẫu quan trắc phân tích (thực hiện 02 đợt vào tháng 4 và tháng 10 năm 2025) đối với 23 mẫu đất trên địa bàn thành phố, kết quả cho thấy môi trường đất quan trắc tại các khu vực sản xuất nông nghiệp và khu công nghiệp trên địa bàn thành phố hàm lượng các kim loại nặng có biến động không nhiều và đều nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 03-MT:2023/BTNMT.

Quá trình đánh giá theo dõi chất lượng môi trường đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong 3 năm gần đây (từ năm 2022 đến năm 2025), cho thấy các vi chất kim loại đều nằm trong diện kiểm soát. Trong năm 2025, thành phố đã tổ chức quan trắc thêm 3 điểm để đánh giá thêm vị trí ô nhiễm khu vực đặc trưng để cảnh báo mức độ sử dụng và tồn dư trong đất của các hợp chất vô cơ tác động theo thời gian đến sức khỏe của con người.

### **4. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học**

#### **4.1. Các di sản thiên nhiên trên địa bàn thành phố:**

Thành phố hiện có 07 Di sản thiên nhiên với tổng diện tích 117.600,782ha gồm:

- Khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà 26.418,9 ha.

- Vườn Quốc gia Cát Bà 15.331,6 ha.
- Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ 27.008,93 ha.
- Danh lam thắng cảnh quần đảo Cát Bà 46.670 ha.
- Danh lam thắng cảnh đảo Hòn Dấu 13,79 ha.
- Cụm di tích Danh thắng Tràng Kênh – Bạch Đằng 2.036,15 ha;
- Danh thắng Núi Voi 121,412 ha.

*(Chi tiết tại Bảng 1 Phụ lục IV. Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)*

#### **4.2. Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học:**

Hiện tại, thành phố chưa nhận được hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân trên địa bàn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định của Luật Đa dạng sinh học.

*(Chi tiết tại Bảng 1 Phụ lục IV. Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)*

#### **4.3. Hành lang đa dạng sinh học:**

Hiện tại, trên địa bàn thành phố chưa thành lập các khu vực hành lang đa dạng sinh học. Tuy nhiên, theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến 2030 đã phê duyệt hành lang đa dạng sinh học khu vực ven biển Bắc Bộ bao gồm tỉnh Thái Bình, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích là 20.056 ha, phân kỳ quy hoạch đến 2030 và hiện trạng chưa thành lập.

*(Chi tiết tại Bảng 1 Phụ lục IV. Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)*

#### **4.4. Số loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu, loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN**

Thành phố hiện có 26 loài thực vật và 32 loài động vật nằm trong Danh mục các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ IUCN.

*(Chi tiết tại Bảng 2 Phụ lục IV. Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)*

#### **4.5. Vùng đất ngập nước quan trọng**

Theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, thành phố Hải Phòng có 02 vùng đất ngập nước cấp Quốc gia: Cửa sông Thái Bình diện tích 2.000ha (Hải Phòng - Thái Bình) và Cửa sông Văn Úc huyện Tiên Lãng diện tích 1.500ha.

#### ***4.6. Các nguồn gen quý hiếm trên địa bàn***

Thành phố hiện đang duy trì bảo tồn các nguồn gen quý hiếm trong nông nghiệp như: phát triển giống gà Liên Minh, dê núi Trân Châu, cau Cao Nhân, thuốc Lào Vĩnh Bảo, cam giấy Gia Luận, nếp cái hoa vàng, vải Bát Trang, bưởi Hồng đào, bưởi Lâm Động, cam Đồng Dụ, quýt ngọt Gia Luận, hồng cổ Hải Phòng...

## **II. BỐI CẢNH CHUNG KINH TẾ XÃ HỘI VÀ CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH ĐẾN MÔI TRƯỜNG**

### **1. Thông tin chung về phát triển kinh tế - xã hội**

Năm 2025, cả nước triển khai cuộc cách mạng cải cách hành chính, sắp xếp lại bộ máy chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp. Thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương hoàn thành việc hợp nhất thành đơn vị hành chính mới không chỉ mở rộng không gian phát triển mà còn tối ưu hóa nguồn lực, cộng hưởng các tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, tạo thành một cực tăng trưởng trọng điểm, dẫn dắt và thúc đẩy sự phát triển của vùng và cả nước.

Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của Hải Phòng mở ra nhiều cơ hội, thuận lợi nhưng cũng đầy khó khăn, thách thức, đòi hỏi duy trì tăng trưởng cao và bộ máy hành chính ổn định, thông suốt. Nhờ nỗ lực của hệ thống chính trị, nhân dân và doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực, khẳng định vị thế động lực tăng trưởng của vùng và cả nước, với tăng trưởng cao, thu ngân sách vượt kế hoạch, sản xuất - dịch vụ cùng thu hút đầu tư ổn định và thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội.

Sau khi sáp nhập, quy mô GRDP của thành phố năm 2025 (theo giá hiện hành) ước đạt 734.420 tỷ đồng (tương đương 29,3 tỷ USD), đứng thứ 3 cả nước chỉ sau thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Cơ cấu kinh tế theo các khu vực chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa phù hợp với định hướng phát triển thành phố trở thành trung tâm công nghiệp chất lượng cao gắn với kinh tế biển. Khu vực nông, lâm, nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 4,55%; công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 53,96%; thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng 35,2%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm tỷ trọng 6,29% (cơ cấu tương ứng năm 2024 là: 4,85%; 53,61%; 35,13%; 6,41%).

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục và an sinh xã hội của thành phố Hải Phòng được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực. Đời sống tinh

thần của nhân dân từng bước được nâng cao; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh và mở rộng bảo hiểm y tế được chú trọng; giáo dục và đào tạo được triển khai đồng bộ, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục. Các chính sách an sinh xã hội của thành phố được bảo đảm toàn diện và đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025. Thành phố chú trọng chăm lo đời sống người có công, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; các chính sách trợ cấp, hỗ trợ được triển khai kịp thời, đúng đối tượng. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp tục giảm, mức sống của người dân từng bước được nâng cao, góp phần bảo đảm ổn định xã hội.

## **2. Các tác động chính đến môi trường**

- Tác động từ nước thải: Quá trình gia tăng dân số, cùng với các hoạt động phát triển như đô thị hóa, công nghiệp, nông nghiệp, làng nghề, y tế và dịch vụ phát triển không ngừng là nguyên nhân gia tăng sức ép đối với môi trường nước mặt thông qua lượng nước thải ngày càng gia tăng cả về lưu lượng thải và phức tạp về thành phần chất thải. Nước thải công nghiệp từ các cơ sở sản xuất cũ nằm xen lẫn trong khu dân cư thải ra các kênh dẫn nước tuy không nhiều nhưng cũng tạo áp lực lên nguồn tiếp nhận. Nước thải phát sinh từ hoạt động của 25 Khu công nghiệp đang hoạt động đã được thu gom, xử lý tại các hệ thống xử lý nước thải tập trung tuy nhiên tỷ lệ nước thải phát sinh từ các Cụm công nghiệp đang hoạt động được thu gom, xử lý tại các hệ thống xử lý nước thải tập trung còn thấp; tỷ lệ nước thải sinh hoạt của các phường (thuộc 07 quận nội thành thành phố Hải Phòng cũ) được thu gom, xử lý đạt khoảng 40,77%; khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng cũ hiện nay chỉ có 03 huyện có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại huyện Tiên Lãng, thành phố Thủy Nguyên, huyện Cát Hải (nay là xã Tiên Lãng, phường Bạch Đằng, Đặc khu Cát Hải).

- Tác động từ khí thải: các nguồn điểm phát sinh khí thải tiếp tục được kiểm soát thông qua công tác tiền kiểm và hậu kiểm; các nguồn di động phát sinh khí thải chính bao gồm xe máy, xe tải và xe khách; các nguồn diện phát sinh khí thải bao gồm các hoạt động thi công xây dựng, đốt rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp.

- Tác động từ chất thải rắn: Tổng khối lượng CTRSH trên địa bàn thành phố phát sinh khoảng 3.300 tấn/ngày, trong đó: khu vực phía Đông khoảng 2.000 tấn/ngày; khu vực phía Tây: khoảng 1.300 tấn/ngày.

## **III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm**

#### ***1.1. Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung***

a) Về quy hoạch khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố

Trên địa bàn thành phố có 02 khu kinh tế (tổng diện tích 42.540 ha) và 45 khu công nghiệp (KCN) (tổng diện tích 12.678,25 ha); trong đó có 19 khu công

nghiệp nằm trong các khu kinh tế và 27 khu công nghiệp nằm ngoài các khu kinh tế (25 KCN ở phía Đông và 20 KCN ở phía Tây), 01 khu thương mại tự do (tổng diện tích 6.292 ha) mang tính chất của một khu thương mại tự do tổng hợp, được tổ chức thành các khu chức năng. Trong năm 2025, đa số doanh nghiệp trong KCN đã chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; công tác quản lý môi trường tại các KCN đi vào nề nếp; chất lượng môi trường được cải thiện; hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các KCN tiếp tục được nâng lên.

Ngoài ra, ngày 04/12/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1511/QĐ-TTg về việc thành lập Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng với quy mô 20.000 ha. Đây là khu kinh tế mới, phát triển các tổ hợp sản xuất gắn với logistics, nông nghiệp công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu – phát triển, cảng biển, sân bay quốc tế và khu thương mại tự do. Thành phố Hải Phòng định hướng Khu kinh tế phía Nam trở thành khu kinh tế xanh, là hình mẫu chuyển đổi xanh trong các khu công nghiệp và khu kinh tế của thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

#### a) Quy mô, tính chất nguồn thải

Hiện tại, trên địa bàn thành phố có 25/25 khu công nghiệp (KCN) đang hoạt động đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Giấy phép môi trường trong đó khu vực phía Đông thành phố có 11 KCN thu hút 863 Dự án đầu tư (KCN Tràng Duệ có số lượng dự án lớn nhất là 140 Dự án, KCN Deep C2A có số lượng dự án nhỏ nhất là 38 dự án); khu vực phía Tây thành phố có 14 KCN thu hút 477 Dự án đầu tư (KCN Đại An mở rộng có số lượng dự án lớn nhất là 61 dự án, KCN Gia Lộc có số lượng dự án nhỏ nhất là 05 dự án) với đa dạng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế tại khu vực phía Đông thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chỉ xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho những dự án phù hợp với quy hoạch của các khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế đã được phê duyệt; chú trọng các dự án công nghệ cao, công nghệ tiên tiến tạo ra giá trị gia tăng, thân thiện với môi trường, các dự án công nghiệp hỗ trợ, không chấp nhận những dự án có nguy cơ gây ra ảnh hưởng xấu đến môi trường, phát sinh nhiều nước thải, chất thải rắn, đặc biệt là rác thải nhựa; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và hoạt động cộng sinh công nghiệp, trong đó có nội dung phổ biến, định hướng thành lập các khu công nghiệp mới theo hướng đảm bảo các tiêu chí của Khu công nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường, từng bước chuyển đổi các khu công nghiệp đang hoạt động thành khu công nghiệp sinh thái, tăng cường tái chế chất thải.

Các Chủ đầu tư và phát triển hạ tầng KCN đều có bộ phận quản lý về môi trường thực hiện giám sát chất lượng nước thải của các doanh nghiệp trong các KCN, KKT; vận hành và giám sát chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra của nhà máy xử lý nước thải tập trung; lập các báo cáo về tình hình môi trường gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước.

b) Về công tác bảo vệ môi trường:

Toàn bộ 25/25 KCN đã thực hiện đấu nối, thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh của các doanh nghiệp thứ cấp đang hoạt động (trừ các doanh nghiệp được miễn trừ đấu nối) về trạm xử lý nước thải tập trung; đã vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường.

- Khu vực phía Đông thành phố:

+ Hiện có 11 KCN đang hoạt động đã xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom nước mưa, nước thải riêng biệt và trạm xử lý nước thải tập trung, bao gồm: KCN Nhật Bản - Hải Phòng, Đồ Sơn, Đình Vũ, Tràng Duệ, VSIP Hải Phòng, Nam Cầu Kiền, MP Đình Vũ, Nam Đình Vũ 1, An Dương, Deep C 2A, Deep C 2B. Riêng hai KCN Deep C 2A và Deep C 2B thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý tập trung của KCN Đình Vũ theo Văn bản số 1559/BTNMT-TCMT ngày 04/4/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Văn bản số 3514/BNNMT- MT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

+ Về đấu nối nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp: Các doanh nghiệp thứ cấp đã thực hiện đấu nối vào hệ thống xử lý tập trung, ngoại trừ Công ty TNHH Vật liệu Nam châm Shin-Etsu Việt Nam tại KCN Đình Vũ có hệ thống xử lý riêng. Các hệ thống đều vận hành ổn định, nước thải sau xử lý đạt yêu cầu QCVN 40:2011/BTNMT.

- Khu vực phía Tây thành phố:

+ 14 KCN đang hoạt động đã đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thu gom riêng biệt nước thải và nước mưa, đồng thời đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, bao gồm: Nam Sách, Đại An, Kỹ thuật cao An Phát, Đại An mở rộng, Phúc Điền, Tân Trường, Lai Cách, Cẩm Điền - Lương Điền, Lai Vu, Phú Thái, Cộng Hòa, An Phát 1, Phúc Điền mở rộng, Gia Lộc. Riêng KCN Cộng Hòa, do hệ thống xử lý 2.000 m<sup>3</sup>/ngày gặp sự cố về chất lượng xây dựng, đã lắp đặt tạm thời module xử lý nước thải với công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày để tiếp nhận nước thải từ các dự án thứ cấp.

+ Về đấu nối nước thải của doanh nghiệp thứ cấp: Các doanh nghiệp thứ cấp đang hoạt động trong các KCN đã đấu nối vào hệ thống xử lý chung ngoại trừ Công ty TNHH Best Pacific (Việt Nam) tại KCN Cẩm Điền – Lương Điền; Công

ty TNHH Dệt Pacific Crystal và Công ty TNHH May Tinh Lợi tại KCN Lai Vu đã xây dựng trạm xử lý riêng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) và được cơ quan chức năng cấp phép xả thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận (không đầu nối vào hệ thống chung của KCN).

c) Về chuyên đổi mô hình KCN truyền thống sang mô hình KCN sinh thái

Thành phố hiện có 02 KCN đang thực hiện chuyên đổi từ mô hình KCN truyền thống sang KCN sinh thái, gồm KCN Nam Cầu Kiền và KCN Đình Vũ, kết quả:

- Bước đầu đã hình thành các liên kết cộng sinh công nghiệp – công nghiệp và cộng sinh công nghiệp – đô thị trên cơ sở mô hình kinh tế tuần hoàn, cụ thể: liên kết cộng sinh trong ngành nhựa thông qua thu hút chuỗi nhà máy tái chế nhựa, sản xuất nguyên liệu thô, sản xuất sản phẩm nhựa hoàn thiện và xử lý chất thải; liên kết cộng sinh trong ngành thép; liên kết cộng sinh ngành phụ trợ điện – điện tử tại KCN Nam Cầu Kiền...

- Hình thành liên kết cộng sinh công nghiệp – đô thị thông qua các dịch vụ phục vụ sản xuất và sinh hoạt tại khu công nghiệp, cụ thể: dịch vụ sơ cấp cứu 24/7 tại Khu công nghiệp Deep C (hợp tác với Bệnh viện Việt Tiệp); ký kết Quy chế phối hợp chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ giữa Công an quận Hải An và Công ty cổ phần KCN Đình Vũ; triển khai các dự án phát triển vùng đệm nông nghiệp nhằm hỗ trợ người dân tại các xã có đất bị thu hồi chuyên đổi mô hình sinh kế (trồng trọt, chăn nuôi hộ gia đình, mô hình trang trại), góp phần đảm bảo lợi ích hài hòa, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho các hộ dân xung quanh KCN Nam Cầu Kiền...

- Nghiên cứu và nhận diện cơ hội cộng sinh công nghiệp – đô thị khác, cụ thể: tổ chức dịch vụ xe bus đưa đón công nhân; chia sẻ dịch vụ ứng phó và phòng chống sự cố tràn dầu; phát triển nhà ở xã hội cho công nhân; chia sẻ hạ tầng dịch vụ xử lý nước thải; phát triển năng lượng tái tạo cho các doanh nghiệp trong KCN.

Với các kết quả đã đạt được, ngày 13/8/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 1737/QĐ-BKHĐT phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật “Nhân rộng phương pháp tiếp cận khu công nghiệp sinh thái để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam” sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức do Tổng cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) tài trợ không hoàn lại, theo đó: KCN Đình Vũ và KCN Nam Cầu Kiền là 02/07 KCN trên cả nước được lựa chọn tham gia Dự án “Nhân rộng phương pháp tiếp cận khu công nghiệp sinh thái để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam” theo Quyết định số 1737/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

*(Chi tiết tại Bảng 2 và Bảng 3 Phụ lục I. Các nguồn ô nhiễm)*

## **1.2. Cụm công nghiệp**

- Thành phố theo quy hoạch có 97 cụm công nghiệp (CCN), hình thành và thành lập 81 CCN, đi vào hoạt động 40 CCN, trong đó:

+ 06 CCN (Lương Điền, Đoàn Tùng 2, Tân Liên, Thị trấn Tiên Lãng, Tàu Thủy An Hồng và Tiên Cường III) có trạm xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; 09 CCN (Cao Thắng, Ba Hàng, Hồng Phúc - Hưng Long, Cộng Hòa, Văn Tố, Văn An 1, Nghĩa An, Ngũ Hùng - Thanh Giang, An Đồng) chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ 22 CCN hình thành, thành lập theo Quyết định số 105/2009/TTg-CP chưa có chủ đầu tư, chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Các dự án thứ cấp trong CCN đều phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải phục vụ cho dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ 52 CCN còn lại chủ đầu tư đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư hạ tầng, trong đó có đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

+ Các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh trong các CCN cơ bản tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện các thủ tục cấp Giấy phép môi trường, đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường, ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý rác thải, chất thải công nghiệp. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong CCN là doanh nghiệp vừa và nhỏ, trình độ công nghệ còn ở mức trung bình, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Để từng bước khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác quản lý, phát triển CCN, đáp ứng các điều kiện về môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo Sở Công Thương tiếp tục tập trung triển khai một số giải pháp sau:

+ Đối với các CCN không có chủ đầu tư: tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kêu gọi, thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Đối với các CCN không thu hút được chủ đầu tư: tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát công tác thu gom, xử lý nước thải đối với các cơ sở hoạt động trong CCN khi CCN chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các cơ sở xả thải không đạt quy chuẩn vào môi trường.

+ Đối với các CCN không có chủ đầu tư, nằm trong khu đô thị, khu dân cư, gây ô nhiễm môi trường: phối hợp với các sở, ngành xây dựng phương án, kế hoạch, lộ trình để di dời các dự án thứ cấp trong CCN đến các khu công nghiệp, CCN khác có chủ đầu tư hạ tầng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; đồng thời, xây dựng chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình di dời.

*(Chi tiết tại Bảng 4 Phụ lục I. Các nguồn ô nhiễm)*

### 1.3. Làng nghề

#### a) Về thực trạng làng nghề:

Đến nay, trên địa bàn thành phố có tổng số 78 làng nghề được công nhận, trong đó, có 32 làng nghề truyền thống và có 03 nghề truyền thống (nghề sản xuất bánh đậu xanh, nghề khắc in mộc bản Thanh Liễu, nghề làm con giống thôn Nhân Mục).

Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh tại các làng nghề trên địa bàn thành phố khoảng 7.467 cơ sở. Trong đó: nhóm làng nghề sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ có 2.575 cơ sở, chiếm 34,49%; nhóm làng nghề dịch vụ phục vụ sản xuất đời sống dân cư nông thôn có 1.993 cơ sở, chiếm 26,69%; nhóm làng nghề sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh có 1.652 cơ sở, chiếm 22,12%; nhóm làng nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có 674 cơ sở, chiếm 9,03%; còn lại nhóm làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ có ít cơ sở nhất với 573 cơ sở, chiếm 7,67%.

#### b) Công tác bảo vệ môi trường làng nghề

##### \* Khu vực phía Đông thành phố:

##### - Về thu gom, xử lý nước thải:

+ Một số làng nghề hoạt động mang tính chất đặc thù, trong quá trình hoạt động không phát sinh nước thải như: Làng nghề mây tre đan Tiên Cẩm, xã An Thái, huyện An Lão (nay là xã An Hưng); Làng nghề mây tre đan Chính Mỹ, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên (nay là phường Lê Ích Mộc); Nghề làm con giống thôn Nhân Mục, xã Nhân Hoà, huyện Vĩnh Bảo (nay là xã Vĩnh Bảo).

+ Một số làng nghề hoạt động phát sinh ít nước thải, nước thải làng nghề được thoát chung vào hệ thống thoát nước thải sinh hoạt khu dân cư như: Làng nghề trồng hoa, cây cảnh thôn Đông Dụ, xã Đặng Cương, huyện An Dương (nay là phường An Dương); Làng nghề trồng hoa, cây cảnh thôn Tri Yêu, xã Đặng Cương, huyện An Dương (nay là phường An Dương); Làng nghề trồng hoa, cây cảnh thôn Kiều Trung, xã Hồng Thái, huyện An Dương (nay là phường An Hải); Làng nghề trồng hoa, cây cảnh thôn Minh Kha, xã Đông Thái, huyện An Dương (nay là phường An Hải); Làng nghề cây cảnh thôn Mông Thượng, xã Chiến Thắng, huyện An Lão (nay là xã An Hưng); Làng nghề trồng và chế biến cau Cao Nhân, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên (nay là phường Lê Ích Mộc); Làng nghề vận tải thủy An Lư, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên (nay là phường Thủy Nguyên); Làng nghề điêu khắc gỗ, sơn mài Bảo Hà, xã Vĩnh Hải.

+ Một số làng nghề có nhu cầu sử dụng nước lớn tuy nhiên các chủ hộ hoạt động trong làng nghề thiếu kinh phí đầu tư hệ thống làm sạch môi trường nước

trước khi xả nước thải ra môi trường như: Làng nghề sản xuất cá giống Hội Am, xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo (nay là xã Vĩnh Am); Làng nghề nuôi trồng thủy sản Tân Thành, phường Tân Thành, quận Dương Kinh (nay là phường Dương Kinh); Làng nghề khai thác, nuôi trồng và dịch vụ thủy sản Lập Lễ, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên (nay là phường Nam Triệu).

+ Một số làng nghề đã có hệ thống thu gom nhưng chưa có công trình xử lý nước thải tập trung, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường là rất cao, như: Làng nghề đúc cơ khí Mỹ Đồng, Thủy nguyên (nay là Phường Lê Ích Mộc); Làng nghề bánh đa Kinh Giao, huyện An Dương (nay là phường An Dương); Làng nghề chiếu cói Lật Dương, xã Quang Phục (nay là xã Tiên Minh); Làng nghề mộc nội thất Kha Lâm, phường Nam Sơn (nay là Phường Phù Liễn).

- Về tình hình xử lý chất thải rắn/rác thải trong làng nghề:

+ Rác thải sinh hoạt được chuyên giao cho tổ, đội thu gom rác thải của địa phương để xử lý tại các bãi rác tạm; Các loại rác thải khác như gỗ, mùn cưa, vỏ cuống cau, cói thải...được các hộ sản xuất tự thu gom, sử dụng làm chất đốt, phân hữu cơ tại các làng nghề: Làng nghề trồng và chế biến cau Cao Nhân, phường Lê Ích Mộc; Làng nghề mây tre đan Chính Mỹ, xã Chính Mỹ, phường Lê Ích Mộc; Nghề làm con giống thôn Nhân Mục, xã Vĩnh Bảo; Làng nghề mây tre đan Tiên Cầm, xã An Hưng; Làng nghề chiếu cói Lật Dương, xã Tiên Minh.

+ Một số loại chất thải nguy hại như vỏ bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật chưa được xử lý theo đúng quy định tại các làng nghề: Làng nghề trồng hoa, cây cảnh thôn Đồng Dụ, phường An Dương; Làng nghề trồng hoa, cây cảnh thôn Tri Yếu, phường An Dương, làng nghề trồng hoa, cây cảnh thôn Kiều Trung, phường An Hải ; Làng nghề trồng hoa, cây cảnh thôn Minh Kha, phường An Dương;

+ Hầu hết các làng nghề có phát sinh chất thải nguy hại như các giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng và một số hóa chất thải loại đều chưa thực hiện thu gom, xử lý đảm bảo quy định.

- Về thu gom xử lý khí thải/bụi trong làng nghề: một số cơ sở sản xuất trong các làng nghề đã đầu tư hệ thống hoặc thiết bị xử lý khí thải.

\* Khu vực phía Tây thành phố:

- Có 52/60 làng nghề được UBND cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề; 8/60 làng nghề chưa có phương án bảo vệ môi trường, các làng nghề này chủ yếu là các làng nghề đã dừng hoạt động hoặc số lượng các hộ hoạt động ít chỉ còn 2-3 hộ làm nghề.

- Có 44/60 làng nghề đã thành lập tổ tự quản bảo vệ môi trường theo quy định; 16/60 làng nghề chưa thành lập tổ tự quản (trong đó 02 làng nghề không còn hộ sản xuất).

- Có 9/60 làng nghề hoạt động phát sinh nước thải, đây là nhóm làng nghề nấu rượu, làm bún, bánh đa, chế biến hàng nông sản. Tuy nhiên, các làng nghề này đều chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- 30/60 làng nghề hoạt động có phát sinh khí thải, bụi đây là nhóm làng nghề nấu rượu, làm bún, bánh đa, chế biến hàng nông sản, mộc.

Một số làng nghề theo hoạt động đặc thù có ảnh hưởng đến môi trường, thành phố đã chỉ đạo các địa phương kiểm tra, xử lý và khắc phục như: Làng nghề bánh đa Lộ Cương, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng) gây ảnh hưởng ô nhiễm không khí do đốt lò hơi bằng củi, gỗ, nay đã chuyển sang lò hơi điện; Làng nghề giày da xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Hoàng Diệu, thành phố Hải Phòng) có tình trạng đốt chất thải da giày trong khu vực nay đã chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý chất thải công nghiệp xử lý theo quy định...

*(Chi tiết tại Bảng 5 Phụ lục I. Các nguồn ô nhiễm)*

#### **1.4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh có trạm quan trắc tự động, liên tục truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang theo dõi 96 trạm quan trắc tự động, liên tục khí thải và 68 trạm nước thải tự động, liên tục của các doanh nghiệp truyền về. Kết quả theo dõi dữ liệu quan trắc môi trường của các doanh nghiệp đã truyền về Trạm trung tâm của Sở Nông nghiệp và Môi trường cho thấy: Đường truyền các thông số quan trắc cơ bản ổn định và đạt quy chuẩn cho phép. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp tại một số thời điểm có thông số vượt quy chuẩn môi trường cho phép, mất kết nối số liệu hoặc có số liệu bất thường, cán bộ theo dõi của Sở đã thông tin, trao đổi trực tiếp với các doanh nghiệp và yêu cầu kiểm tra xác định rõ nguyên nhân để có biện pháp khắc phục. Trên cơ sở đó đa số các doanh nghiệp đã kiểm tra và khắc phục kịp thời, chỉ có một số doanh nghiệp do sự cố hỏng máy móc, thiết bị cần thời gian khắc phục, các doanh nghiệp đã gửi văn bản báo cáo về Sở để theo dõi, quản lý, trong đó nêu nguyên nhân, phương án và thời gian khắc phục. Ngoài ra, một số trạm quan trắc của một số doanh nghiệp xin tạm dừng một thời gian để thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị sản xuất hoặc tạm dừng sản xuất cho đến khi hoạt động sản xuất trở lại.

- Trong năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ ban hành quy chế phối hợp quản lý, theo dõi, xử lý thông tin dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn thành phố Hải Phòng để đảm bảo hệ thống quan trắc môi

trường tự động, liên tục luôn hoạt động ổn định, bảo quản và quản lý theo đúng quy định; dữ liệu được theo dõi, xử lý thông tin kịp thời, việc báo cáo được thực hiện theo đúng quy định.

- Việc theo dõi hoạt động xả nước thải và khí thải của các doanh nghiệp thông qua các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục đã kịp thời điều chỉnh hành vi cũng như nâng cao ý thức, trách nhiệm của các doanh nghiệp trong quản lý, vận hành các hệ thống xử lý chất thải đảm bảo duy trì đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Các nguồn xả thải lớn của các doanh nghiệp cơ bản đã được kiểm soát, giảm tình trạng phát sinh các sự cố có thể xảy ra gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

*(Chi tiết tại Bảng 1, Bảng 2 Phụ lục VII. Tỷ lệ cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải/khí thải tự động, liên tục truyền số liệu trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

## **2. Quản lý chất thải và phế liệu**

### **2.1. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)**

#### *a) Phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH*

- Tổng khối lượng CTRSH trên địa bàn thành phố phát sinh khoảng 1.214.308 tấn/năm.

- Tỷ lệ chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng, thực phẩm, hữu cơ được phân loại, xử lý đạt: 21%.

- Tỷ lệ xử lý hợp vệ sinh: Tại khu vực đô thị: đạt khoảng 95%, tại khu vực nông thôn đạt khoảng 90%.

- Về phương thức quản lý:

+ Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện dịch vụ: (1) thu gom, vận chuyển, vệ sinh công cộng tại 12 phường (trên địa bàn 06 quận cũ Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải An, Kiến An, Đồ Sơn) và một phần địa bàn phường Dương Kinh, Hưng Đạo; (2) xử lý CTRSH tại các khu xử lý Tràng Cát, Đình Vũ, Gia Minh.

+ Đối với các địa phương còn lại: (1) Trước thời điểm 01/7/2025: Giao cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường thuộc UBND cấp huyện tổ chức đấu thầu, đặt hàng với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng; Ủy ban nhân dân cấp xã đặt hàng với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn. (2) Từ ngày 01/7/2025, nhiệm vụ này được chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (mới) ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng.

*(Chi tiết tại Bảng 1 Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu)*

*b) Hiện trạng hạ tầng xử lý CTRSH*

- Tổng số khu xử lý CTRSH trên địa bàn: Theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố đến năm 2025 trên địa bàn thành phố quy hoạch 12 Khu xử lý cấp thành phố (Phía Đông: 07 Khu, Phía Tây: 05 khu) và 07 Khu xử lý cấp huyện (Phía Đông).

- Số lượng khu/bãi chôn lấp CTRSH đang hoạt động:

+ Hiện có 07 Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung cấp tỉnh, cấp huyện (cũ) đang hoạt động (Phía Đông: 05; Phía Tây: 02); 06 lò đốt do đơn vị tư nhân quản lý, vận hành (Phía Đông: 01; Phía Tây: 05) với năng lực xử lý khoảng 2.120 tấn/ngày.

+ Ngoài ra còn 482 bãi rác cỡ nhỏ, trong đó: 77 bãi tại khu vực phía Đông: 33 bãi được cải tạo, nâng cấp thành hợp vệ sinh; 44 bãi chưa hợp vệ sinh; tỉnh Phía Tây (405): 145 bãi chôn lấp hợp vệ sinh; 260 bãi chưa hợp vệ sinh). Ngoài ra, tại khu vực nông thôn, chất thải thực phẩm/hữu cơ sau phân loại một phần được tận dụng làm thức ăn gia súc, một phần được ủ phân mùn tại hộ gia đình và các điểm xử lý tập trung cho các cụm gia đình.

*(Chi tiết tại Bảng 2 Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu)*

- Về nâng cấp, cải tạo và đóng cửa bãi rác nhỏ không hợp vệ sinh:

+ Theo số liệu thống kê trước năm 2022, trên địa bàn thành phố có 796 bãi rác nhỏ không hợp vệ sinh (Phía Đông: 135 bãi; Phía Tây 661 bãi). Đến nay: (1) Đã dừng hoạt động: 314 bãi (phía Đông: 58 bãi; phía Tây: 256 bãi); (2) Còn: 482 bãi đang hoạt động (Phía Đông: 77 bãi; Phía Tây: 405 bãi) trong đó đã cải tạo, nâng cấp thành bãi rác hợp vệ sinh đối với 178 bãi (Phía Đông: 33 bãi; Phía Tây 145 bãi).

+ Theo Kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường bãi rác tạm thành bãi rác hợp vệ sinh đến năm 2030: phần đầu dừng thêm hoạt động của 482 bãi đang hoạt động khi 02 nhà máy xử lý chất thải rắn hiện đại tại Đình Vũ, Lai Khê vào hoạt động (Phía Đông: 77 bãi; Phía Tây: 405 bãi).

- Về đầu tư xây dựng, cải tạo điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

+ Thành phố hiện có: (1) Điểm tập kết: 664 điểm (phía Đông: 530 điểm; phía Tây: 134 điểm); (2) Trạm trung chuyển: đang xem xét quy hoạch 14 trạm trung chuyển trên địa bàn 13 quận/huyện tại Hải Phòng (cũ).

+ Tại một số điểm tập kết tạm thời tại khu vực Nam Sách, Kiến Thụy, các địa phương đã bố trí các điểm ủ chất thải tập trung chất thải sau phân loại (49 điểm ủ với 141 ngăn ủ).

- Ngoài ra, thành phố đã dừng hoạt động 08 lò đốt cỡ nhỏ (05 lò đốt BD Alpha; 04 lò đốt do tư nhân đầu tư, quản lý); hướng dẫn các địa phương thực hiện thủ tục các trình tự, thủ tục xử lý tài sản công đối với 05 lò đốt BD Alpha.

*(Chi tiết tại Bảng 3 Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu)*

### c) Phương pháp xử lý CTRSH

- Phương thức xử lý CTRSH chủ yếu vẫn đang là chôn lấp hợp vệ sinh, đốt không thu hồi năng lượng, chưa có nhà máy chế biến thực phẩm, hữu cơ thành phân mùn, phân vi sinh tại khu vực nông thôn phía Đông, khu vực phía Tây để kết nối, hỗ trợ cùng các địa phương tham gia phân loại, chuẩn hóa từ đầu các thành phần phân loại, ủ mùn đảm bảo đầu ra sử dụng làm phân vi sinh.

- Đang triển khai thủ tục đầu tư xây dựng 02 nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt rác phát điện với tổng công suất 2.000 tấn/ngày đêm tại khu xử lý Đình Vũ và xã Lai Khê và 02 nhà máy xử lý chất thải xây dựng tại phường Hồng An và Khu xử lý chất thải rắn Đình Vũ, phường Đông Hải; 01 khu xử lý chất thải rắn hiện đại tại đặc khu Bạch Long Vĩ để nâng cao năng lực xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố.

*(Chi tiết tại Bảng 4, 5, 6 Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu)*

## **2.2. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)**

- Tổng khối lượng CTRCNTT phát sinh trên địa bàn theo thống kê đến ngày 23/01/2026 khoảng 764.392,630 tấn trong đó khối lượng CTRCNTT được thu gom để tái sử dụng, tái chế khoảng 373.379,1197 tấn; khối lượng CTRCNTT được tiêu hủy (đốt, chôn lấp...) khoảng 27.353.719 tấn; lượng chất thải rắn còn lại một phần được các chủ nguồn thải tự tái sử dụng, phần còn lại được chủ nguồn thải lưu giữ tại cơ sở..

- Riêng đối với tro xỉ, thạch cao của nhà máy nhiệt điện, phân bón: Thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 26/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng, thành phố đã triển khai đẩy mạnh quản lý xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng.

Chất thải rắn công nghiệp của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng, Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, Công ty TNHH Điện lực Jaks Hải Dương làm vật liệu

san lấp, tro xỉ đáy lò làm phụ gia cho khoáng sản, tro bay dùng làm phụ gia bê tông, vữa xây, tro bay dùng cho xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng. Chất thải của Công ty CP Thép Hòa Phát được Công ty tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất (xỉ hạt lò cao làm xỉ nghiền cung cấp phụ gia xi măng, vẩy cán phôi trộn cùng nguyên phụ liệu khác đưa vào thiêu kết, xỉ luyện thép tái sử dụng làm phế liệu đưa vào lò thổi) hoặc chuyển giao để làm nguyên liệu cho các đơn vị sản xuất xi măng.

Nhà máy sản xuất phân bón DAP Đình Vũ thuộc Công ty Cổ phần DAP - Vinachem phát thải lượng tro thải, xỉ thải, bã thải thạch cao với khối lượng lớn. Các cơ sở đã lập Đề án xử lý, tiêu thụ tro xỉ, thạch cao và thực hiện các phương án để đẩy mạnh xử lý, tiêu thụ lượng tro thải, xỉ thải, bã thải thạch cao phát sinh đến đâu xử lý, tiêu thụ hết đến đó. Đối với lượng bã thải thạch cao PG còn tồn trữ của Công ty Cổ phần DAP - Vinachem khoảng 3.850.000 tấn, Công ty đang tăng cường thực hiện các phương án xử lý, tiêu thụ thạch cao PG (Chế biến làm phụ gia xi măng; Chế biến vật liệu làm nền, móng đường giao thông, vật liệu san lấp công trình xây dựng) để giảm lượng bã thải thạch cao PG còn tồn trữ.

- Các cơ sở xử lý CTRCNTT:

Thành phố hiện có 12 cơ sở xử lý chất thải nguy hại được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép trong đó có chức năng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có tính chất tương tự (Phía Đông: 06; Phía Tây: 06). Ngoài ra, một số đơn vị ký hợp đồng với đơn vị chức năng ngoài thành phố được cấp phép.

*(Chi tiết tại Bảng 7 Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu)*

### **2.3. Quản lý chất thải nguy hại (CTNH)**

a) Tổng khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn.

Tổng khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn theo thống kê đến ngày 23/01/2026 khoảng 62.305,859kg trong đó 62.199,138kg đã được thu gom, vận chuyển, 62.199,138kg đã được xử lý (đạt tỷ lệ 99,8%).

b) Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn.

- Tổng khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh từ hoạt động của 74 cơ sở y tế trên địa bàn thành phố là 815,58 tấn, đã thu gom và xử lý đạt 100%.

- Chất thải rắn y tế phát sinh tại các Trạm Y tế được thu gom theo mô hình cụm, tập trung tại nhà lưu giữ chất thải của Trung tâm Y tế khu vực và được vận chuyển, xử lý tại các đơn vị có đủ chức năng xử lý chất thải y tế theo quy định.

- Hiện tại trên địa bàn thành phố còn 03 cơ sở y tế xử lý chất thải y tế nguy hại tại chỗ, cụ thể:

+ Chất thải y tế phát sinh từ hoạt động của Trung tâm y tế Kinh Môn và Trung tâm y tế Tứ Kỳ được xử lý tại thiết bị xử lý công nghệ khử trùng bằng hơi nước bão hòa ở nhiệt độ cao kết hợp nghiền cắt công suất 18 - 40kg/giờ, kết quả quan trắc khí thải, nước thải và độ bất hoạt vi khuẩn được Ban Quản lý dự án Trung ương và Trung tâm Khoa học Công nghệ Môi trường đánh giá đạt yêu cầu.

+ Chất thải y tế phát sinh từ hoạt động của Trung tâm Y tế quân dân y Bạch Long Vĩ được xử lý bằng hình thức chôn lấp.

#### c) Các cơ sở xử lý CTNH

Thành phố hiện có 15 cơ sở xử lý chất thải nguy hại được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép trong đó có chức năng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có tính chất tương tự (Phía Đông: 07; Phía Tây: 08). Ngoài ra, một số đơn vị ký hợp đồng với đơn vị chức năng ngoài thành phố được cấp phép.

*(Chi tiết tại Bảng 8 Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu)*

#### d) Các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn:

Thành phố hiện có 15 khu xử lý chất thải tập trung được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép trong đó có chức năng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có tính chất tương tự (Phía Đông: 07; Phía Tây: 08).

*(Chi tiết tại Bảng 9 Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu)*

### **2.4. Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:**

- Tổng số cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2025 là: 17 doanh nghiệp. Số lượng cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất giảm so với năm 2024: 8 doanh nghiệp.

*(Chi tiết tại Bảng 10 Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu)*

- Tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2025 là: 183.338,104 tấn. Khối lượng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất giảm so với năm 2024: 207.039,79 tấn.

*(Chi tiết tại Bảng 11 Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu)*

## **3. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường**

### **3.1. Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước (lưu vực sông, nước mặt, nước biển...)**

#### a) Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước mặt

\* Công tác triển khai, hướng dẫn thi hành chính sách pháp luật, xây dựng chương trình, đề án, dự án

- Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 27/11/2025 về khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng (mùa cạn năm 2025-2026) theo Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình mùa cạn năm 2025-2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thành phố đã và đang thực hiện các đề án, dự án liên quan đến bảo vệ môi trường nước sau:

+ Đề án Điều tra cơ bản tài nguyên nước thành phố Hải Phòng: Đã ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu thực hiện Đề án (Viện Tài nguyên môi trường nước), hiện nhà thầu đang triển khai thực hiện đề án.

+ Nhiệm vụ Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương, giai đoạn đến 2025: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện nghiệm thu sản phẩm Đề án và có Tờ trình số 956/TTr-SNNMT ngày 29/12/2025 trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

+ Đề án Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt cho các sông, hồ nội tỉnh có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường của thành phố Hải Phòng: Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt Đề cương Đề án tại Quyết định số 5220/QĐ-UBND ngày 25/12/2025. Hiện tại, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang thực hiện thủ tục phê duyệt Dự toán kinh phí thực hiện Đề án.

+ Đề án lập danh mục nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt Đề cương Đề án tại Quyết định số 5170/QĐ-UBND ngày 22/12/2025. Hiện tại, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang thực hiện thủ tục phê duyệt Dự toán kinh phí thực hiện Đề án.

+ Nhiệm vụ Xây dựng kế hoạch bảo vệ nước dưới đất: Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt Đề cương nhiệm vụ tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 06/01/2026. Hiện tại, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang thực hiện thủ tục phê duyệt Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

+ Nhiệm vụ xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Tờ trình số 927/TTr-SNNMT ngày 20/12/2025 trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề cương Nhiệm vụ.

*\* Công tác cấp phép*

- Ủy ban nhân dân thành phố đã cấp 36 Giấy phép khai thác nước mặt; 04 Giấy phép khai thác nước dưới đất; 01 Quyết định truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; 60 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tổng tiền cấp quyền hơn 1 tỷ đồng Giấy phép khai thác.

- Thành phố đã ban hành các Quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các nhà máy nước, qua đó góp phần bảo vệ nghiêm ngặt các nguồn nước ngọt; doanh nghiệp và địa phương cùng vào cuộc để bảo vệ nguồn nước.

*\* Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm*

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn thành phố được lồng ghép cùng với việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên môi trường.

Năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 06 doanh nghiệp khai thác tài nguyên nước không có giấy phép.

*\* Công tác quan trắc, giám sát chất lượng nước*

- Thành phố tiếp tục triển khai kế hoạch quan trắc, phân tích chất lượng nguồn các sông chính cung cấp nước ngọt trên địa bàn thành phố gồm sông Rế, sông Giá, sông Đa Độ, sông Chanh Dương, kênh Hòn Ngọc và hệ thống trung thủy nông Tiên Lãng làm cơ sở để theo dõi, đánh giá diễn biến chất lượng nguồn nước trong thời gian tới.

b) Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước biển

*\* Công tác triển khai, hướng dẫn thi hành chính sách pháp luật, xây dựng chương trình, đề án, dự án*

- Trong năm 2025, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành 03 Kế hoạch, 03 Quyết định triển khai quy hoạch và pháp luật về tài nguyên môi trường biển, cụ thể:

+ Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 19/5/2025 thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

+ Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 09/6/2025 thực hiện Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

+ Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 29/5/2025 ứng phó sự cố tràn dầu thành phố Hải Phòng. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phê duyệt tại Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 29/5/2025.

+ Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 công bố danh mục địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng năm 2025.

+ Quyết định số 230/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 về việc ban hành Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố.

+ Quyết định số 5201/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 về việc tạm giao quản lý hành chính khu vực ven biển giữa các xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hải Phòng: Chấn Hưng, Hùng Thắng, Kiến Hải, Đồ Sơn, Dương Kinh, Hải An, Đông Hải và Cát Hải.

- Thành phố đang tiếp tục xây dựng các Đề án: (1) “Xây dựng Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030”; (2) “Rà soát, xác định, chỉnh lý đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, đường ranh giới ngoài vùng biển 3 hải lý, vùng biển 6 hải lý phần đất liền và đường mép bước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của các đảo thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng”.

*\* Về kiểm soát ô nhiễm đối với chất nạo vét luồng và các công trình hàng hải, công trình đường thủy nội địa*

Ủy ban nhân dân thành phố đã công bố 7 địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố tại Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 với tổng trữ lượng chứa 22.788.481m<sup>3</sup>; đồng thời chấp thuận vị trí đổ cho 30 công trình nạo vét với tổng khối lượng chất nạo vét khoảng 7.388.573m<sup>3</sup>. Các công trình này đều thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ Môi trường và quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

Bên cạnh đó, trong năm 2025, Ủy ban nhân dân thành phố đã chấp thuận chủ trương cho Cục Hàng hải Việt Nam nhận chìm chất nạo vét duy tu luồng hàng hải Hải Phòng (đoạn Kênh Hà Nam, Bạch Đằng), Hải Phòng (đoạn Lạch Huyện) năm 2025-2026-2027-2028 với khối lượng chất nạo vét được nhận chìm là 5.300.000m<sup>3</sup>.

*\* Về kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các cảng cá*

Thành phố đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác quản lý môi trường ao nuôi, phòng ngừa dịch bệnh; theo dõi, giám sát, quản lý chất lượng môi trường vùng nuôi, quản lý chất thải...; các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức công tác tuyên truyền thông qua hệ thống loa truyền thông của thôn, xã, phường, cảng cá, bến cá các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường biển, ứng phó biến đổi khí hậu, tuyên truyền các chủ phương tiện tàu cá, các thuyền viên làm việc trên tàu khi khai thác thủy sản, khi cập cảng chấp hành tốt các quy định vệ sinh, không được xả rác, túi nilông, dầu thải, chất bẩn xuống biển, ra khu neo đậu tàu, bến cá, cảng cá giữ gìn môi trường biển xanh, sạch, đẹp.

- Kiểm tra, đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan tại các cảng cá chỉ định; công tác vệ sinh môi trường tại các cảng cá được quan tâm, thực hiện thường xuyên (tổng vệ sinh, thu gom rác thải...); vận hành hoạt động hiệu quả dự án xử lý nước thải có nồng độ BOD cao, do cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ tại cảng cá Ngọc Hải, Phường Đồ Sơn, với lượng nước xử lý 20m<sup>3</sup>/ngày.

- Việc xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực thủy sản được lồng ghép trong công tác thanh tra chuyên ngành thủy sản theo Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Thủ tướng Chính quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản, Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản (thay thế Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ).

### ***3.2. Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất***

- Thành phố hiện có trên 33.096 ha rừng và đất lâm nghiệp, phân bố tại 35 xã, phường. Rừng có vai trò quan trọng trong bảo vệ cảnh quan, môi trường đặc biệt là môi trường đất với tác dụng chống xói mòn, sạt lở và sa mạc hóa, đồng thời cải thiện độ phì nhiêu của đất.

Diện tích rừng của thành phố được quản lý và bảo vệ ổn định, đặc biệt là diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng tự nhiên thông qua việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật lâm nghiệp, chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính như quản lý số liệu kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng trên phần mềm quản lý, giám sát tình hình rừng bằng ảnh viễn thám, các hoạt động kiểm tra hiện trường của Kiểm lâm phụ trách địa bàn cấp xã với thiết bị GPS, điện thoại thông minh.

Trong năm 2025, thành phố tiếp tục tăng cường việc triển khai các kế hoạch, chỉ thị liên quan đến bảo vệ, phát triển rừng như “Kế hoạch triển khai thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trên địa bàn thành phố”, “Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025” và các chỉ thị tăng cường các biện pháp cấp bách về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố, kết quả:

+ Trồng rừng tập trung: Diện tích trồng lại rừng sản xuất sau khai thác là 404,72 ha (đạt gần 100% so với kế hoạch năm).

+ Trồng cây phân tán: Tổng số cây phân tán gồm các loại cây lấy gỗ, cây bóng mát đã trồng khoảng 577.891 cây (đạt tỷ lệ 118% so với kế hoạch năm).

+ Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng: 1.107,56 ha.

+ Diện tích rừng trồng được chăm sóc: 538,43 ha.

+ Phát hiện và không chế 30 điểm cháy rừng, diện tích bị ảnh hưởng là 32,51 ha rừng (Trong đó: Rừng đặc dụng: 1,47 ha, rừng phòng hộ 26,68 ha, rừng sản xuất 4,36 ha), toàn bộ diện tích cháy đều là lớp thực bì tại các khu vực cây rừng bị thiệt hại gây, đổ sau bão số 3 Yagi năm 2024 gây ra.

- Bên cạnh đó, thành phố tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực trồng trọt không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho người nông dân mà còn góp phần giảm thiểu giảm phát thải, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, nước, cụ thể:

+ Tổ chức 61 lớp tập huấn cho 3.600 lượt người hướng dẫn sử dụng thuốc cho nông dân và thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng bằng hình thức lồng ghép các cuộc tập huấn tiên bộ kỹ thuật trồng trọt; quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); cấp và quản lý mã số vùng trồng trong lĩnh vực trồng trọt (theo nguồn kinh phí chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị) giúp nông dân hiểu rõ về xử lý phụ phẩm cây trồng, kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng, phương pháp xúc rửa và thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng góp phần giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường do thuốc bảo vệ thực vật gây ra.

+ Thành phố hiện có trên 15.500 ha rau, quả được sản xuất theo quy trình an toàn. Trong đó có khoảng 1.500 ha rau, cây ăn quả đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

+ 10% lượng phụ phẩm rơm rạ lớn nhất hàng năm được thu gom, sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu làm nấm ăn. Trong số lượng rơm rạ để lại trên đồng ruộng, chỉ có khoảng 15% được sử dụng chế phẩm sinh học (Sumitri, AT-YTB, Trichoderma) để xử lý làm phân bón hữu cơ; 70% được xử lý chủ yếu bằng phương pháp cày, vùi trong đất, phủ gốc cho cây trồng, 5% xử lý bằng phương pháp đốt.

+ Ngày 27/8/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành hướng dẫn số 03/HD-SNNMT về việc Tổ chức thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, tiêu huỷ thuốc bảo vệ thực vật vô chủ và thi thành các biện pháp quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại địa phương. Thành phố hiện có khoảng 13.013 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (khu vực phía Tây: 5.930 bể; khu vực phía Đông: 7.083 bể), bình quân 14,5 ha đất sản xuất nông nghiệp có 01 bể chứa. Năm 2025, ước tính có khoảng 85,15 tấn vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật được phát thải ra ngoài môi trường trên địa bàn thành phố (khu vực phía Tây: 58 tấn; khu vực phía Đông: 27,15 tấn), trong đó khu vực phía Tây có khoảng 10% được tiêu huỷ xử lý theo đúng quy định về chất thải nguy hại, khu vực phía Đông có khoảng 50% được tiêu huỷ xử lý theo đúng quy định về chất thải nguy hại.

### 3.3. Quản lý, cải thiện chất lượng không khí

#### a) Về kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cho thành phố

Thành phố đang xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cho thành phố Hải Phòng sau hợp nhất giai đoạn 2025-2030 và Kế hoạch giảm phát thải cacbon thành phố giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### b) Về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

- Ngày 13/01/2025 Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 tại Quyết định số 117/QĐ-UBND với mục tiêu kiểm soát kiểm soát chất lượng môi trường không khí gồm: đến năm 2030 đảm bảo giảm ít nhất 43,5% so với kịch bản phát triển thông thường; năm 2050 phát thải khí thải nhà kính của thành phố tới mức phát thải ròng bằng “0”; xanh hóa các ngành kinh tế, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

- Ngày 09/6/2025, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 1772/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả của Đề án “kiểm kê khí nhà kính và đề xuất các giải pháp quản lý giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn thành phố”, theo đó: (1) Phạm vi về địa lý: trên địa bàn thành phố Hải Phòng (cũ); (2) phạm vi về thời gian: kiểm kê phát thải khí nhà kính cho năm cơ sở 2020 và dự báo phát thải năm 2030; (3) kết quả kiểm kê khí nhà kính năm 2020 trên địa bàn thành phố Hải Phòng (cũ): tổng lượng phát thải/hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn thành phố năm 2020 ước tính 20.882.410 tấn CO<sub>2</sub> tương đương (CO<sub>2</sub>tđ).

- Căn cứ Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật), Văn bản số 6003/BNNMT-BĐKH ngày 25/8/2025 về việc rà soát, cập nhật thông tin các cơ sở phát thải khí nhà kính và cung cấp số liệu phục vụ phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho năm 2025 - 2026, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì cùng Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, cập nhật thông tin các cơ sở phát thải khí nhà kính và cung cấp số liệu phục vụ phân bổ hạn ngành phát thải khí nhà kính cho năm 2025 - 2026 báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, theo đó: lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg đã được cập nhật, bổ sung thông tin là 162 cơ sở; cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn thành phố Hải Phòng chưa có trong Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg đề xuất bổ sung là 107 cơ sở; các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc đối tượng thí điểm phân bổ hạn ngạch là 11 cơ sở.

- Ngày 15/10/2025, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 188/2025/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về kiểm kê và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong đó quy định nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý nhà nước về kiểm kê và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn thành phố Hải Phòng đồng thời ban hành Quy định trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon và sàn giao dịch tín chỉ carbon.

- Ngoài ra, ngay từ năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố đã có văn bản đề xuất Bộ Công Thương báo cáo Chính phủ dự kiến các dự án phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng đưa vào Quy hoạch Điện VIII, cụ thể: đối với điện rác: Phát triển Nhà máy xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt rác phát điện tại Khu xử lý chất thải rắn Đình Vũ - Khu kinh tế Đình Vũ quận Hải An thành phố Hải Phòng, công suất phát điện 40MW; đối với điện gió ngoài khơi: Phát triển Nhà máy điện gió ngoài khơi khu vực huyện đảo Bạch Long Vĩ thành phố Hải Phòng với qui mô công suất từ 3.300 MW-3.900 MW/ dự án. Ngày 15/4/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 768/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, theo đó: thành phố Hải Phòng được quy hoạch công suất điện rác tăng thêm giai đoạn 2025-2030 là 20MW. Việc phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo góp phần hạn chế sử dụng các nguồn năng lượng hóa thạch đang ngày càng cạn kiệt, góp phần bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính

c) Về quản lý các chất được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôzôn:

- Ngày 09/5/2025, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ôzôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát để triển khai, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có văn bản số 3661/SNNMT-KSBHĐ ngày 30/6/2025 hướng dẫn các đơn vị thực hiện đăng ký công bố hợp quy đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng, xử lý các chất được kiểm soát và chất được kiểm soát sau khi tái chế theo quy định. Từ ngày 01/7/2025, sau khi thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương sáp nhập, thành phố tiếp tục rà soát, cập nhật danh sách các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố sau sáp nhập và triển khai các nhiệm vụ tiếp theo của Kế hoạch.

### ***3.4. Việc thực hiện ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường***

- Hàng năm, thành phố đều thực hiện hướng dẫn, đôn đốc ký quỹ đối với 59 dự án của 49 tổ chức, trong đó phía tây Hải Phòng là 21 dự án của 17 tổ chức và phía đông Hải Phòng là 38 dự án của 32 tổ chức.

- Trong năm 2025, thành phố đã xác nhận ký quỹ cho 39 dự án của 33 tổ chức với tổng số tiền là ký quỹ là 8.553.823.799 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, năm trăm năm mươi ba triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng), trong đó phía tây Hải Phòng là 09 dự án của 09 tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố ký quỹ tại Quỹ với tổng số tiền ký quỹ trong năm 2025 là 2.291.939.396 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm chín mươi một triệu chín trăm ba mươi chín nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng) đạt 43% chỉ tiêu kế hoạch năm và phía đông Hải Phòng là 30 dự án của 24 tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố ký quỹ tại Quỹ với tổng số tiền ký quỹ trong năm 2025 là 6.261.884.403 (Bằng chữ: Sáu tỷ, hai trăm sáu mươi triệu, tám trăm tám bốn nghìn, bốn trăm lẻ ba đồng) đạt 250% chỉ tiêu kế hoạch năm.

- Tổng hợp tình hình ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường từ năm 2014 đến hết năm 2025 tại Quỹ Bảo vệ môi trường (sau khi sáp nhập tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng cũ): đã xác nhận ký quỹ cho 104 dự án khai thác khoáng sản của 70 tổ chức với tổng số tiền ký quỹ là 134.082.160.248 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn tỷ, không trăm mười hai triệu, một trăm sáu mươi ngàn, hai trăm bốn mươi tám đồng), trong đó phía tây Hải Phòng có 54 dự án khai thác khoáng sản của 31 tổ chức, cá nhân thực hiện ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hải Dương với tổng số tiền là 79.328.219.916 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi chín tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, hai trăm mười chín nghìn, chín trăm mười sáu đồng) và phía đông Hải Phòng có 50 dự án khai thác khoáng sản của 39 tổ chức, cá nhân thực hiện ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Hải Phòng với tổng số tiền là 54.753.940.332 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bốn tỷ, bảy trăm năm mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng);

- Tình hình ký quỹ của các tổ chức/cá nhân khai thác khoáng sản tại thành phố Hải Phòng thực hiện ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam: Đến nay có 11 dự án của 8 tổ chức/cá nhân phía Đông Hải Phòng thực hiện ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đã cung cấp thông tin ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Hải Phòng với tổng số tiền là 25.955.362.844 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ, chín trăm năm mươi năm triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi bốn đồng).

### ***3.5. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt***

Cũng như các đô thị lớn ở Việt Nam, mạng lưới đường cống thoát nước trong thành phố chủ yếu chưa được tách riêng, vẫn phục vụ chung cho 2 mục đích

là thoát nước mưa và thoát nước thải. Hệ thống thoát nước nước thải sinh hoạt đa phần chảy theo địa hình tự nhiên, hoặc thoát chung với hệ thống thoát nước mưa, hệ thống còn nhỏ lẻ và thiếu đồng bộ.

Hiện nay tỷ lệ xử lý nước thải đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng (mới) là 32,22% (trong đó phía Đông thành phố đạt khoảng 40,77%, phía Tây thành phố đạt khoảng 19,56%), cụ thể:

a) Đối với khu vực phía Đông thành phố

\* Khu vực đô thị hiện có 22 Trạm bơm nước thải và 04 nhà máy/khu xử lý nước thải, trong đó:

- Phường Lê Chân và phường An Biên có 07 trạm bơm (PS 1, 2, 3 Tây Nam; Chợ Hàng; Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm; Hồ Sen; Trạm bơm cống luồn Lán Bè) và 01 nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Niệm công suất 36.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (thu gom, xử lý nước thải của các phường Lê Chân, An Biên, Ngô Quyền, Gia Viên và một phần quận Hải An cũ).

- Phường Ngô Quyền và phường Gia Viên có 12 trạm bơm nước thải (Đồng Quốc Bình; Lê Hồng Phong 1, 2; PS1, 2, 3, 4 Đông Bắc; Trạm bơm hồ Tiên Nga; Trạm bơm An Biên; An Đà; Kiều Sơn; Lạch Tray).

- Phường Hồng Bàng có 01 nhà máy xử lý nước thải Him Lam công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm (thu gom, xử lý nước thải cho khu đô thị Him Lam, phường Hồng Bàng).

- Phường Phù Liễn có 01 nhà máy xử lý nước thải Tràng Minh công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm (thu gom, xử lý nước thải của làng nghề Tràng Minh và một số khu vực lân cận).

\* Khu vực các xã và đặc khu có 04 khu xử lý nước thải, trong đó:

- Xã Tiên Lãng có 01 khu xử lý nước thải công suất 600m<sup>3</sup>/ngày đêm đặt tại thị trấn Tiên Lãng.

- Đặc khu Cát Hải có 03 khu xử lý nước thải: Trạm xử lý nước thải Tùng Dinh số 1 có công suất 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Trạm xử lý nước thải Tùng Dinh số 2 có công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Trạm xử lý nước thải Tổ dân phố 7,8,9,10 có công suất 800m<sup>3</sup>/ngày đêm, quy mô diện tích 0,85ha, vị trí tại đảo Cát Bà.

\* Ngoài ra, hiện Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng đang triển khai xây dựng nhà máy xử lý nước thải Bắc sông Cấm với công suất 21.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm tại khu đô thị mới Bắc sông Cấm, dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2026.

b) Đối với khu vực phía Tây thành phố

\* Tổng số trạm bơm nước thải đô thị là 10 trạm bơm nước thải và 06 trạm xử lý nước thải tập trung, trong đó:

- Phường Lê Thanh Nghị có 03 trạm bơm (PS1, PS5, Mạc Đĩnh Chi) và 01 trạm xử lý nước thải Hà Hải (công suất 700m<sup>3</sup>/ngày đêm).

- Phường Thành Đông có 01 trạm bơm PS2.

- Phường Hải Dương có 06 trạm bơm (PS3A, PS4, PS6, Trần Hưng Đạo, KDC Ngọc Châu) và 01 nhà máy xử lý nước thải Ngọc Châu (công suất 13.300 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

- Phường Tân Hưng có 01 trạm xử lý nước thải trong khu đô thị EcoRivers (công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

- Phường Thạch Khê có 01 trạm xử lý nước thải trong khu dân cư (công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

- Phường Bắc An Phụ có 01 trạm xử lý nước thải trong KĐT sinh thái Thành Công (công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

- Phường Nhị Chiểu có 01 trạm xử lý nước thải trong khu dân cư (công suất 760 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

\* Khu vực các xã có 03 trạm xử lý nước thải tập trung, trong đó:

- Xã Nam Sách có 01 trạm xử lý nước thải trong khu dân cư (công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

- Xã Trần Phú có 01 trạm xử lý nước thải trong khu dân cư (công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

- Xã Thanh Miện có 01 trạm xử lý nước thải trong khu dân cư (công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

Hiện nay Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tây Hải Phòng đang khẩn trương hoàn thành dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực thành phố Hải Dương dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2026. Trong đó có hệ thống thu gom, xử lý nước thải với công suất 12.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Để nâng cao năng lực thu gom, xử lý nước thải, cũng như thực hiện mục tiêu tỷ lệ xử lý nước thải dự kiến đến năm 2030 là 40%, từ nay đến năm 2030, thành phố tiếp tục triển khai các dự án Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu vực trung tâm thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn, huyện Gia Lộc, huyện Cẩm Giàng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (nay là phường Chí Linh, phường Kinh Môn, xã Gia Lộc, xã Cẩm Giàng, xã Nam Sách) Mục tiêu dự kiến đến năm 2030 đạt 40%.

*(Chi tiết tại Bảng 1 Phụ lục I. Các nguồn ô nhiễm )*

#### **4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

##### ***4.1. Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường***

- Về quản lý nguồn thải lớn, nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố:

+ Ngày 12/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Kế hoạch số 57/KH-SNNMT về việc giám sát các nguồn thải lớn, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường năm 2025 trên địa bàn thành phố.

+ Ngày 06/5/2025, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 1419/QĐ-UBND về việc ủy quyền quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu và quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung ứng dịch vụ công lĩnh vực quan trắc môi trường trên địa bàn thành phố thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành các Quyết định số 1122/QĐ-SNNMT ngày 27/8/2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Trung tâm Quan trắc môi trường sau sắp xếp, Quyết định số 1255/QĐ-SNNMT ngày 30/9/2025 về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước “Quan trắc môi trường các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có các nguồn thải lớn và các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố”, theo đó: Thực hiện lấy mẫu tại 52 cơ sở là các cơ sở (1) có nguồn thải lớn, thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Phụ lục XXVIII, XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, (2) Cơ sở thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, (3) Cơ sở có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Tổng hợp và xử lý số liệu phân tích thông số môi trường nước thải, khí thải tại 52 cơ sở, lập báo cáo kết quả quan trắc và phân tích các thông số môi trường đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) đối với môi trường không khí theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường

Đến nay, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước “Quan trắc môi trường các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có các nguồn thải lớn và các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố” do

Trung tâm Quan trắc môi trường thực hiện hoàn thành trong năm 2025 đảm bảo đúng tiến độ, thời gian và quy định theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Sở Nông nghiệp và Môi trường đang tiến hành nghiệm thu sản phẩm.

- Về xây dựng Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống thông tin báo cáo về môi trường của thành phố Hải Phòng:

Nhiệm vụ “Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống thông tin báo cáo về môi trường của thành phố Hải Phòng” đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết nhiệm vụ tại Quyết định số 4192/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 với thời gian thực hiện dự kiến từ năm 2023 đến năm 2025, kết quả:

- Đến tháng 9/2025, nhiệm vụ đã được hoàn thành với các sản phẩm sau:

+ Xây dựng Hệ thống phần mềm quản lý thông tin môi trường thành phố Hải Phòng gồm: Phần mềm quản lý nghiệp vụ môi trường; Xây dựng Cổng thông tin, dữ liệu Môi trường.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường: đã thu thập, quét, chụp hồ sơ, thông tin dữ liệu môi trường đang quản lý và lưu trữ tại các đơn vị theo danh mục đã được phê duyệt; rà soát, biên tập và cập nhật thông tin dữ liệu vào hệ thống phần mềm theo quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

+ Đào tạo hướng dẫn sử dụng: (1) Đào tạo quản trị, hướng dẫn cài đặt cho đơn vị trực tiếp tiếp nhận, quản trị, quản lý và vận hành Hệ thống; (2) Đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý nghiệp vụ, cổng thông tin cho các đơn vị khai thác, sử dụng Hệ thống; (3) Đào tạo, hướng dẫn sử dụng Hệ thống cho đối tượng người dùng là tổ chức/doanh nghiệp.

- Ngày 08/12/2025, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 227/2025/QĐ-UBND về Quy chế quản lý, vận hành Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng.

- Về ứng phó sự cố chất thải:

+ Ngày 03/10/2025, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 3963/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2030, theo đó: giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các công việc theo quy định.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện trình tự, thủ tục đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện nhiệm vụ theo quy định; ký hợp đồng với Trung tâm

Ứng phó sự cố môi trường Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2030.

- Về ứng phó sự cố tràn dầu: Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 29/5/2025 về ứng phó sự cố tràn dầu thành phố Hải Phòng, Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phê duyệt tại Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 29/5/2025.

- Ngoài ra, để chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong mùa mưa bão, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành các Văn bản số 4146/SNNMT-QLMT ngày 19/7/2025 về ứng phó sự cố môi trường trước diễn biến cơn bão số 3 (WIPHA), số 4217/SNNMT-QLMT ngày 22/7/2025 ứng phó với tình trạng ngập lụt, đảm bảo an toàn trước bão WIPHA và trong mùa mưa bão năm 2025, số 7618/SNNMT-QLMT ngày 8/10/2025 tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường, khắc phục hậu quả sau bão, lũ gửi các sở, ban, ngành, địa phương và các Chủ dự án đầu tư/Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ/Các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn thành phố trên địa bàn thành phố thực hiện.

#### ***4.2. Kết quả thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường***

Trong năm 2025, thành phố không xảy ra sự cố chất thải.

#### ***4.3. Kết quả xử lý các thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn***

Thành phố đã tiếp nhận gần 100 thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường thông qua số điện thoại đường dây nóng. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin, thành phố đã giao Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin đường dây nóng về ô nhiễm môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành tại Quyết định số 174/QĐ-BTNMT ngày 24/01/2022 tiến hành xác minh thông tin, xử lý vụ việc và thực hiện công khai kết quả xử lý trên hệ thống thông tin theo quy định.

### **5. Việc di dời dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường**

- Trên địa bàn thành phố có 03 CCN (Vĩnh Niệm, Quán Trữ, Tây Ngõ Quyền) hình thành trước khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg, theo quy hoạch của thành phố Hải Phòng cũ và tỉnh Hải

Dương, giai đoạn 2025-2030 các CCN này sẽ di dời và được quy hoạch là đất thương mại, dịch vụ, đô thị...

- Theo Phương án phát triển CCN thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên địa bàn thành phố quy hoạch 03 CCN làng nghề gồm: CCN làng nghề Mỹ Đồng, huyện Thủy nguyên, quy mô 55-60 ha; CCN làng nghề Cổ Am, huyện Vĩnh bảo, quy quy mô 20-30 ha và CCN làng nghề nước mắm Cát Hải quy mô 15-20 ha. Việc quy hoạch 03 CCN làng nghề trên phục vụ di dời, mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, phát triển nghề, làng nghề ở địa phương. Tiến độ thực hiện cụ thể:

+ CCN làng nghề Mỹ Đồng (CCN làng nghề cơ khí và đúc Thủy Nguyên) đã được thành lập theo Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố với quy mô khoảng 19,96 ha, chủ đầu tư là Công ty TNHH Trung Hạnh. Hiện nay, CCN đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, chưa triển khai xây dựng hạ tầng CCN. Trong quá trình triển khai, thành phố tiếp tục bám sát, hướng dẫn chủ đầu tư và các doanh nghiệp thứ cấp trong cụm chuyển đổi nhiên liệu đốt và các công nghệ liên quan để đảm bảo các yếu tố về môi trường. Sau khi CCN làng nghề cơ khí và đúc Thủy Nguyên đi vào hoạt động sẽ triển khai di dời các cơ sở sản xuất đúc, cơ khí nằm xen kẽ trong khu dân cư vào CCN.

- CCN làng nghề Cổ Am và CCN làng nghề nước mắm Cát Hải chưa có nhà đầu tư đăng ký thành lập CCN.

## **6. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học**

### **6.1. Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học**

Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên, đa dạng sinh học hiện được tích hợp trong Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18/7/2023.

### **6.2. Phát triển, mở rộng hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và các danh hiệu quốc tế về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**

#### **a) Khu Bảo tồn biển Bạch Long Vĩ:**

- Được thành lập tại Quyết định số 2630/QĐTTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ; hiện nay, Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ đang báo cáo xin chủ trương Ủy ban nhân dân thành phố để lập và triển khai Dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ (diện tích 27.000 ha) theo

Quyết định số 389/QĐ- TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 07/3/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Ủy ban nhân dân huyện Bạch Long Vĩ (nay là Đặc khu Bạch Long Vĩ) đã chỉ đạo Ban quản lý Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng liên quan tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật (Luật Thủy sản 2017, Luật Đa dạng sinh học...); tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, quản lý hiệu quả khu bảo tồn biển theo quy định của Luật Thủy sản 2017 và các quy định pháp luật có liên quan. Trong năm 2025, các đơn vị trên địa bàn đã ngăn chặn các vụ vi phạm về bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xử lý vi phạm hành chính 01 trường hợp về việc tàng trữ thiết bị, kích điện, trái phép để khai thác thủy sản.

b) Khu bảo tồn biển Cát Bà – Long Châu: Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà. Trên cơ sở đề xuất của Vườn Quốc gia Cát Bà về việc thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà Long Châu. Hiện nay, các sở, ngành, đơn vị liên quan tiếp tục hướng dẫn, tham gia ý kiến để Vườn quốc gia Cát Bà hoàn thiện hồ sơ thành lập Khu bảo tồn biển Cát Bà - Long Châu (cấp quốc gia) theo đúng quy định

### **6.3. Tăng cường công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm**

- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày 17/11/2025 về Tổ chức tuyên truyền, đấu tranh, xử lý góp phần ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ các loài động vật hoang dã, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn thành phố, kết quả:

+ Tuần tra, kiểm tra và phát hiện, xử lý 12 vụ vi phạm về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã, chim di cư; xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 133.500.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tang vật, phương tiện vi phạm (tịch thu, lưới, bẫy được tháo dỡ): 11.030 mét lưới, 266 cọc tre, 22 loa, 07âm ly/tăng âm, 04 chiết áp, 11 bẫy/văng bắt chim, 60 chim giả/cò tạc bằng xốp; 01 khẩu súng nén hơi khí trong băng đạn còn 07 viên đạn; 2.317 cá thể chim các loại (tái thả vào tự nhiên 2.044 cá thể, tiêu hủy 273 cá thể) và 5,95 kg cá thể chim đã được chế biến, làm sạch, nhổ lông, chặt bỏ đầu và chân.

+ Tiếp nhận, cứu hộ, chuyển giao 11 cá thể: 01 cá thể Khi đuôi lợn (Nhóm IIB) tại Phường Kiến An, 01 cá thể Khi mặt đỏ, 02 cá thể rùa bàn giao cho Trung tâm Du lịch và Bảo tồn sinh vật Hoàng Liên; 01 cá thể Cu ly nhỏ (Nhóm IB) tại xã Vĩnh Hải, bàn giao về Vườn Quốc gia Cúc Phương; 01 cá thể Diều hoa miền điện (Nhóm IB) tại xã Vĩnh Thuận, thả về tự nhiên; 01 cá thể Rùa sa nhân, 01 cá

thể Khỉ vàng, 01 cá thể Trăn đất tổ chức thả về môi trường tự nhiên tại Vườn Quốc gia Cát Bà; 01 cá thể Rùa Sa Nhân.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với các lực lượng chức năng (Đồn Biên phòng, Cảnh sát biển, Công an thành phố...) tăng cường tăng cường hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện kịp thời, quản lý chặt chẽ các tàu, thuyền khai thác thủy sản trên địa bàn tham mưu xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Từ đầu năm đến nay, các lực lượng chức năng trên địa bàn thành phố đã xử phạt 22 vụ/22 phương tiện đối với hành vi tàng trữ công cụ tích điện để khai thác thủy sản; tổng số tiền xử phạt: 319.500.000 đồng

- Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ đã được đầu tư xây dựng Trạm cứu hộ động vật hoang dã và sản xuất giống hải sản phục vụ tái tạo nguồn lợi thủy sản, tiến hành sinh sản, ương nuôi giống một số đối tượng thuộc diện bảo tồn, bản địa, đặc hữu của địa phương, có nguy cơ tuyệt chủng để thả tái tạo nguồn lợi thủy sản cho Khu bảo tồn (ốc nón, bào ngư, hải sâm...); phối hợp với Viện nghiên cứu Hải sản cùng khảo sát diễn biến sinh thái bãi giống định cư của một số loài hải sản kinh tế, quý hiếm của vùng biển Bạch Long Vĩ.

#### ***6.4. Quản lý nguồn gen và an toàn sinh học.***

- Thống kê sơ bộ thành phố Hải Phòng có 4.088 loài động thực vật rừng, biển và nấm; cụ thể: 1.595 loài thực vật bậc cao trên cạn, 36 loài thực vật rừng ngập mặn, 400 loài và dưới loài thực vật phù du, 102 loài rong biển, 72 loài nấm; 357 loài động vật có xương sống ở trên cạn, 401 loài côn trùng, 196 loài cá biển, 131 loài động vật phù du biển, 658 loài động vật đáy, 96 loài san hô.

- Theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đề án khung bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen, thành phố Hải Phòng có 207 nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, có giá trị hiện đang được lưu giữ, bảo tồn; gồm: 149 nguồn gen thực vật, 01 nguồn gen động vật (Gà Liên Minh), 14 nguồn gen thủy sản, 43 nguồn gen vi sinh, vi tảo và nấm; 149 nguồn gen thực vật (lúa: 86, hoa: 25, cây ăn quả: 02, cây có củ và cây rau: 28, cây dược liệu: 8). Ngoài ra còn có nhiều loài động thực vật rừng, động thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.

- Ngày 07/3/2025. Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 64/KH-UBND về việc thực hiện Quy hoạch khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thành phố Hải Phòng.

- Năm 2025, thành phố đã tổ chức thả 02 đợt giống thủy sản mặn lợ và giống thủy sản nước ngọt ra vùng biển Cát Bà và thủy vực nước ngọt tự nhiên (sông Lục Đầu) với số lượng 109,12 vạn con giống các loại ; trồng phục hồi san

hồ với diện tích 500m<sup>2</sup> trong Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ. Ngoài ra, thành phố đã tuyên truyền trực tiếp tại 60 cơ sở có hoạt động nuôi sinh sản, sinh trưởng động vật hoang dã; tuyên truyền trên các nhóm Zalo của thôn, chi bộ thôn và khu dân cư, trên hệ thống loa phát thanh của xã, phường, trên Facebook; tuyên truyền lưu động bằng xe ô tô 10 ngày tại 54 xã, phường; tuyên truyền quản lý động vật hoang dã và chim di cư bằng băng rôn tại 07 xã, thị trấn trên quần đảo Cát Bà (xã cũ), 03 pano tại bến phà Cái Viêng, Bến Bèo, chợ Cát Bà.

### ***6.5. Phục hồi, phát triển hệ sinh thái tự nhiên.***

Thành phố được đánh giá là địa phương có sự phong phú về hệ sinh thái với 10 loại hệ sinh thái gồm: (1) Hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi; (2) Hệ sinh thái rừng ngập mặn; (3) Hệ sinh thái hang động trên cạn; (4) Hệ sinh thái hang động ngầm; (5) Hệ sinh thái hồ nước mặn (áng); (6) Hệ sinh thái rừng khu vực đảo và quần đảo đá vôi; (7) Hệ sinh thái cỏ biển; (8) Hệ sinh thái vùng triều các đảo và quần đảo đá vôi; (9) Hệ sinh thái san hô quanh các đảo đá vôi; (10) Hệ sinh thái đáy mềm và thủy vực bao quanh các đảo.

## **IV. XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT, GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, GIÁM SÁT, KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG; TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện**

#### **a) Về xây dựng, ban hành văn bản pháp luật**

Trong năm 2025, thành phố đã ban hành 10 văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Về quản lý chất thải rắn: (1) Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng; (2) Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng; (3) Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; (4) Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Về bảo vệ tài nguyên môi trường biển: Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Về biến đổi khí hậu: (1) Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về kiểm kê và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn thành phố Hải Phòng; (2) Quy định việc sử dụng nguồn thu từ giao dịch tín chỉ cacbon cho chương trình, dự án ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Về nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường: Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố và phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách.

- Về thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường: Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường thành phố Hải Phòng.

- Về giải quyết thủ tục hành chính: Phân cấp tổ chức, thực hiện cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Thành phố đang tiếp tục xây dựng, ban hành các văn bản về “Giá tối đa Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng”.

#### b) Về hướng dẫn việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn Chủ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; cụm công nghiệp thực hiện: (1) lập, gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; (2) rà soát, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của các trường hợp phát sinh trước thời điểm ngày 01/01/2026; (3) Kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; (4) kiểm kê phát thải khí nhà kính; (5) tăng cường công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố; (6) hướng dẫn các chủ dự án thực hiện công tác bảo vệ môi trường ngay từ bước thẩm định chủ trương đầu tư, chứng nhận đầu tư thông qua văn bản tham gia ý kiến gửi Sở Tài chính, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật thông qua văn bản tham gia ý kiến gửi Sở Xây dựng...

- Đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học: Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành các văn bản đề nghị các sở, ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và quản lý, bảo vệ động vật hoang dã; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ chim hoang dã, chim di cư trên địa bàn thành phố; triển khai thực hiện Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày 17/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về Tổ chức tuyên truyền, đấu tranh, xử lý góp phần ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ các loài động vật hoang dã, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn thành phố; đẩy mạnh thực thi pháp luật, tuyên truyền, phổ biến công tác bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các loài hoang dã trên địa bàn thành phố...).

c) Công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy hoạch về môi trường của quốc gia trên địa bàn

Trong năm 2025, thành phố đã ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện các quy hoạch về môi trường của quốc gia trên địa bàn, cụ thể:

- Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 19/5/2025 thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 09/6/2025 thực hiện Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

d) Đánh giá chung công tác xây dựng và thực thi văn bản pháp luật, tồn tại, nguyên nhân khách quan/chủ quan trong thực thi pháp luật

Việc xây dựng, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn thành phố đảm bảo tuân thủ trình tự, thủ tục ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) và các văn bản hướng dẫn thi hành; trong đó, tuân thủ đầy đủ quy trình tổ chức lấy ý kiến tham gia, đăng dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của thành phố (chuyên mục Lấy ý kiến dự thảo văn bản QPPL), gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố để thực hiện phản biện xã hội để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời đảm bảo được tính khả thi, phù hợp với yêu cầu quản lý và tình hình thực tế của địa phương.

## **2. Giải quyết thủ tục hành chính**

### ***2.1. Số lượng thủ tục hành chính đã giải quyết trong năm 2025 theo từng loại thủ tục***

- Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt 35 hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp 169 Giấy phép môi trường.

- Thực hiện Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Quyết định số 186/2025/QĐ-CTUBND ngày 10/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; năm 2025 (thời gian tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày

31/12/2025), Ban Quản lý đã tiếp nhận 113 hồ sơ môi trường, trong đó đã giải quyết 73 hồ sơ và 40 hồ sơ đang trong quá trình giải quyết.

*(Chi tiết tại Phụ lục V. Hồ sơ môi trường đã phê duyệt/cấp trong năm)*

## **2.2. Đánh giá những tồn tại, nguyên nhân khách quan/chủ quan trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)**

- Phải duy trì tiếp nhận, giải quyết TTHC tại cả 02 hệ thống dịch vụ công thành phố và hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành nông nghiệp và môi trường. Hiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành nông nghiệp và môi trường chưa tiếp nhận được các TTHC về: thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Các TTHC có thể tiếp nhận trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành nông nghiệp và môi trường (như: thẩm định đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường), quy trình chưa hoàn thiện, không có bước đẩy hồ sơ lên Ủy ban nhân dân thành phố (đã chuyển thông tin này này tới Văn phòng Sở để tổng hợp).

- Về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: chưa quy định về thời gian tham vấn đánh giá tác động môi trường qua đăng tải điện tử (Khoản 8 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ) đối với dự án nhóm II nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

- Về TTHC khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: Ngày 31/12/2025, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 4510/QĐ-BTC công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, theo đó: bãi bỏ TTHC kê khai, thẩm định tờ khai phí BVMT đối với nước thải (mã số 1.008603). Theo quy định tại Điều 2 Quyết định nêu trên, “riêng thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí BVMT đối với nước thải có hiệu lực đến hết kỳ nộp phí theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ”, được hiểu là vẫn phải tiếp nhận TTHC này để thu hết phí BVMT nước thải năm 2025 (phí quý 4 của năm 2025 sẽ được thu chậm nhất là ngày 20 của tháng 01/2026). Tuy nhiên, từ ngày 10/01/2026, cổng dịch vụ công quốc gia đã ngừng tiếp nhận đối với TTHC này. Để đảm bảo thời hạn thu phí theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành văn bản hướng dẫn doanh nghiệp nộp tờ khai phí quý 4/2025 vào Sở Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết.

- Về TTHC khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải: Ngày 31/12/2025, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 4510/QĐ-BTC công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, theo đó: (1) bổ sung thêm đơn vị thu phí là: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng nhưng lại không quy định rõ Cơ quan chuyên môn thu phí của các đối tượng nào; Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thu phí của các đối tượng nào, (2) quy định “Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định khác với số phí

người nộp phí đã kê khai, nộp thì tổ chức thu phí ban hành Thông báo thu phí” là không phù hợp với quy trình giải quyết TTHC, vì không có kết quả (là Thông báo) để kết thúc đối với các hồ sơ kê khai đúng.

### **3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường**

a) Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, xử lý hình sự

- Ngày 14/02/2025, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 405/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2025 đối với 76 cơ sở trên địa bàn thành phố trong đó tập trung vào các đối tượng thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, các cơ sở có nguồn thải lớn. Ngày 23/6/2025, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh kế hoạch kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, theo đó: điều chỉnh giảm từ 76 cơ sở còn 52 cơ sở để tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp chịu tác động của chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ, bảo đảm cho các doanh nghiệp sản xuất có liên quan đến xuất khẩu vào Hoa Kỳ tập trung cao nhất sản xuất kinh doanh, sớm hoàn thành đơn hàng, hợp đồng ngay trong thời gian 90 ngày chờ kết quả đàm phán giữa 02 chính phủ.

Đến nay, đã kiểm tra 36/52 cơ sở (các cơ sở còn lại không kiểm tra do đã dừng hoạt động hoặc các lý do khác), ban hành 14 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với 14 tổ chức với tổng số tiền phạt 3.731 triệu đồng, 14/14 tổ chức đã chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Thành phố đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp cùng Công an thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, UBND các xã, phường, đặc khu rà soát, đề xuất danh sách kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2026 với các tiêu chí: (1) các cơ sở, doanh nghiệp được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, được cấp Giấy phép môi trường cấp tỉnh, (2) đã từng bị xử phạt vi phạm về môi trường về kết quả quan trắc môi trường không đạt quy chuẩn. Các tổ chức mới đi vào hoạt động hoặc mở rộng sản xuất có tác động môi trường lớn (về khí thải, nước thải, chất thải), (3) các tổ chức có nguồn thải lớn và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (khí thải, nước thải, chất thải) và (4) theo đề nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại các Kết luận.

- Thanh tra thành phố đã thực hiện 07 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 12 tổ chức trên địa bàn thành phố, kết quả: ban hành 07 Kết luận; kiến nghị thu hồi số tiền: 2.303.063.400 đồng đối

với 02 tổ chức; kiến nghị Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa xử phạt vi phạm hành chính tổng số tiền: 455.000.000 đồng.

Thông qua các cuộc thanh tra, kiểm tra, Thanh tra thành phố đã chỉ ra một số những tồn tại chủ yếu trong việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức như: chưa áp dụng tỷ lệ quy đổi số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai để tính phí bảo vệ môi trường; hoạt động mà không có giấy phép môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường/cam kết bảo vệ môi trường; không lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm...

- Công an thành phố đã rà soát hàng nghìn cơ sở, phân loại mức độ nguy cơ ô nhiễm môi trường; xác định 178 cơ sở có dấu hiệu gây ô nhiễm, 23 khu vực địa điểm, khu vực tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; 11 đơn vị xử lý chất thải có nguy cơ gây ô nhiễm và 40 đơn vị tư vấn quan trắc môi trường có liên quan; phát hiện 467 vụ do 467 đối tượng thực hiện vi phạm về môi trường, trong đó khởi tố 13 vụ do 11 bị can (gồm: 09 vụ do 09 bị can về Tội gây ô nhiễm môi trường theo Điều 235 Bộ luật hình sự; 04 vụ do 02 bị can về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm; vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên); xử phạt hành chính 454 vụ do 454 đối tượng thực hiện, với tổng số tiền xử phạt hành chính: 9.321.000.000 đồng (Chín tỷ, ba trăm hai mươi một triệu đồng); tiếp nhận và giải quyết 35 tin phản ánh, kiến nghị của người dân trên các thông tin điện tử, đường dây nóng liên quan đến vi phạm về kinh tế, môi trường, an toàn thực phẩm.

- Ngoài ra, các địa phương đã phối hợp lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra, xử lý tình trạng tái đổ trộm và đốt chất thải trên địa bàn, đặc biệt tại các địa bàn giáp ranh, khu vực ít dân cư sinh sống. Thành phố đã cử đại diện của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, các xã, phường, đặc khu tham gia các Đoàn thanh tra/kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trên địa bàn thành phố.

- Trong năm 2025, Kho bạc Nhà nước khu vực III đã thu 14.684 triệu đồng tiền nộp phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, tăng 964 triệu đồng so với năm 2024 (trong đó, khu vực phía Tây nộp về 3.558 triệu đồng, khu vực phía Đông nộp về 10.162 triệu đồng).

*(Chi tiết tại Phụ lục VI. Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong năm)*

c) Về giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường

Trong năm 2025, Thanh tra thành phố không nhận được đơn thư, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực môi trường.

## **4. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường:**

### ***4.1. Tuyên truyền trên báo chí***

Trong năm 2025, các cơ quan báo chí thành phố, các văn phòng đại diện và phóng viên thường trú trên địa bàn đã tích cực thông tin tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường với hơn 400 tin, bài, ảnh, phóng sự liên quan. Nội dung tuyên truyền về Luật Bảo vệ môi trường, các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách bảo vệ môi trường, công tác bảo vệ môi trường của các cấp các ngành trên địa bàn thành phố; tăng cường nội dung tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, công tác bảo vệ môi trường ở khu vực nông thôn, bảo vệ môi trường tác các làng nghề, công tác bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu, công tác tập trung kiểm soát bụi trong quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải tại các công trường xây dựng; tăng cường kiểm soát khí thải phát sinh từ các khu vực xử lý chất thải rắn nông thôn, làng nghề, cụm công nghiệp...; xử lý, kiểm soát và giám sát khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông, đặc biệt là tại các đô thị lớn... Đăng tải thông tin công khai về các cơ sở xả thải gây ô nhiễm môi trường và mức xử phạt của từng cơ sở trên địa bàn thành phố. Các cơ quan báo chí đã nghiêm túc thực hiện, đặc biệt tập trung cao tuyên truyền đối với các sự kiện Ngày Đại dương thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày lễ về môi trường trong năm, Ngày đất ngập nước, Ngày nước Thế giới, Giờ Trái đất, Tuần Lễ nước sạch và vệ sinh môi trường (22/4-6/5), Ngày Đa dạng sinh học 22/5, Ngày Môi trường thế giới 5/6, Ngày Đại dương thế giới 8/6, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam...

### ***4.2. Tuyên truyền trên mạng Internet***

Thành phố thực hiện tuyên truyền về công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm trên Cổng tin tức thành phố, Fanpage Facebook chính thức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng thời thường xuyên theo dõi và xử lý các thông tin trên mạng Internet đăng tải những nội dung liên quan các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại địa bàn qua các trang thông tin điện tử, diễn đàn, mạng xã hội Youtube, mạng xã hội Facebook. Cổng Thông tin điện tử thành phố kịp thời cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và thành phố về bảo vệ môi trường, tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường tại các địa phương trên địa bàn thành phố qua các chuyên mục: “Thu gom-Tái chế - Xử lý chất thải”, “Ứng phó với biến đổi khí hậu”, “Dự án thoát nước mưa nước thải và quản lý chất rắn Hải Phòng”... Tiêu biểu như: “Tập huấn về phân loại rác thải sinh hoạt”, “Điều chuyển, bổ sung chức năng, nhiệm vụ quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố”, “Tổ chức các hoạt động tại Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam hưởng ứng Ngày Đại dương Thế giới”... Các cơ quan báo chí trên địa bàn thành phố bên

ạnh việc tuyên truyền trên báo giấy, báo hình đều đặn tin bài tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường trên báo điện tử và các trang thông tin điện tử.

#### ***4.3. Tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở***

Hệ thống truyền thanh xã, phường, đặc khu, thường xuyên phổ biến các chủ trương, chính sách như Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật, các Nghị quyết, Chỉ thị của Chính phủ, của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố về công tác bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên tại địa phương.... Các Đài tuyên truyền trung bình 2 lượt/tuần về các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới..., đặc biệt là tuyên truyền về tác hại của ô nhiễm không khí đối với kinh tế - xã hội, môi trường và sức khỏe cộng đồng; định hướng các biện pháp giảm thiểu phát sinh khí thải độc hại trong đời sống hàng ngày; vận động người dân cùng chung tay cải thiện chất lượng không khí ở mọi nơi, mọi chỗ; Phát hiện, biểu dương và khen thưởng những tổ chức, cá nhân, cộng đồng và doanh nghiệp tại địa phương có những đóng góp hiệu quả, thiết thực trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phát huy vai trò của mọi tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia công tác bảo vệ môi trường.

#### ***4.4. Tuyên truyền thông qua các hoạt động khác***

- Thành phố đã tổ chức các Hội nghị tập huấn, tuyên truyền và tổ chức các lễ phát động, mít ting về bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Các Hội nghị: (1) Hội nghị tuyên truyền, tập huấn, phổ biến chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng với 200 đại biểu tham dự; (2) Hội nghị hướng dẫn lập phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng với 250 đại biểu tham dự; (3) Hội nghị triển khai các quy định về kiểm kê, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và hướng dẫn lập báo cáo kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn thành phố Hải Phòng với 300 đại biểu tham dự; (4) Toạ đàm trao đổi kinh nghiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp đối với các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan với 150 đại biểu tham dự; (5) Hội nghị tập huấn và phổ biến Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với sự tham gia của 250 đại biểu...

- Các Lễ phát động, mít ting: (1) Lễ phát động "Hưởng ứng Ngày môi trường thế giới, Tháng hành động vì môi trường năm 2025" với 250 đại biểu tham dự; (2) Lễ ra quân hưởng ứng chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn năm 2025, hướng tới một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp được tổ chức tại phường Thủy Nguyên với 500 đại biểu tham dự; (3) Lễ phát động hưởng ứng chiến dịch làm

cho thế giới sạch hơn và thành lập mô hình “Nông dân tham gia bảo vệ môi trường” tại phường Đồ Sơn vào ngày 13/5/2025; (4) Mít tinh "Hưởng ứng Ngày môi trường thế giới, Tháng hành động vì môi trường năm 2025" tại khu vực quảng trường trung tâm thị trấn Cát Bà với sự tham gia của 800 người vào ngày 15/6/2025; (5) Mít tinh ra quân, phát động phong trào toàn dân bảo vệ môi trường, tổ chức khơi thông cống rãnh, dọn vệ sinh tại Khu vực Công viên 53 Lạch Tray và Cụm công viên hồ An Biên – tượng đài Liệt sỹ thành phố - tượng đài Nguyễn Đức Cảnh – hồ Quần Ngựa với sự tham gia của 600 đại biểu...

- Công an thành phố Hải Phòng đã tổ chức 01 buổi Hội ý nghiệp vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, buôn lậu, môi trường, ATTP cho 114 Công an phường, xã, đặc khu trên địa bàn thành phố; 02 Hội nghị tuyên truyền pháp luật bảo vệ môi trường cho 100 doanh nghiệp hoạt động tại làng nghề Mỹ Đồng, đóng tàu, sửa chữa các phương tiện thủy trên địa bàn phường Lê Ích Mộc và 300 doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn phường Nam Đồ Sơn.

## **V. HỆ THỐNG QUAN TRẮC VÀ CẢNH BÁO MÔI TRƯỜNG**

### **1. Đối với khu vực phía Đông thành phố**

Từ ngày 08/01/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện nhận bàn giao nghiệp tài sản Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm điều khiển tích hợp dữ liệu quan trắc môi trường và lắp đặt các trạm quan trắc môi trường tự động giai đoạn 1 từ Ban quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu kinh tế, khu công nghiệp.

Từ sau khi tiếp nhận Dự án đến nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên thực hiện vệ sinh thiết bị, khắc phục sự cố thiết bị, sự cố do mất điện, sự cố đường truyền; soạn thảo Quy trình quản lý, vận hành các trạm quan trắc môi trường chất lượng không khí và nước mặt tự động, liên tục (SOP), nhằm thống nhất công tác quản lý, vận hành, bảo trì, kiểm soát chất lượng dữ liệu; rà soát 15 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục tại phía Đông thành phố Hải Phòng (gồm 09 trạm nước mặt và 06 trạm không khí xung quanh), kết quả đã được tổng hợp chi tiết và gửi tới Công ty Cổ phần Kỹ thuật Môi trường Việt An... Ngày 30/12/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản tới Liên danh nhà thầu Việt An – Trần Nguyễn về việc bảo hành, bảo trì thiết bị hệ thống các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục tại khu vực phía Đông thành phố Hải Phòng, trong đó đề nghị Liên danh nhà thầu Việt An - Trần Nguyễn tiếp tục rà soát lại tổng thể 15 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục (gồm 09 trạm quan trắc nước mặt và 06 trạm quan trắc không khí và Trung tâm điều khiển tích hợp dữ liệu) để thực hiện trách nhiệm bảo hành, bảo trì công trình, thiết bị theo đúng Hợp đồng số 45/2023/HĐ-BQLDA-DA ký kết ngày 26/4/2023, hoàn thành xong trước ngày 08/01/2026. Trong trường hợp đến ngày 08/01/2026 mà Liên danh nhà thầu

Việt An - Trần Nguyễn chưa thực hiện hết trách nhiệm bảo trì, bảo hành thì tiếp tục phải thực hiện trách nhiệm này cho đến khi hoàn thành đầy đủ các nội dung bảo trì, bảo hành theo Hợp đồng đã ký kết và các nội dung khác phát sinh (quá liên hạn sử dụng, lỗi, hỏng thiết bị...) trong quá trình thực hiện trách nhiệm bảo trì, bảo hành.

## **2. Đối với khu vực phía Tây thành phố**

Đề án “Nâng cao năng lực quan trắc môi trường tỉnh Hải Dương giai đoạn 2018–2020, định hướng đến năm 2025” được thực hiện trong giai đoạn 2019–2025. Đến nay, Trung tâm điều hành và quản lý cơ sở dữ liệu cùng hệ thống máy chủ, đường truyền và 20 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục, bao gồm (10 trạm quan trắc nước mặt và 10 trạm quan trắc không khí xung quanh) đã được đưa vào vận hành. Các trạm được xây dựng và lắp đặt tại các sông chính, khu vực đầu nguồn, khu đô thị và khu công nghiệp trọng điểm nhằm theo dõi, giám sát kịp thời diễn biến chất lượng môi trường. Dữ liệu quan trắc được truyền tự động, liên tục về Trạm trung tâm và kết nối chia sẻ với Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Đối với Trạm trung tâm: đã tổ chức tiếp nhận, quản lý, lưu trữ dữ liệu quan trắc môi trường truyền về từ các trạm quan trắc nước mặt, không khí xung quanh của thành phố và các trạm quan trắc nước thải, khí thải của doanh nghiệp. Dữ liệu được truyền tự động, liên tục với tần suất 5 phút/lần, được theo dõi thường xuyên thông qua phần mềm Envisoft.

Đối với các trạm quan trắc môi trường nước mặt và không khí xung quanh, công tác quản lý, vận hành tập trung vào đảm bảo an ninh, duy trì hoạt động ổn định và độ chính xác của thiết bị. Các trạm được thực hiện việc bảo dưỡng, vệ sinh và kiểm tra định kỳ (15 ngày/ lần), trong đó tăng tần suất bảo trì đối với các trạm nước mặt được lắp đặt ở nơi có nguồn nước sông có nhiều phù sa, cặn bẩn.

Trong thời gian bảo hành, bảo trì, các nhà thầu đã cử cán bộ kỹ thuật phối hợp với Trung tâm quan trắc môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện bảo dưỡng, bảo trì định kỳ các trạm quan trắc. Nhà thầu đã cung cấp vật tư, hóa chất vận hành và khắc phục các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động. Đến thời gian kết thúc bảo hành theo quy định tại Hợp đồng, các Nhà thầu chưa hoàn thành trách nhiệm thực hiện rà soát lần cuối để sửa chữa, thay thế một số linh kiện, thiết bị đảm bảo kết quả đo được chính xác, phục vụ công tác bàn giao sau bảo hành. Thời gian kéo dài dẫn đến nhiều linh kiện, máy móc bị hỏng, lỗi. Do đó, ngày 25/11/2025, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 4791/QĐ-UBND về việc Phê duyệt đề cương nhiệm vụ sửa chữa, thay thế linh kiện, thiết bị các trạm quan trắc tự động, liên tục khu vực phía Tây thành phố với mục tiêu đưa 20 trạm đi vào hoạt động ổn định trong năm 2026.

Hiện nay, các trạm quan trắc môi trường nước mặt và không khí vẫn được Trung tâm Quan trắc môi trường thực hiện bảo dưỡng nhằm duy trì hoạt động của các trạm thông qua các hoạt động: vệ sinh máy móc, thiết bị, sửa chữa, thay thế một số thiết bị, linh kiện đơn giản.

## **VI. ĐIỀU KIỆN VÀ NGUỒN LỰC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **1 Nguồn nhân lực**

#### **a) Cấp thành phố:**

- Theo Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tạm giao biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị và Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc thành phố Hải Phòng năm 2025 sau hợp nhất thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương: cơ quan Sở Nông nghiệp và Môi trường được giao 171 biên chế (trong đó có 170 công chức và 01 phục vụ). Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng là cơ quan có chức năng, nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, khu kinh tế được giao 73 biên chế).

- Theo Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: Chuyên viên về môi trường yêu cầu về trình độ chuyên môn: Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Tài chính - Ngân hàng; Luật và một số chuyên ngành khác phù hợp.

- Theo Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: Chuyên viên về môi trường yêu cầu về trình độ chuyên môn: Trình độ Đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật môi trường và một số chuyên ngành khác phù hợp.

Đến nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường có 29 công chức đang công tác tại Phòng Quản lý môi trường gồm 01 Trưởng phòng, 05 Phó Trưởng phòng và 23 Chuyên viên đều có trình độ Đại học trở lên. Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng có 10 công chức đang công tác tại Phòng Tài nguyên và Môi trường gồm 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 07 Chuyên viên có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực môi trường, đảm bảo về điều kiện và

năng lực để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường trong KCN, KKT.

b) Tại cấp xã

- Về yêu cầu trình độ chuyên môn vị trí việc làm bảo vệ môi trường: Sau khi các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức. Căn cứ các quy định có liên quan, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND thành phố có Công văn số 1990/UBND-NVKTGS định hướng tạm thời vị trí việc làm các cơ quan HĐND, UBND xã, phường, đặc khu khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, trong đó có vị trí việc làm “Quản lý về môi trường; tài nguyên nước, khoáng sản; biển và hải đảo (đối với ĐVHC có biển, đảo)” thuộc phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu) hoặc Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị (đối với phường), gồm nhiệm vụ bảo vệ môi trường; yêu cầu về trình độ chuyên môn: “Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên một trong các nhóm ngành, ngành sau: Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học trái đất; Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa; Xây dựng; Luật; và một số chuyên ngành/ngành khác phù hợp”.

- Về đội ngũ nhân sự: Biên chế công chức làm quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường được bố trí ở vị trí việc làm Quản lý về môi trường; tài nguyên nước, khoáng sản; biển và hải đảo (đối với ĐVHC có biển, đảo). Giai đoạn đầu sau sắp xếp có tổng số 659 công chức có trình độ về tài nguyên môi trường và địa chính ở 112 xã, phường đặc khu, trong đó có 112 người được bố trí nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường; tính đến tháng 01/2026, có tổng số 155 công chức làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đảm bảo ít nhất 01 người/01 xã, phường, đặc khu được phân công làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (được bố trí chuyên trách hoặc kiêm nhiệm).

Đội ngũ công chức được bố trí làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trình độ Đại học trở lên các ngành: Quản lý đất đai, Địa chính, Trắc địa bản đồ, Quản lý môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Luật,... cơ bản phù hợp với vị trí việc làm theo định hướng của UBND thành phố và yêu cầu thực tiễn của địa phương.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về vị trí việc làm công chức, Ủy ban nhân dân thành phố đã giao Sở Nội vụ đang tham mưu triển khai thực hiện tới các cơ quan, địa phương, đơn vị xây dựng vị trí việc làm theo quy định.

c) Đối với lực lượng Công an thành phố

Công an thành phố làm công tác môi trường hiện có 378 cán bộ chiến sĩ, chủ yếu là trình độ Đại học.

## **2. Nguồn lực tài chính**

Thành phố đã bố trí cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố năm 2025: 1.762,6 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ: 57,2 tỷ đồng để thực hiện một số Dự án liên quan đến phòng chống biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường nước, cấp thoát nước, kè biển, sông.

- Ngân sách địa phương: 1.705,4 đồng (Nguồn vốn sự nghiệp: 705,2 tỷ đồng; Nguồn vốn đầu tư phát triển: 1.000,2 tỷ đồng để đầu tư một số dự án bảo vệ môi trường).

- Tổng kinh phí sự nghiệp môi trường tính trên tổng chi ngân sách nhà nước trong dự toán ngân sách năm 2025 trên địa bàn thành phố đạt 2,46 %, không thấp hơn 1% theo quy định.

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VỀ MÔI TRƯỜNG**

- Ngày 17/3/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có Văn bản số 126/BNNMT-MT hướng dẫn thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2024 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Ngày 10/6/2025, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 1387/UBND-MT đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định kết quả tự đánh giá các chỉ số thuộc Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2024.

- Ngày 7/5/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hải Dương đã có Văn bản số 1770/SNNMT-QLMT đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định kết quả tự đánh giá các chỉ số thuộc Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2024.

Đến nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa ban hành Quyết định phê duyệt và công bố kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2024 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2025 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Đánh giá chung về chất lượng môi trường trên địa bàn**

- Về chất lượng môi trường không khí

- + Khu vực phía Tây: kết quả quan trắc chất lượng không khí năm 2025 tại

41 điểm quan trắc khu dân cư, 9/9 làng nghề nhìn chung duy trì ở mức tốt trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng nhìn chung ở mức tốt; 20/20 vị trí quan trắc trên các tuyến giao thông, nồng độ các khí NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO và CnHm (Hydrocacbon) đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT, chưa ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm do khí thải giao thông.

+ Khu vực phía Đông: Chất lượng môi trường không khí năm 2025 đã và đang có dấu hiệu ô nhiễm bụi lơ lửng và tiếng ồn bởi ảnh hưởng của các hoạt động tại các làng nghề, hoạt động xử lý chất thải, hoạt động giao thông, hoạt động công nghiệp, hoạt động dân sinh, hoạt động xây dựng, khu vực nông thôn. Tại điểm nền chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

- Về chất lượng môi trường nước:

+ Khu vực phía Tây: Kết quả quan trắc các sông tự nhiên cho thấy hầu hết các điểm quan trắc nước sông tự nhiên thường xuyên có thông số E.Coli., NO<sub>2</sub>—N, thông số Tổng Nito vượt quy chuẩn cho phép; các sông nội đồng vẫn duy trì ô nhiễm ở mức cao tại nhiều tuyến sông và kéo dài qua các đợt quan trắc; các kênh mương thường xuyên ô nhiễm bởi nhóm các chỉ số hữu cơ, vi sinh; các hồ tiếp tục có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép.

+ Khu vực phía Đông: Ô nhiễm môi trường nước có xu hướng gia tăng, hầu hết các sông chính, trên địa bàn thành phố đều có dấu hiệu ô nhiễm bởi các chất dinh dưỡng, hữu cơ, vi sinh đặc biệt là các đoạn sông qua các khu dân cư.

- Về chất lượng môi trường đất: hàm lượng các kim loại nặng biến động không nhiều và đều nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT.

## **2. Đánh giá chung kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **2.1. Kết quả đạt được**

- Đã chủ động thể chế hóa một số chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường một cách cụ thể, đồng bộ, kịp thời gắn phát triển kinh tế xã hội với bảo vệ môi trường theo hướng bền vững.

- Đã bám sát các quy định pháp luật, các Nghị quyết, Chỉ thị của Chính phủ, của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố để hướng dẫn các cơ quan báo chí của thành phố, Cổng thông tin điện tử thành phố, hệ thống thông tin cơ sở, hệ thống bảng tin công cộng tập trung tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt trong Tháng hành động Vì môi trường thành phố góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân trong thành phố về công tác bảo vệ môi trường. Nhân dân ngày càng tham gia sâu hơn vào các vấn đề về xã hội và môi trường như phát hiện, đấu tranh, tố giác các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường, các hành vi hủy hoại môi trường.

- Về quản lý bảo vệ môi trường làng nghề: Các làng nghề trên địa bàn cơ bản đã lập và được phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề, đã thành lập tổ tự quản. Để tăng cường kiểm soát môi trường làng nghề trên địa bàn, ngoài việc chỉ đạo các sở, ngành kiểm tra việc chấp hành các quy định về đầu tư, đất đai, môi trường... đối với các làng nghề, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân thuộc làng nghề hoàn thiện các thủ tục và các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 05/9/2023 về bảo tồn và phát triển làng nghề hành phố Hải Phòng đến năm 2030 bao gồm nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sản xuất và bảo vệ môi trường. Hiện Thành phố đang vận hành 01 hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ vi sinh xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Làng nghề sản xuất bánh đa Kinh Giao, 01 trạm xử lý nước thải cho thôn xử lý cả nước thải phát sinh từ hoạt động của Làng nghề dệt chiếu cói Lật Dương, các Làng nghề còn lại chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sinh hoạt của từng hộ dân được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn

- Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt:

+ Công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của người dân và tốc độ đô thị hóa; đường phố sạch đẹp, chất thải rắn cơ bản được thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường, không để tồn đọng trong khu vực dân cư.

+ Công tác tuyên truyền về phân loại rác thải tại nguồn, đổ rác đúng giờ đúng nơi quy định được tiến hành sâu rộng.

+ Đã giảm khoảng 45% chất thải rắn sinh hoạt, do được vận chuyển, xử lý bằng phương pháp đốt tại 03 nhà máy xử lý bằng phương pháp đốt.

+ Công tác vận chuyển được thực hiện bằng xe ép rác chuyên dụng, bố trí riêng biệt các xe chở rác hỗn hợp, rác hữu cơ, rác công kênh đồng bộ với công tác phân loại tại nguồn. Ứng dụng công nghệ thông tin GPS trực tuyến vào hoạt động giám sát, quản lý xe ô tô vận chuyển rác thải về các bãi chôn lấp tập trung. Việc vận hành các khu xử lý tập trung đáp ứng về bảo vệ môi trường.

+ Sự tham gia của hơn 35 doanh nghiệp, hợp tác xã vào công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã từng bước nâng cao chất lượng công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn tại khu vực nông thôn.

+ Các điểm tập kết cơ bản đã đảm bảo được yêu cầu tập kết chất thải rắn trước khi vận chuyển về các khu xử lý chất thải tập trung. Việc thực hiện đầu tư xây dựng trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt góp phần giải quyết một số khó khăn trong quy trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (giảm thời gian tập kết rác trên đường phố; giảm dần thu gom rác bằng các xe đẩy tay thủ

công, cơ giới hoá công đoạn thu gom rác, hạn chế sử dụng các phương tiện có trọng tải lớn, gây cản trở giao thông trên tuyến phố chính vào giờ cao điểm; thu gom, xử lý hiệu rác thải công kênh; làm giảm tình trạng đổ chất thải không đúng nơi quy định...)

- Về giải quyết thủ tục hành chính (TTHC): Các bước thẩm định, phê duyệt, cấp phép hồ sơ TTHC được thực hiện công khai, minh bạch theo hướng cải cách hành chính, giảm thiểu tối đa thời gian giải quyết TTHC cho doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo chất lượng của công tác thẩm định, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Trong năm 2025, thành phố không có hồ sơ thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền phê duyệt/cấp phép của Ủy ban nhân dân thành phố bị quá hạn, không có phản ánh, kiến nghị từ nhà đầu tư và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, thành phố đã cử đại diện của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tham gia các Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường, các Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm đối với các dự án nằm trên địa bàn thành phố Hải Phòng thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt/cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra được tăng cường đã phát hiện, xử lý nhiều cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo đúng quy định của pháp luật; công tác phối hợp giữa các đơn vị, các ngành chức năng được tăng cường, góp phần ngăn chặn rắn đẻ nhiều hành vi vi phạm.

- Việc triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Thành uỷ và Ủy ban nhân dân thành phố về bảo vệ môi trường được thực hiện ngày càng nghiêm túc, đồng bộ.

- Công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực biến đổi khí hậu đã có một số chuyển biến tích cực, dần đi vào nề nếp; thành phố tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả và tích cực triển khai các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Kinh phí đầu tư cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu từng bước được cải thiện và nâng cao.

## **2.2. Tồn tại, hạn chế**

- Về nhận thức đối với công tác bảo vệ môi trường: các thói quen xấu gây ô nhiễm môi trường, làm mất vệ sinh, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng như: vứt rác, chất thải, xác súc vật bừa bãi ở nơi công cộng, nguồn nước... chưa được khắc phục triệt để. Nhiều chủ doanh nghiệp thậm chí trốn tránh trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo luật định, mặc dù đã bị nhắc nhở, xử phạt nhiều lần. Đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ còn chưa được quan tâm thỏa đáng.

- Về kiểm soát, bảo vệ môi trường khu công nghiệp: việc chuyển đổi mô hình từ KCN truyền thống sang KCN sinh thái còn chậm.

- Về kiểm soát, bảo vệ môi trường làng nghề:

+ Công nghệ, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất của nhiều cơ sở sản xuất tại các làng nghề còn lạc hậu, chưa thân thiện môi trường trong khi việc chuyển đổi công nghệ, dây chuyền sản xuất cũng là bài toán khó giải để có thể hài hòa giữa chi phí sản xuất và bảo vệ môi trường, giữa sinh kế và sức khỏe người dân.

+ Công tác bảo vệ môi trường làng nghề ở nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức. Chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất tại một số làng nghề chưa được thu gom, xử lý theo quy định.

- Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tiến độ đầu tư xây dựng 02 nhà máy xử lý CTRSH, 01 nhà máy xử lý chất thải rắn xây dựng chậm, vẫn đang dừng ở thủ tục đầu tư. Nếu 02 nhà máy đốt rác phát điện không hoàn thành để đưa vào hoạt động trong năm 2027 thì trên địa bàn thành phố phát sinh khoảng 3.360 tấn CTRSH/ngày sẽ không có địa chỉ để xử lý.

+ Một số điểm tập kết chất thải rắn đã được xây dựng từ nhiều năm tại các phường có mật độ dân số cao đang đối mặt với nguy cơ quá tải do lượng chất thải rắn phát sinh lớn, vị trí gần khu dân cư, khu vực công cộng.

+ Tỷ lệ các hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn cao song hiệu quả phân loại chưa triệt để; vẫn còn trình trạng để chất thải rắn sinh hoạt trên vỉa hè, lòng đường trong thời gian dài, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị; rác thải thực phẩm, hữu cơ lẫn nhiều túi ni lông.

+ Hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nhất là khu vực nông thôn không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại. Công tác thu gom chủ yếu bằng thủ công, nhiều đơn vị dịch vụ vẫn đang thu gom rác hỗn hợp và xử lý hỗn hợp, do đó chưa nhận được sự đồng thuận cao của người dân khi thực hiện phân loại rác tại nguồn.

+ Việc thực hiện các thủ tục đấu thầu, ký kết hợp đồng thực hiện các gói thầu cung ứng các dịch vụ công chậm so với thời gian bắt đầu phải thực hiện từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo.

+ Việc đầu tư nâng cấp, cải tạo các bãi rác tạm thành bãi chôn lấp hợp vệ sinh gặp nhiều khó khăn do vị trí các bãi rác trước đây đều nằm ngoài đê; một số bãi đã đầy nhưng không có diện tích để mở rộng bãi thực hiện nâng cấp, cải tạo. Một số xã đã thực hiện điều chỉnh quy hoạch song chưa cập nhật quy hoạch bãi

rác, dần tới phải thực hiện điều chỉnh lại các quy hoạch trong trường hợp đầu tư mở rộng bãi rác để nâng công suất xử lý liên địa bàn.

- Về quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất: Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong việc thu gom, xử lý tàn dư thực vật, phụ phẩm cây trồng còn hạn chế.

- Về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học:

- + Thành phố Hải Phòng có hệ sinh thái rừng ngập mặn, rừng trên đảo, khu bảo tồn biển đặc thù, song hệ thống văn bản pháp luật hiện hành chưa cụ thể hóa chính sách riêng cho loại hình này.

- + Một số khu vực rừng phòng hộ, đất lâm nghiệp phải chờ rà soát, quy hoạch lại, dẫn đến tình trạng sử dụng tạm thời, không rõ trách nhiệm bảo vệ hoặc dễ bị lấn chiếm.

- + Hệ thống phòng cháy chữa cháy rừng và kiểm soát khai thác còn thiếu chủ động.

- + Nhân sự kiểm lâm còn mỏng, phân bổ chưa đều, còn thiếu tại vùng đảo, vùng rừng giáp ranh biển – đô thị; ít có đào tạo chuyên sâu về pháp chế, điều tra, xử lý vi phạm; không được đào tạo chuyên sâu về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- + Ngân sách dành cho phục hồi rừng ngập mặn, quản lý các loài nguy cấp, quý hiếm còn hạn chế, chủ yếu phụ thuộc dự án quốc tế; cơ sở vật chất cho công tác quản lý rừng, đa dạng sinh học như phương tiện tuần tra, thiết bị giám sát, hệ thống cảnh báo sớm còn thiếu và lạc hậu.

- Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

- + Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu nhiều khi vẫn còn bị động, lúng túng; phòng chống, giảm nhẹ thiên tai vẫn chủ yếu tập trung vào ứng phó và khắc phục hậu quả mà chưa chú trọng đúng mức đến công tác phòng ngừa và thích ứng với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, một số chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu còn bất cập, thiếu đồng bộ.

- + Nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu của một số bộ phận cộng đồng dân cư còn chưa cao, nhất là đối với các khu vực nông thôn và khu vực biên giới biển. Nhận thức của các cấp chính quyền và các tổ chức, cá nhân về công tác chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đôi khi chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, chưa thực sự coi trọng phát triển bền vững.

- + Chất lượng công tác dự báo và quy hoạch còn hạn chế, chưa đảm bảo tính

tổng thể, liên ngành, liên vùng; mức độ lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu chủ yếu mới tích hợp nội dung đánh giá tình hình và dự báo các nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu, nhiều quy hoạch chưa có đề xuất cụ thể phương án ứng phó với biến đổi khí hậu. Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vẫn chưa được đầu tư và quan tâm đúng mức nhất là lĩnh vực sử dụng hiệu quả năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ này còn thiếu về nhân lực và kinh nghiệm thực tiễn. Kinh phí cho sự nghiệp môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của thành phố đã được tăng cường nhưng còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

- Về hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường:

+ Bước đầu triển khai vận hành hệ thống trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục còn hạn chế, tính ổn định chưa cao.

+ Số liệu từ các trạm truyền về có thời điểm chưa phản ánh chính xác chất lượng nguồn nước tại một số thời điểm.

+ Cán bộ vận hành chưa nắm bắt đầy đủ quy trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng.

- Về nguồn lực tài chính: hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ môi trường đã được quan tâm đầu tư song chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

### **2.3. Nguyên nhân**

- Về nhận thức đối với công tác bảo vệ môi trường: nhận thức của một số bộ phận cơ quan, đoàn thể và người dân chưa đầy đủ, đúng mức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường cũng như vai trò và giá trị của tăng trưởng xanh, phát triển nền kinh tế xanh như là một phương thức để phát triển bền vững trong xã hội; còn tồn tại khoảng cách lớn giữa nhận thức và hành động, giữa cam kết và thực hiện. Vẫn còn tư tưởng ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế, tập trung thu hút đầu tư, xem nhẹ yêu cầu bảo vệ môi trường, quan điểm không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế chưa được thực hiện triệt để.

- Về kiểm soát, bảo vệ môi trường khu công nghiệp: Việc tiếp cận các nguồn tài chính xanh còn khó khăn đối với các dự án xanh, khu công nghiệp sinh thái.

- Về kiểm soát, bảo vệ môi trường làng nghề: Chưa có quy định cụ thể về chế độ báo cáo đối với các cơ sở hoạt động trong làng nghề. Thành phố chưa có quy định cơ chế, chính sách cụ thể hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn. Chi phí đầu tư ban đầu để chuyển đổi công nghệ, dây chuyền sản xuất khá lớn kéo theo chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm thường cao hơn, sản phẩm khó cạnh tranh trên thị trường (một số cơ sở sản xuất bánh đa ở làng nghề bánh đa Lộ Cương đã đầu tư hàng tỷ đồng để chuyển đổi công nghệ đốt lò hơi, sử dụng nguyên liệu đốt củi, than sang sử dụng điện thân thiện môi trường, nhưng chi phí sản xuất, giá thành đã đội lên khá cao, sản phẩm khó cạnh tranh trên thị trường). Các hộ gia

đình làm nghề đa phần nằm xen kẽ trong các khu dân cư gây khó khăn trong việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung và phòng cháy chữa cháy.

- Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt:

+ Quá trình triển khai xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn có quy mô lớn, tính chất phức tạp, cần thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng; đồng thời quá trình triển khai cần rà soát đầy đủ sự phù hợp các quy hoạch liên quan như xây dựng, đất đai, điện... nên tiến độ thực hiện còn chậm. Pháp luật về đấu thầu đối với lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý CTRSH tại Đình Vũ liên tục có sự thay đổi dẫn đến khó khăn khi tiếp cận các quy định mới và phải rà soát, xây dựng lại hồ sơ mời thầu, ảnh hưởng đến tiến độ Dự án.

+ Việc tái sử dụng mùn hữu cơ để cải tạo đất hiện chưa có hướng dẫn, định hướng cụ thể.

+ Nguồn chi phí để thực hiện các nhiệm vụ về quản lý CTRSH theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 rất lớn (phân loại CTRSH tại nguồn, đầu tư mới/cải tạo điểm tập kết, trạm trung chuyển; cải tạo, nâng cấp bãi rác tạm; đóng cửa các bãi rác tạm...) trong khi ngân sách địa phương có hạn.

- Đối với công tác bảo vệ tài nguyên môi trường biển:

+ Ô nhiễm môi trường biển có nguồn gốc từ nhiều nguồn thải, nhiều hoạt động kinh tế khác nhau, kể cả trong lục địa và ngoài biển, do vậy việc kiểm soát ô nhiễm môi trường biển đòi hỏi phải có nguồn lực lớn. Tuy nhiên các cơ quan quản lý nhà nước chưa được trang bị đầy đủ các phương tiện để tuần tra, kiểm soát; việc đầu tư lắp đặt các trang thiết bị quan trắc, giám sát tự động môi trường biển còn rất hạn chế dẫn tới hiệu quả quản lý và kiểm soát ô nhiễm chưa cao.

+ Ranh giới trên biển giữa thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Hưng Yên chưa được cấp có thẩm quyền phân định rõ ràng nên việc quản lý còn gặp nhiều khó khăn, bất cập tại khu vực giáp ranh.

+ Luật Biển Việt Nam, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật đã được ban hành, tuy nhiên các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo chưa được ban hành thành Nghị định riêng.

- Về quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất:

+ Thiếu các nghiên cứu, hệ thống cơ sở dữ liệu đánh giá trữ lượng, chủng loại phụ phẩm đối với các loại cây trồng diện tích sản xuất lớn nên chưa đánh giá được hết tiềm năng phế phụ phẩm cây trồng trên địa bàn.

+ Chưa có cơ chế chính sách thu hút đầu tư chế biến, sử dụng phế phụ phẩm nông nghiệp vào sản xuất.

- Về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học:

+ Còn có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp, ngành: Một số chức năng quản lý, bảo tồn thiên nhiên hiện do nhiều đơn vị cùng phụ trách như Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch... và chính quyền địa phương... gây khó khăn trong điều phối và thực hiện. Cơ chế phối hợp liên ngành còn thiếu rõ ràng, đặc biệt trong xử lý vi phạm, giao đất, giao rừng, và phòng cháy chữa cháy rừng. Chưa có quy định rõ ràng về trách nhiệm chủ trì, phối hợp giữa các đơn vị như: kiểm lâm, công an môi trường, chính quyền cấp xã, biên phòng... dẫn đến tình trạng né tránh, chồng chéo trong xử lý vi phạm.

+ Thiếu công cụ cảnh báo và phản ứng nhanh trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng, phát hiện phá rừng, buôn bán động vật hoang dã... vẫn phụ thuộc vào báo cáo thủ công hoặc phát hiện tình cờ, thiếu hệ thống cảnh báo sớm. Giám sát đa dạng sinh học chưa được ưu tiên đầu tư như chưa xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông, đầy đủ về các loài đặc hữu, nguy cấp; việc theo dõi biến động quần thể loài chỉ diễn ra trong một số dự án nghiên cứu ngắn hạn.

+ Lực lượng kiểm lâm, cán bộ bảo tồn thiếu về cả số lượng và chuyên môn nhất là tại vùng đảo như Cát Hải, Bạch Long Vĩ, số lượng cán bộ mỏng, còn kiêm nhiệm, thiếu thiết bị chuyên dụng và kỹ năng chuyên sâu về bảo tồn sinh học. Cơ chế hỗ trợ cộng đồng và chủ rừng còn yếu, một số cộng đồng sống gần rừng chưa được hỗ trợ để chuyển đổi sinh kế bền vững, dẫn đến tình trạng phụ thuộc vào khai thác tài nguyên rừng và động vật hoang dã.

+ Nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng còn thấp ở một bộ phận người dân chưa nhận thức đầy đủ về giá trị lâu dài của rừng và đa dạng sinh học, còn tâm lý “rừng là của Nhà nước”, thiếu ý thức tự giác bảo vệ.

- Đối với công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm:

+ Thanh tra theo Kế hoạch hoặc thanh tra đột xuất yêu cầu thông báo trước, thời hạn gửi quyết định thanh tra, thông báo việc công bố quyết định thanh tra, cán bộ thanh tra chỉ được làm việc trong giờ hành chính... dẫn tới việc khi biết trước kế hoạch thanh tra gây khó khăn trong việc kịp thời phát hiện sai phạm về lĩnh vực này vì các hành vi xả thải thường mang tính thời điểm và khó phát hiện nếu không có sự giám sát liên tục và doanh nghiệp thường cố tình đối phó (sử dụng các biện pháp pha loãng nguồn thải hoặc dừng hoạt động; xả trộm, xả lén vào ban đêm, hoạt động ngoài giờ hành chính).

+ Việc tiếp cận các vi phạm xả thải gặp nhiều khó khăn (đường ống xả ngầm dưới đất, dưới lòng sông, ống khói cao, sản xuất tác không đủ điều kiện để quan trắc...).

- Về hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường:

+ Do hệ thống trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục là công nghệ mới, yêu cầu kỹ thuật cao, khi đặt trong môi trường quan trắc thực tế có rất nhiều yếu tố tác động, làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động, kết quả đo của thiết bị và làm gián đoạn hoạt động truyền dữ liệu.

+ Theo quy trình thực hiện, việc bảo trì, bảo dưỡng các trạm quan trắc nước mặt được thực hiện với tần suất 15 ngày/01 trạm. Tuy nhiên, chu kỳ bảo dưỡng này chưa phù hợp với đặc tính của nước sông có nhiều phù sa.

+ Hệ thống quan trắc đang sử dụng phần mềm Envisoft do Trung tâm Quan trắc Môi trường miền Bắc - Tổng Cục môi trường- Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) chuyển giao. Tuy nhiên, phần mềm Envisoft thiếu một số chức năng như: chưa thực hiện cấu hình truyền tải được hình ảnh camera từ các trạm cơ sở về trạm trung tâm, chưa thực hiện vận hành lấy mẫu tự động, chưa có chức năng công bố dữ liệu quan trắc môi trường,... chưa đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật mới theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

+ Chưa có quy trình chuẩn vận hành các thiết bị đo trong các trạm, cán bộ vận hành chưa được đào tạo bài bản.

- Về nguồn lực tài chính: Hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ môi trường đòi hỏi kinh phí đầu tư rất lớn trong khi nguồn lực tài chính còn hạn chế.

## **IX. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục rà soát, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường các cấp. Ưu tiên xã hội hóa, kêu gọi đầu tư, hỗ trợ cho việc phát triển các công nghệ xử lý, tái chế chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội từng khu vực. Xây dựng cơ chế đột phá để huy động các nguồn tài chính từ các thành phần kinh tế trong xã hội nhất là đầu tư theo hình thức đối tác công tư; cơ chế tạo nguồn thu từ môi trường để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức về bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu của mỗi công dân và cả cộng đồng. Đa dạng hóa hình thức, đổi mới nội dung, xác định rõ đối tượng ưu tiên tuyên truyền, giáo dục; Phổ biến kinh nghiệm, xây dựng kỹ năng phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu cho mọi người dân, các doanh nghiệp và cả cộng đồng. Nâng cao ý thức trách nhiệm, vai trò gương mẫu chấp hành của đội ngũ cán bộ, công chức và đặc biệt là lãnh đạo các cấp trong công tác bảo vệ môi trường.

- Tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động thẩm định hồ sơ môi trường với các chiến lược, quy hoạch, đánh giá tác động đối với các dự án đầu tư phát triển, trọng tâm là triển khai đồng bộ, hiệu quả các chế định mới của Luật nhằm sàng lọc dự án đầu tư và chủ động phòng ngừa, kiểm soát, giảm thiểu nguy cơ xảy ra ô nhiễm, đặc biệt các dự án có yếu tố nhạy cảm liên quan đến bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, chuyển đổi đất rừng.

- Tăng cường giám sát, kiểm soát các nguồn thải từ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ thông qua duy trì, tăng cường hiệu quả giám sát; kiểm soát, giám sát chặt chẽ khu vực tập trung nhiều nguồn thải tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông...; kiên quyết không để phát sinh các điểm nóng về môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường.

- Về kiểm soát, bảo vệ môi trường làng nghề: ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các cơ sở thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển trong các làng nghề; đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp làng nghề Mỹ Đồng để di dời các cơ sở sản xuất đúc, cơ khí nằm xen kẽ trong khu dân cư vào cụm công nghiệp; lập Đề án chuyển đổi cơ cấu, nghề nghiệp đối với các hộ thu gom, tái chế phế liệu phường Tràng Minh, quận Kiến An (nay là phường Phù Liễn).

- Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành đầy đủ, đồng bộ các quy định về quản lý chất thải rắn gắn với địa giới hành chính mới. Đề xuất quy hoạch các khu xử lý, điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn trong quá trình lập, Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 205; trong đó: Xây dựng, đưa vào vận hành thêm tối thiểu nhất 01 Khu xử lý chất thải xây dựng tại khu vực phía Tây và 01 trạm trung chuyển CTRSH theo hướng thu hồi vật liệu từ CTRSH. Quy định hình thức và mức chi trả của hộ gia đình, cá nhân cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; định giá tối đa dịch vụ

thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và vệ sinh công cộng theo quy định của pháp luật về giá.

+ Tiếp tục rà soát các bãi rác nhỏ trên địa bàn để đề xuất lộ trình cụ thể đóng cửa, cải tạo/nâng cấp các bãi rác nhỏ thành bãi rác hợp vệ sinh, trong đó có bố trí khu vực để xử lý, tái chế chất thải hữu cơ sau phân loại; rà soát các điểm tập kết rác thải trên địa bàn, đặc biệt tại khu vực đô thị để đề xuất lộ trình cụ thể để đảm bảo năng lực lưu giữ tạm thời riêng CTRSH sau phân loại, chất thải công kênh, chất thải rắn xây dựng từ xây dựng, sửa chữa của hộ gia đình, cá nhân.

+ Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, đưa vào vận hành 02 nhà máy xử lý CTRSH bằng công nghệ hiện đại (Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn công nghệ mới tại khu vực Đình Vũ; Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải Seraphin Hải Dương). Đôn đốc tiến độ xây dựng, đưa vào vận hành Nhà máy xử lý chất thải xây dựng tại phường Hồng An của Công ty Cổ phần Tái chế và Xử lý môi trường Minh Tân là chủ đầu tư.

+ Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, khu đô thị mới đều yêu cầu bố trí các điểm tập kết chất thải rắn phù hợp trong mặt bằng dự án.

+ Triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của 02 đề tài nghiên cứu khoa học: “Đề tài nghiên cứu đề xuất một số mô hình xử lý các bãi rác tạm phải đóng cửa đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng” và “Dự án sản xuất thử nghiệm: hoàn thiện công nghệ xử lý bã thải thạch cao phospho của Nhà máy phân bón DAP - Đình Vũ sản xuất phụ gia xi măng, vật liệu làm nền và móng đường giao thông vật liệu san lấp công trình xây dựng”.

+ Tiếp tục nhân rộng, phát huy hiệu quả mô hình phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại khu vực đô thị như Gia Viên, Ngô Quyền, Hồng Bàng, Hồng An, Lê Chân, An Biên, Hải An, Đông Hải, Kiến An, Phù Liễn, Hải Dương, Lê Thanh Nghị, Việt Hoà, Nam Đồng, Tân Hưng, Thạch Khôi, Tứ Minh, Ái Quốc, Thành Đông.

+ Khuyến khích, nhân rộng mô hình xử lý chất thải thực phẩm, hữu cơ tại các hộ gia đình hoặc tại các điểm tập kết, bãi rác tạm bằng phương pháp ủ phân mùn hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh trên địa bàn khu vực nông thôn (khu vực Vĩnh Bảo, An Lão, Kiến Thụy, Nam Sách, Thanh Hà, Cẩm Giàng, Bình Giang, Tứ Kỳ...). Nhân rộng mô hình của Hội Phụ nữ sử dụng chế phẩm IMO tự làm và nhân bản chế phẩm, mô hình của Hội Nông dân sử dụng chế phẩm trên thị trường.

- Về quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất: tiếp tục tuyên truyền người sản xuất thực hiện đúng quy định, đẩy mạnh công tác chỉ đạo, tuyên truyền Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ

trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong đó có các chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển: quy vùng sản xuất lúa tập trung, sản xuất lúa áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận sản xuất VietGap, Global Gap, hữu cơ; hỗ trợ cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa...

- Về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng và đa dạng sinh học, liên thông giữa các đơn vị quản lý (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an thành phố, Vườn Quốc gia Cát Bà...). Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS, thiết bị bay không người lái (drone), cảm biến môi trường để giám sát biến động rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và theo dõi các loài đặc hữu nguy cấp... kiểm soát chặt chẽ các hành vi xâm lấn rừng và đất lâm nghiệp, săn bắt động vật hoang dã, khai thác trái phép thông qua tuần tra định kỳ và xử phạt nghiêm minh. Ưu tiên đầu tư phục hồi rừng ngập mặn bị suy thoái, rừng phòng hộ ven biển, rừng trên đảo với nguồn lực từ ngân sách, dịch vụ môi trường rừng và hợp tác quốc tế. Giám sát nghiêm ngặt các hoạt động du lịch trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ... Phát triển mô hình sử dụng bền vững tài nguyên rừng – gắn với sinh kế như việc mở rộng mô hình du lịch sinh thái cộng đồng có kiểm soát tại Cát Bà và một số khu vực có tiềm năng; nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản sinh thái dưới tán rừng kết hợp bảo vệ môi trường – nâng cao thu nhập – gắn kết cộng đồng với rừng; đẩy mạnh thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng, gắn với trách nhiệm của các cơ sở du lịch, doanh nghiệp hưởng lợi từ rừng. Tăng cường đào tạo cán bộ Kiểm lâm, bảo tồn theo hướng chuyên sâu (bảo tồn biển – rừng – rừng ngập mặn), có năng lực ứng dụng công nghệ và làm việc liên ngành. Hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho cộng đồng sống gần rừng, giảm áp lực lên tài nguyên như hoạt động nuôi trồng sạch, du lịch trải nghiệm, phát triển cây dược liệu...

## **X. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Để tăng cường công tác quản lý môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng kính đề nghị:

### **1. Chính phủ**

- Sớm ban hành Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

- Sửa đổi Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng điều chỉnh tiêu chí tỷ lệ số hộ làm nghề/tổng số hộ dân của làng cho phù hợp thực tế; chính sách hỗ trợ không nên dàn trải ở tất cả các ngành nghề như hiện nay mà nên tập trung ưu tiên hỗ trợ phát triển một số nghề, làng nghề mang giá trị văn hóa, truyền thống địa phương, có nguy cơ mai

một như nghề gốm sứ, gỗ mỹ nghệ, thêu ren.. và làng nghề có giá trị kinh tế, ít ảnh hưởng gây ô nhiễm môi trường và có tiềm năng phát triển.

- Ban hành Danh mục các loại hình dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh để có cơ sở thực hiện thống nhất và tăng khả năng tiếp nhận của các dự án xanh, khu công nghiệp sinh thái theo quy định.

- Quy định cụ thể về các nguồn quỹ ngân sách trung ương và địa phương dành cho cấp tín dụng hoặc bảo lãnh tín dụng xanh để hỗ trợ đẩy nhanh toàn diện việc chuyển đổi xanh, phát triển bền vững.

- Cho phép các địa phương được thí điểm quyết định sử dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, tái chế tái sử dụng, sinh thái của các nước phát triển nếu trong nước chưa có các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan.

## **2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

- Sớm ban hành các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường, quản lý và tái sử dụng, tái chế chất thải cho phát triển kinh tế tuần hoàn; thực hiện lồng ghép kinh tế tuần hoàn ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; xây dựng hệ thống các chỉ tiêu cụ thể để đánh giá kết quả thực hiện kinh tế tuần hoàn phù hợp với ngành, lĩnh vực, sản phẩm và địa bàn được giao quản lý. Xây dựng cơ sở dữ liệu về kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi kinh tế số để các doanh nghiệp có thể tăng cường tra đổi, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm từ các nước, các doanh nghiệp đã và đang triển khai thành công mô hình kinh tế này.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC, đảm bảo chỉ duy trì 01 hệ thống, quy trình giải quyết phù hợp với quy trình TTHC đã được công bố.

- Ban hành đồng bộ các quy định, tiêu chuẩn về tái chế, tái sử dụng chất thải, đặc biệt là tái chế nước thải trong các KCN để thúc đẩy cộng sinh công nghiệp, kinh tế tuần hoàn theo Luật Bảo vệ môi trường.

- Thống nhất trách nhiệm lấy ý kiến tổ chức chuyên môn đối với tính toán mô hình phát tán chất ô nhiễm và sự cố môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường do chủ dự án tham vấn ý kiến, Giấy phép môi trường do cơ quan cấp phép tham vấn ý kiến). Thống nhất biểu mẫu Thông báo kết quả kiểm tra vận hành thử nghiệm của cơ quan cấp phép. Đơn giản hóa và thống nhất mẫu biểu đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường do hệ thống mẫu hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường còn phức tạp, nhiều mẫu theo từng hình thức thẩm định.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước tại các địa phương và tạo điều kiện cho cán bộ của tỉnh, thành phố tham gia các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường để nâng cao trình độ quản lý của cán bộ cơ sở. Tiếp tục thực hiện

cơ chế, chính sách hỗ trợ các cơ sở trang trại, hộ chăn nuôi đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi đảm bảo các quy định về môi trường để đạt mục tiêu ngành chăn nuôi phát triển theo hướng chăn nuôi công nghiệp tập trung và hiện đại, bảo đảm chăn nuôi an toàn, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

- Có chính sách hỗ trợ các địa phương tiếp nhận, sử dụng nguồn kinh phí Trung ương cho hoạt động bảo vệ môi trường.

- Hướng dẫn quy trình thực hiện đóng cửa đối với các bãi xử lý rác thải sinh hoạt không hợp vệ sinh.

**3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ:** sớm hoàn thiện những chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cá nhân thực hiện đổi mới, sáng tạo trong sản xuất tạo ra những sản phẩm thân thiện với môi trường với khả năng tái sử dụng, tái chế cao.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng nhân dân thành phố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, PCT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- VP ĐDBQH&HĐND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Anh Quân**